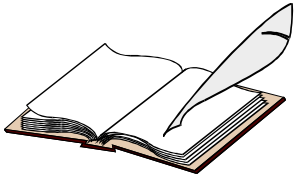


THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de publication: Nguyễn Văn Huy



Xã luận

ISSN 1145-9557 Số 175 - Năm thứ 16, tháng 11-2003

Đàn áp Phật Giáo : còn tệ hơn cả một tội ác

Đặc điểm của các chế độ đến ngày tàn là chúng liên tiếp phạm những lỗi lầm vô lý. Vụ đàn áp Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trong tháng 10 vừa qua là một thí dụ điển hình.

Sự kiện khởi đầu tự nó không quan trọng. Một phái đoàn GHPGVNTN rời Quảng Ngãi về Sài Gòn bị công an ngăn chặn. Thực ra công an không ngăn chặn cả phái đoàn mà chỉ không cho một người được rời Quảng Ngãi về Sài Gòn : hòa thượng Thích Huyền Quang. Phản đối, nạt nộ, giữ lại, cho đi, rồi lại chặn bắt, lục soát, hỏi cung, v.v. Sau đó là hàng loạt các biện pháp quản chế, cấm đoán, hăm dọa. Vụ việc gây phẫn nộ trong dân chúng, lan ra hải ngoại và tạo ra những phản ứng bất lợi cho Hà Nội trong dư luận thế giới và từ các chính phủ dân chủ.

Việc cấm hòa thượng Huyền Quang về Sài Gòn, hay di chuyển đi bất cứ nơi nào là một hành động tùy tiện, xúc phạm đến quyền của một công dân. Biện pháp này cũng vô nhân đạo vì hòa thượng Huyền Quang đã gần 90 tuổi, đang yếu bệnh và cần về Sài Gòn để được săn sóc. Nó cũng cực kỳ thô鄙 vì chỉ mới cách đây vài tháng hòa thượng đã được thủ tướng Phan Văn Khải long trọng tiếp đón trong một cuộc gặp gỡ được quảng cáo rầm rộ. Nếu chính quyền cộng sản Việt Nam muốn được thế giới coi là một tập đoàn cầm quyền tráo trở và lật lọng họ không thể làm hơn được.

Không phải chỉ có thế, những hành động thô bạo này lại xảy ra vào giữa lúc quốc hội Mỹ đang chuẩn bị biểu quyết một nghị quyết về vấn đề nhân quyền tại Việt Nam, một nghị quyết nếu được thông qua sẽ có những hậu quả tai hại cho chính quyền cộng sản. Phải chăng là Đảng Cộng Sản Việt Nam bất chấp những hậu quả này ? Nếu như vậy thì mục đích của cuộc tiếp xúc long trọng mà ông Phan Văn Khải dành cho hòa thượng Huyền Quang hồi tháng 6 vừa qua nhằm mục đích gì ? Lố lằng và mâu thuẫn. Đó là những dấu hiệu của một chính quyền bối rối và chao đảo.

Có thể hiểu những biến cố này như thế nào ? Có thể

chỉ giản dị là chính sách cố hữu của Đảng Cộng Sản Việt Nam, dù dở không được thì bóp chết. Hòa thượng Huyền Quang đã không bị lung lạc vì sự u ái giả dối của Phan Văn Khải. Ngay sau đó ông triệu tập hội nghị GHPGVNTN để bổ sung nhân sự cho hai cơ quan đầu não của giáo hội là Hội Đồng Giáo Phẩm (tức Viện Tăng Thống) và Viện Hóa Đạo. Cũng có thể là do sự thiếu phối hợp, chính quyền địa phương Bình Định đã ra tay một cách thô bạo hơn mức độ mà chính quyền trung ương muốn. Nhưng điều chắc chắn là chính quyền cộng sản Việt Nam đã không đánh giá được quyết tâm của các tăng ni và Phật tử thuộc GHPGVNTN, và cũng không dự trừ được phản ứng của dư luận. Vụ đàn áp này đã gây sôi nổi hơn hẳn mức độ mà họ dự liệu và đặt họ trong thế bối rối.

Đối phó lại sự hung bạo này, tăng ni và Phật tử đã chỉ có những vũ khí của những nạn nhân lương thiện : tiếp tục nói lên tiếng nói của lẽ phải, và tuyệt thực. Chính quyền cộng sản sẽ lại sai lầm lớn nếu coi thường vũ khí này, lẽ phải có sức mạnh của nó.

Đợt đàn áp này, kế tiếp đợt đàn áp còn thô bạo hơn với những người dân chủ, chứng tỏ chế độ cộng sản Việt Nam đã mất đi mọi phản xạ thông minh. Họ không khủng bố được ai. Sự khủng bố chỉ có hiệu lực nếu nó đi đôi với một không chế tư tưởng qua một ý thức hệ độc tôn được vận dụng triệt để ; khủng bố tiêu diệt các chống đối trong khi không chế tư tưởng tiêu diệt ý muốn chống đối. Nhưng ngày nay chủ nghĩa Mác Lênin đã sụp đổ hoàn toàn, các phương tiện truyền thông đã phá tan bức tường bưng bít. Hơn nữa, Việt Nam bị bắt buộc phải hòa nhập ngày một chặt chẽ hơn với thế giới. Các biện pháp thô bạo chỉ còn là những hành động tự sát. Tệ hơn một tội ác, đây là một sự vụng dại.

Cuộc đấu tranh của GHPGVNTN không phải chỉ mang tính tôn giáo. Nó là cuộc tranh đấu để đòi hỏi những quyền cơ bản nhất của con người trong một thế giới văn minh. Nó phải được sự ủng hộ nồng nhiệt của mọi người.

Thông Luận

TUYÊN NGÔN

của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất

Nhận định :

1. Sự kiện xảy ra tại huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, sáng ngày 8-10 vừa qua, khi 40 công an mặc thường phục ngăn cản chiếc xe chở chư vị giáo phẩm Phật giáo lên đường đi Sài Gòn, là một xúc phạm nhân phẩm và quyền tự do đi lại của hàng giáo phẩm Phật giáo được bảo đảm trong Hiến pháp Việt Nam và trong Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị của Liên Hiệp Quốc, mà Việt Nam tham gia ký kết năm 1982. Xe này chở Đức Tăng thống Thích Huyền Quang, Hòa thượng Thích Quảng Độ, viện trưởng Viện Hóa Đạo, và chư Thượng tọa Thích Tuệ Sỹ, Thích Viên Định, Thích Thanh Huyền, Thích Nguyên Lý là giáo phẩm cao cấp thuộc Ban Chỉ Đạo Viện Hóa Đạo, cùng với ba Tăng sĩ thị giả và hai Phật tử tháp tùng;

2. Sự kiện chiếc xe van chở 11 người phải nằm dưới nắng như thiêu đốt từ 5 giờ sáng đến 3g30 chiều, đặc biệt đối với Đức Tăng thống Thích Huyền Quang, 86 tuổi, Hòa thượng Thích Quảng Độ, 75 tuổi, mà cơ quan công quyền không chịu giải tỏa giao thông và cũng không cho biết lý do, dù có yêu cầu, là một hành động đàn áp nhân quyền và tôn giáo ;

3. Sự kiện công an mặc thường phục gia tăng áp lực và bao quanh xe hăm dọa, khiến 200 Tăng Ni và trên 1.000 đồng bào Phật tử bất mãn trước sự phân biệt đối xử có tính hành hung đối với hàng lãnh đạo Phật giáo, nên đã ôn hòa dựng lên quanh xe bức tường người bảo vệ, nói lên một hoàn cảnh trầm trọng phi luật pháp cần quan tâm, nhưng đồng lúc nhờ áp lực quần chúng Phật tử, mà công an chôn bước để cho xe lên đường ra đi vào lúc 3 giờ 30 chiều ;

4. Thế nhưng sau một đêm nghỉ mệt tại chùa Linh Sơn ở Vạn Giã, vào sáng ngày 9-10, công an đã phục kích tại đèo Rù Rì ở Lương Sơn cách thành phố Nha Trang 25 cây số, chặn không cho xe về Sài Gòn, cầm cố và phân tán riêng từng người để tra hỏi và giam riêng không lý do. Sau 8 giờ đồng hồ "làm việc", công an cưỡng bức và áp giải Đức Tăng thống Thích Huyền Quang về lại tu viện Nguyên Thiều ở Bình Định và đưa Hòa thượng Thích Quảng Độ trong tình trạng ngất xỉu về Thanh Minh Thiền Viện ở Sài Gòn. Các Thượng tọa Thích Tuệ Sỹ, Thích Viên Định, Thích Thanh Huyền, Thích Nguyên Lý bị giam giữ từ ngày 9 đến khuya ngày 11-10 để hỏi cung và đe dọa không được tiếp tục tham gia giữ các chức vụ tôn giáo trong Ban Chỉ đạo Viện Hóa Đạo, chứng tỏ chính sách đàn áp quy mô Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đang được thực hiện, mặc dù Thủ tướng Phan Văn Khải đã hứa hẹn thay đổi và sửa sai chính sách này khi gặp gỡ Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang tại Hà Nội hôm 2-4-2003 ;

5. Trong mấy ngày vừa qua, những lời tuyên bố vu khống, bóp méo các sự kiện trên của người phát ngôn Bộ Ngoại giao tại Hà Nội, càng chứng tỏ âm mưu che đậy chính sách đàn áp quy mô Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống

Nhất nhằm đánh lừa công luận thế giới ;

6. Quyết định "quản chế hành chính" 2 năm dành cho chư Thượng tọa Thích Tuệ Sỹ, Thích Thanh Huyền và Thích Nguyên Lý do Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ký và chiếu theo Nghị định 31/CP, là nghị định cho phép bỏ tù mọi công dân không cần thông qua tòa án, là vi phạm trắng trợn các quyền dân sự và chính trị của người công dân. Vào tháng 7 năm 2002, Ủy ban Nhân quyền Liên Hiệp Quốc đã khuyến cáo phái đoàn Bộ Tư pháp Việt Nam tại Genève, rằng Nghị định 31/CP trái chống với mọi tiến trình pháp luật được bảo đảm trong Hiến pháp Việt Nam cũng như trong mọi Công ước quốc tế về nhân quyền.

Nay xác định :

1. Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất là một giáo hội dân lập và truyền thống nối tiếp sự có mặt của Đạo Phật trên đất nước Việt Nam từ 2000 năm qua. Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất chào đón thân hữu mọi sinh hoạt tôn giáo của tất cả các môn phái, tổ chức Phật giáo, trong việc nghiên cứu, tu học và thực hành giáo lý của đức Phật. Nhưng không chấp nhận bất cứ âm mưu chính trị nào muốn biến Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất thành công cụ chính trị hoặc đánh giá sai lạc về tính cách truyền thống và đại diện thực hữu của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trong lòng dân tộc và lịch sử ;

và tuyên bố :

2. Yêu sách Nhà cầm quyền Hà Nội chấm dứt chính sách đàn áp quy mô Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất như đã thực hiện từ sau năm 1955 tại miền Bắc và sau năm 1975 tại miền Nam, hầu mở ra thời đại mới biết tôn trọng các quyền con người cơ bản, trong đó có quyền tự do tôn giáo, mở đầu bằng việc phục hồi quyền sinh hoạt pháp lý của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất cũng như quyền tự do sinh hoạt tôn giáo của nhị vị Hòa thượng lãnh đạo Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ. Chấm dứt việc phong tỏa chùa chiền, tu viện từ miền Nam ra đến miền Trung ; thiết lập lại đường dây điện thoại cho tất cả các chùa, viện ở hai miền nói trên ;

3. Kêu gọi Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước cùng đồng bào các giới hãy lên tiếng hậu thuẫn cho yêu sách chính đáng đòi hỏi tôn trọng tự do tôn giáo và tín ngưỡng của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, và

4. Kêu gọi các Chính phủ và nhân dân yêu chuộng công lý và tự do trên thế giới cùng các tổ chức nhân quyền quốc tế hãy gây áp lực để bảo vệ các quyền con người và quyền dân sự của người công dân có tôn giáo tại Việt Nam, tố cáo những hành vi thô bạo, phi pháp, xảy ra từ ngày 8-10-2003 và yêu sách trả tự do tức khắc cho Đức Tăng thống Thích Huyền Quang, Hòa thượng Thích Quảng Độ, Hòa thượng Thích Thiện Hạnh, chư Thượng tọa Thích Tuệ Sỹ, Thích Thanh Huyền, Thích Nguyên Lý, Thích Phước An, Thích Thái Hòa cùng hai Đại đức Thích Nguyên Vương, Thích Đồng Thọ.

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên ủng hộ bản tuyên ngôn này và kêu gọi độc giả cùng ký tên ủng hộ. Những tổ chức và cá nhân luôn ký tên ủng hộ, xin liên lạc với :

Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế, BP 63, 94472 Boissy Saint Léger Cedex, France. ĐT : (33) 01 45 98 30 85 - Fax : (33) 01 45 98 32 61. Email : ubuv.ibib@buddhist.com.

SỰ HUNG BẠO MIỄN PHÍ

Ngày 8-10-2003, lúc 5 giờ sáng, chiếc xe van chở 12 tăng sĩ của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, trong đó có hai hòa thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ cùng thượng tọa Thích Tuệ Sỹ, rời tu viện Nguyên Thiều, Bình Định, để về Sài Gòn sau tiền đại hội Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Xe rời chưa rời tu viện được 200 thước thì khoảng 40 người lạ mặt chặn xe lại. Những người này xưng là những "Phật tử yêu mến thầy Huyền Quang" không muốn thầy rời Bình Định. Tinh cảm tuy tốt như vậy nhưng thái độ của họ rất là hung hăng, bất chấp cả hòa thượng Huyền Quang và còn rất khiếm nhã. Sau một vài phút cãi cọ, bộ mặt thật của những người này lộ rõ : họ đều là công an.

Giằng co và xô đẩy trong mấy giờ liền. Rồi công an mặc sắc phục đến lập biên bản yêu cầu các thầy ký nhận tội gây rối trật tự giao thông. Các thầy nhất định không ký biên bản vô lý đó.

Cùng lúc đó một sự kiện khác xảy ra, Phật tử đến bên vực các thầy ngày càng đông, và lần này thì đúng là những Phật tử chân chính. Sự phấn nộ lên cao. Đến 3 giờ rưỡi chiều, sau hơn 10 giờ cãi cọ, công an địa phương nhượng bộ, cho chiếc xe khởi hành tiến về Sài Gòn.

Gian truân của các tu sĩ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất vẫn chưa hết. Họ dừng chân nghỉ đêm tại chùa Lương Sơn, ở Vạn Giã, cách Nha Trang khoảng 30 cây số về phía Nam. Sáng hôm sau, khi xe rời chùa đến đèo Rù Rì thì lại bị một toán công an mặc sắc phục ra chặn lại. Lần này thì không còn nể nang gì nữa. Hai tăng sĩ thị giả (hầu cận) của hòa thượng Huyền Quang, một thượng tọa và một đại đức bị công tay dẫn đi. Hai lão hòa thượng Huyền Quang và Quảng Độ cũng bị khám xét thân thể và đưa về đồn công an thẩm vấn và bị buộc tội mang trong người tài liệu bí mật quốc gia. Đây chỉ là một vụ cáo vì áo cà sa làm gì có túi để mang tài liệu, hai đại lão hòa thượng không có bất cứ một tài liệu nào trong người. Chỉ có một thượng tọa đi cùng có biên bản buổi tiền đại hội ngày 1-10-2003 tại chùa Nguyên Thiều mà thôi. Lời vu cáo thô vụng này sau đó đã được người phát ngôn bộ ngoại giao, Lê Dũng, lặp lại trong cuộc họp báo tại Hà Nội. Trước sự ngỡ ngàng của các ký giả ngoại quốc, Lê Dũng còn nói thêm là các vị tu sĩ đã dùng lời lẽ thô lỗ với công an.

Sau những thủ tục lục soát và thẩm vấn kéo dài, mà mục đích là khiêu khích và hạ nhục, hòa thượng Huyền Quang được đưa về lại tu viện Nguyên Thiều, các vị khác bị áp giải về Sài Gòn. Tại đây ba thượng tọa Tuệ Sĩ, Thanh Huyền và Nguyên Lý bị giam giữ ba ngày rồi được phóng thích nhưng cả ba đều bị quản chế hai năm. Ngoài ra, tám thượng tọa và đại đức khác cũng bị quản chế bằng lệnh miệng. Tổng cộng có 11 vị bị quản chế.

Tin từ Việt Nam cho hay hòa thượng Quảng Độ đã tuyên bố tuyệt thực để phản đối những hành động thô bạo này. Tại Huế, hòa thượng Thích Thiện Hạnh cũng tuyệt



Hòa thượng Thích Huyền Quang Hòa thượng Thích Quảng Độ Thượng tọa Thích Tuệ Sỹ
tại tu viện Nguyên Thiều ngày 1-10-2003

thực để phản đối. Hiện nay tất cả các chùa có các vị tăng sĩ có tên trong danh sách Viện Hóa Đạo và Hội Đồng Giáo Phẩm đều bị cô lập, điện thoại bị cắt và Phật tử bị cấm ra vào.

Qua những biện pháp đàn áp này rõ ràng là chính quyền cộng sản Việt Nam muốn xóa bỏ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất được chính thức thành lập từ thập niên 1960 và được biết đến như là một tổ chức tôn giáo có lập trường độc lập, nhiều khi không thuận cho chính quyền Việt Nam Cộng Hòa. Tuy vậy, ngay sau chiến thắng của phe cộng sản tháng 4-1975, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất liền bị đàn áp ngay. Thượng tọa Quảng Độ, tổng thư ký Viện Hóa Đạo, bị bôi nhọ trên báo chí nhà nước ngay tháng 5-1975.

Năm 1977, sau khi họp một đại hội, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất chính thức bị cấm hoạt động. Chính quyền cộng sản cho ra đời "Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam" (được hiểu là giáo hội Phật Giáo quốc doanh), bắt giam và lưu đày các hòa thượng Huyền Quang và Quảng Độ. Hòa thượng Quảng Độ bị lưu đày ra tỉnh Thái Bình cho đến năm 1988, sau đó ông tự ý bỏ về Thanh Minh Thiền Viện tại Sài Gòn và liên tục bị sách nhiễu. Ông bị kết án 5 năm tù, rồi bị quản chế 2 năm từ tháng 6-2001. Hòa thượng Huyền Quang cũng bị giam giữ nhiều năm và sau cùng bị quản thúc tại chùa Quang Phước, tỉnh Quảng Ngãi. Việc quản thúc này hoàn toàn phi pháp vì không có một văn bản chính thức nào cả.

Năm 1989, một sự kiện bất ngờ cho chính quyền cộng sản xảy ra : hòa thượng Thích Đôn Hậu, chánh thư ký xử lý Viện Tăng Thống, một người đã từng vào bưng theo phe cộng sản và được làm đại biểu quốc hội cộng sản nhưng không tham gia "Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam", qua đời. Trước khi chết, ông đã để lại di chúc trao ấn tăng thống cho hòa thượng Huyền Quang và bày tỏ sự tín nhiệm đối với hòa thượng Quảng Độ. Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất được một sinh khí mới do tính chính đáng này. Nhưng từ đó cũng liên tục gặp gian truân. Trong một biện pháp thô bạo, chính quyền cộng sản khám xét chùa Quang Phước và tịch thu ấn tăng thống của hòa thượng Huyền Quang.

Tháng 6-2003 vừa qua, để xoa dịu dư luận vào giữa lúc quốc hội Hoa Kỳ đang nghiên cứu để chuẩn bị biểu quyết một nghị quyết về nhân quyền tại Việt Nam, thủ tướng

Phan Văn Khải bất ngờ mời hòa thượng Huyền Quang ra Hà Nội và tiếp kiến ông một cách long trọng. Trong cuộc gặp gỡ này, Phan Văn Khải đã hé mở cho hòa thượng Huyền Quang hay là ông có thể được cử thay thế hòa thượng Thích Tâm Tịch, pháp chủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam (nhà nước). Ông Khải cũng tuyên bố rằng việc quản chế các hòa thượng Huyền Quang và Quảng Độ là do sai lầm của chính quyền địa phương và sẽ được giải quyết. Đây cũng là một tính toán để chia rẽ hai hòa thượng Huyền Quang và Quảng Độ. Hòa thượng Huyền Quang đã phản ứng một cách bình thản, ông yêu cầu nhà nước để cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất được tự do hoạt động và khẳng định sự liên đới với giáo hội. Sau cuộc gặp gỡ này hòa thượng Huyền Quang được đưa về chùa Nguyên Thiều, do chính ông xây dựng năm 1960, thuộc tỉnh Bình Định.

Ngày 19-9-2003, hòa thượng Huyền Quang triệu tập một buổi họp tại tu viện Nguyên Thiều chuẩn bị chấn hưng lại Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Ngày 1-10-2003 hòa thượng triệu tập một "tiền đại hội" tăng sĩ Phật Giáo tại chùa Nguyên Thiều, với sự tham dự của hơn 60 hòa thượng, thượng tọa và đại đức. Tiền đại hội này bổ sung nhân sự cho hai cơ chế lãnh đạo của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất là Hội Đồng Giáo Phẩm (trước đây gọi là Viện Tăng Thống) và Viện Hóa Đạo. Theo cơ cấu mới, Hội Đồng Giáo Phẩm sẽ gồm 25 vị, trong đó có 10 vị ở nước ngoài, Viện Hóa Đạo gồm 16 vị, trong đó có 3 vị ở nước ngoài. Tiền đại hội cũng ủy nhiệm cho các chư tăng thuộc hai cơ chế này ở nước ngoài tổ chức đại hội Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Đây là một biến cố quan trọng cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và là đại hội đầu tiên sau 25 năm bị cấm hoạt động. Đại hội được gọi là "tiền đại hội" vì các vị lãnh đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất lo âu đại hội có thể bị gián đoạn do sự can thiệp của công an. Tuy vậy chính quyền Bình Định cũng đã không phản ứng kịp thời nên đã hành động một cách thô bạo khi các thầy rời chùa Nguyên Thiều về Sài Gòn.

Đại hội Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, được sự ủy nhiệm của tiền đại hội, đã họp tại Melbourne (Úc) ngày 11 và 12-10-2003 vừa qua, và đã chính thức suy tôn hòa thượng Huyền Quang làm tăng thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Đợt đàn áp Phật Giáo này đã gây xúc động lớn trên thế giới, đặc biệt là trong cộng đồng người Việt hải ngoại. Các cuộc biểu tình và tuyệt thực đã diễn ra tại nhiều thành phố lớn có đông người Việt cư ngụ. Các tổ chức người Việt hải ngoại đã nỗ lực tiếp tay vận động các chính phủ, các tổ chức nhân quyền và dư luận thế giới bênh vực Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và lên án chính quyền Hà Nội.

Dù có tám tu sĩ bị quản chế, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất không suy giảm mà còn lớn lên sau vụ đàn áp này, trong khi ngược lại chính quyền cộng sản Việt Nam ngày càng bị cô lập và bị lên án nghiêm khắc.

Nguyễn Văn Huy

Thơ

ƯỚC GÌ

Ước gì ôm được quê hương
 Vào lòng cho thỏa nhớ thương cõi lòng
 Ngỡ rằng cách núi ngăn sông
 Ngỡ rằng xa mặt cách lòng quê ơi
 Càng xa càng nhớ khôn nguôi
 Thiết tha như nỗi nhớ người tình chung
 Đồi khi hạnh phúc vô cùng
 Trong dòng suy tưởng mông lung tìm về
 Chỉ là lát lẽ cầu tre
 Hiu hiu ngọn gió trưa hè con sông
 Chỉ là những mái nhà tranh
 Chiều về nhà khói quây quần bên nhau
 Chỉ là nhịp võng đêm thâu
 Mẹ ru con giấc ngủ sâu êm đềm



Bao nhiêu nỗi nhớ không tên
 Bấy lâu nay tưởng ngủ quên trong lòng
 Thời gian cùng những hoài mong
 Là niềm trắc ẩn mảnh lòng tha phương
 Ước gì hôn được quê hương
 Như là từng được hôn em thuở nào
 Để tôi hôn ngọt hôn ngào
 Sông dài biển rộng biết bao nhiêu tình
 Ước gì quê ở bên mình
 Để trang trải mối u tình với quê
 Để cười để nói mãi mê
 Để lòng tôi thấy hả hê với đời
 Để tôi rủ nắng trên trời
 Xướng đây sưởi ấm tình người phương xa
 Để nhìn chiếc áo bà ba
 Bên dòng sông Cửu chan hòa nắng quê
 Để nghe rộn bước chân về
 Ba mươi sáu phố phường xưa thuở nào
 Để tôi chẳng hiểu vì sao
 Câu thơ lục bát đi vào nón em
 Chiều về nắng đổ nghiêng nghiêng
 Vàng phai tà áo dài em trên đường
 Ước gì làm được khói sương
 Để tôi quện lấy Trường Sơn, Thái Bình
 Im nghe non nước thề nguyện
 Núi mòn biển cạn vẫn tròn thủy chung
 Ước gì làm được dòng sông
 Chảy về hợp với Cửu Long, Hồng Hà
 Căng bầu sữa mẹ phù sa
 Nuôi hai bờ lúa quê nhà bội thu
 Xóa tan đi lớp sương mù
 Đói nghèo quanh quẩn cầm tù quê hương



Ước gì thấy được quê hương
 Như là từng thấy tuyết sương xứ người
 Sài Gòn, Hà Nội, Huế ơi... !!!
 Ở đây chỉ có một trời nhớ thương
 Chân đi khắp lối cùng đường
 Vẫn chưa đi nổi một phương quê nhà
 Bùn ba khắp nẻo trời xa
 Hôm nay cảm thấy nhớ nhà làm sao

Sông Lô (Hanover)

Tôn giáo và cuộc vận động dân chủ

Nguyễn Gia Kiểng

Những ai thất vọng với Hội Đồng Giám Mục Công Giáo Việt Nam trong vụ Nguyễn Văn Lý chắc phải hài lòng với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Một bên là một thái độ cầu hòa, bỏ rơi một linh mục cương trực bị bách hại một cách thô bạo và tùy tiện, một bên là sự dũng cảm tập thể chống lại bạo quyền bằng lẽ phải và trái tim. Nhiều người còn nhìn thấy trong cuộc đấu tranh chống đàn áp của GHPGVNTN một cơ hội để đánh bại chế độ độc tài này. Có thể còn có những người hy vọng nhìn thấy nơi GHPGVNTN một lực lượng dẫn đường cho cuộc đấu tranh vì tự do, dân chủ.

Phải coi chừng những kỳ vọng quá đáng bởi vì chúng có thể trở thành những thất vọng không đúng. Có ít nhất hai ngộ nhận cần được cảnh giác.

Ngộ nhận thứ nhất là về tương quan giữa chính trị và tôn giáo nói chung. Tính cách huyền bí của các tôn giáo không được làm ta quên đi rằng mọi tôn giáo đều xuất phát từ một tham vọng thay đổi cơ cấu quyền lực trong xã hội, trong nhiều trường hợp là để nắm được quyền lực. Ý niệm tôn giáo đầu tiên xuất hiện từ các xã hội bán khai với sự thờ cúng tổ tiên. Người ta nghĩ rằng linh hồn tổ tiên vẫn còn và có thể phù hộ, và người ta cầu xin tổ tiên để có quyền lực trên bệnh tật, môi trường thiên nhiên và trong cộng đồng. Việc thờ cúng tổ tiên nhằm tác dụng tăng cường quyền lực của người đang sống. Những kẻ nghèo hèn không có, hay chỉ có rất ít, tổ tiên; mồ mả ông cha họ chìm vào quên lãng trong một vài thế hệ; đại đa số không có gia phả. Họ phải thờ cúng tổ tiên của kẻ cầm quyền và sự thờ cúng này có tác dụng củng cố địa vị thống trị của kẻ cầm quyền. Một thí dụ: giấc mơ của kẻ sĩ trong xã hội Trung Hoa và Việt Nam là được vào nơi miếu đường, tức là nơi chôn cất tổ tiên của nhà vua. Mơ ước được thờ cúng tổ tiên người khác này là một sự vọng thân tuyệt đối.

Các tôn giáo văn minh cũng đều xuất phát từ một dự án chính trị, để thay đổi cách tổ chức xã hội và cơ cấu quyền lực. Liên hệ giữa tôn giáo và quyền lực bao giờ cũng có. Lão giáo, được coi như hoàn toàn vô tư và tách biệt khỏi cuộc đời, thực ra cũng là một giải pháp chính trị để giải thoát con người và trả lại cho con người khoảng không gian tự do đã bị các vua chúa cưỡng chiếm. Các thần linh được tưởng tượng do sự sợ hãi của con người trước thiên nhiên và bất trắc, và được lập tức sử dụng cho ước vọng quyền lực. Mười điều giáo lệnh là bộ luật dân sự đầu tiên, nhưng nếu Moise không nói đó là của Thượng Đế ban cho thì chắc chắn ông sẽ gặp rất nhiều phản đối. Jesus Christ nhằm giải phóng dân Do Thái khỏi ách đô hộ La Mã và cải tổ xã hội Do Thái nhiều hơn là để lập ra một tôn giáo mới. Thích Ca, cuối đời phủ nhận tất cả những gì mình đã nói (*ta có nói gì đâu*), nhằm trước hết phản bác chế độ đẳng cấp vô nhân đạo do sắc tộc Aryan áp đặt. Khổng

giáo, xuất phát từ đạo thờ cúng tổ tiên, về sau đã mất hết mọi tính siêu hình để chỉ còn là một ý thức hệ phục vụ cho kẻ cầm quyền. Hồi giáo trước sau vẫn chỉ là một dụng cụ để chinh phục và duy trì quyền lực tuyệt đối; điều này giải thích tại sao sự chống đối dân chủ đã mạnh mẽ nhất trong các xã hội Hồi giáo. Các giáo phái (sect) thì chỉ có mục đích duy nhất là tạo ra một lực lượng, một nhóm áp lực, hay một quyền lực cho những người cầm đầu; mục đích quyền lực nhiều khi lộ liễu đến nỗi giáo phái không cần có tín ngưỡng riêng, mà chỉ dựa vào tín ngưỡng có sẵn của một hay nhiều tôn giáo lớn khác, khi không phải là một tín ngưỡng hoang tưởng, như sẽ có tận thế năm 2000.

Tôn giáo nào cũng xuất phát từ một dự án chính trị, do đó có liên hệ mật thiết với quyền lực. Tuy nhiên bản chất của tôn giáo là dựa trên những tín điều, nghĩa là những xác quyết một mặt không thể chứng minh, nhưng mặt khác lại không thể, hoặc rất khó, thay đổi. Chính vì thế mà các tôn giáo mâu thuẫn với chính trị, nghĩa là nghệ thuật để điều hành một xã hội không ngừng thay đổi. Khi tôn giáo nắm được chính quyền nó khiến xã hội bế tắc. Khổng giáo đã khiến xã hội Trung Hoa dậm chân tại chỗ trong hơn 2.000 năm. Thiên Chúa giáo đã phủ màn đêm Trung Cổ xuống châu Âu hơn một ngàn năm. Hồi giáo sau đợt phát triển thần tốc lúc ban đầu đã trói chân các xã hội mà nó chinh phục được trong những chế độ bạo ngược với những luật lệ gớm ghiếc. Mâu thuẫn của Phật giáo với chính trị thì quá rõ ràng: trừ trường hợp Tây Tạng, một trong những nước lạc hậu nhất thế giới, Phật giáo đã chỉ cầm quyền trong một thời gian ngắn ngủi ở một vài nước.

Tóm lại, tôn giáo xuất phát từ chính trị nên gắn bó mật thiết với chính trị nhưng, do bản chất bất biến, lại mâu thuẫn với chính trị nên đã dần dần bị tách khỏi chính quyền. Khoảng cách sẽ chỉ có thể gia tăng bởi vì vai trò chính của mọi chính quyền từ nay là thúc đẩy và tổ chức sự thay đổi. Trong thời đại này, một tôn giáo có thể đóng góp làm lung lay một chính quyền nhưng không thể lật đổ một chính quyền, càng không thể đảm nhiệm một chính quyền. Không có giải pháp Thiên Chúa giáo hay Phật giáo cho chính sách ổn định giá cả, mở rộng thị trường cà phê, phát triển kỹ nghệ xe hơi, đóng tàu... Ngay cả các đấu tranh chống chế độ độc tài cũng không thể đặt dưới màu cờ tôn giáo, bởi vì các tôn giáo, do những tín điều khác nhau và không thể du di, không thể kết hợp với nhau. Một mặt trận liên tôn chỉ là một ảo tưởng, khi không phải là một dàn dựng giả tạo. Những ai còn nuôi ảo tưởng này nên nhớ lại sự đổ vỡ của bản tuyên ngôn của bốn tôn giáo cách đây không lâu. Không nên tránh né vấn đề: một thay đổi chính trị đòi hỏi một tập hợp chính trị. Không có lực lượng quyền lực dân chủ thì không có dân chủ.

Ngộ nhận thứ hai là về Phật giáo và về Phật giáo Việt

Nam. Về bản chất, Phật giáo không phải là một tôn giáo tranh đấu. Lý tưởng của nó là tìm giải thoát cá nhân cho mọi hệ lụy của cuộc sống hàng ngày. Phật giáo Đại Thừa chỉ khác Phật giáo Tiểu Thừa ở chỗ nó muốn giải thoát và xoa dịu sự đau khổ của nhiều người ngay trong cuộc đời này.

Về tương quan giữa các tôn giáo và chính quyền, hầu hết các sử gia và nhà xã hội học lớn đồng ý trên một nhận định là có bốn trường hợp chính cho những quốc gia trong đó có một tôn giáo áp đảo từ sau thời Trung Cổ.

Trong các xã hội Thiên Chúa giáo, Thượng Đế và vua khác nhau, cái gì của Cezar là của Cezar, cái gì của Thiên Chúa là của Thiên Chúa, tôn giáo là tôn giáo, chính quyền là chính quyền.

Trong các xã hội Hồi giáo, Thượng Đế là vua, quyền lực trong tay tôn giáo và phục vụ cho tôn giáo. Từ vài thập niên gần đây, thực tế tuy có đổi khác nhưng đó vẫn là giáo lý của Hồi giáo.

Trong các xã hội Khổng giáo, vua là Thượng Đế, tôn giáo chỉ là dụng cụ của chính quyền. Sự lệ thuộc đã toàn diện đến nỗi sau cùng Khổng giáo mất cả tính tôn giáo, phần hình nhi thượng đã hoàn toàn biến mất, chỉ còn lại phần hình nhi hạ dạy cách tu thân để làm quan phục vụ nhà vua. Nhưng cũng vì gắn bó rất chặt chẽ với quyền lực mà đôi khi Khổng giáo cũng là yếu tố đưa đến sự loại trừ các hôn quân bạo chúa.

Trong các xã hội Phật giáo và Ấn giáo, Thượng Đế là một phụ tá hiền lành của nhà vua. "Thượng Đế" phải được hiểu theo nghĩa rộng vì thật ra đạo Phật không có Thượng Đế. Tôn giáo ở ngoài chính quyền nhưng là một đồng minh khách quan của chính quyền. Do bản chất từ chối mọi hệ lụy xã hội, không tìm sự thành công trong cuộc đời, Phật giáo không có nhu cầu thay đổi chế độ chính trị và còn đóng góp làm dịu xuống những mầm mống chống đối. Thay đổi chế độ để cải tiến cuộc đời này làm gì khi chính cuộc đời tự nó đã chẳng có ý nghĩa gì? Các xã hội Phật giáo thường rất ổn định về mặt chính trị.

Nhiều người cho rằng Phật giáo Việt Nam là một ngoại lệ. Nhận xét này có phần đúng. Sự khác biệt có thể giải thích là vì Phật tử, và ngay cả tăng ni, Việt Nam không phải chỉ chịu ảnh hưởng của triết lý Phật giáo mà có lẽ còn chịu ảnh hưởng nhiều hơn của Nho giáo. Từ cuối thế kỷ 19, Việt Nam cũng là nước Đông Nam Á tiếp xúc nhiều nhất với phương Tây.

Tuy nhiên sẽ là một sai lầm nếu đánh giá quá cao tính chiến đấu của Phật giáo Việt Nam. Năm 1963, khi đứng lên chống lại chính quyền Ngô Đình Diệm, Phật giáo đã được sự tiếp tay của hai thế lực mạnh theo đuổi những mục tiêu khác nhau nhưng cùng muốn lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, đó là cộng sản và Mỹ. Và cũng không phải Phật giáo đã lật đổ Ngô Đình Diệm. Chính Hoa Kỳ đã lật đổ ông Diệm, mượn tay các tướng tá Việt Nam Cộng Hòa. GHPGVNTN sau đó đã thất bại trong cuộc động viên chống Nguyễn Cao Kỳ, mặc dầu được một số tướng tá ủng hộ, vì không được Phật tử hưởng ứng mạnh. Sau năm 1975, khi nhà cầm quyền cộng sản trắng trợn đàn áp Phật giáo

và thành lập một "Giáo hội Phật giáo quốc doanh", sức đề kháng của Phật giáo cũng đã rất yếu. Việc bắt giam và lưu đày các hòa thượng Huyền Quang và Quảng Độ cũng như một số tăng sĩ khác đã không gặp một phản ứng đáng kể nào. Cuộc tranh đấu của GHPGVNTN đã chỉ gây tiếng vang thực sự từ mười năm gần đây nhờ nhiều yếu tố, trong đó quan trọng nhất là sự dũng cảm của hàng giáo phẩm đứng đầu là hai hòa thượng Huyền Quang và Quảng Độ. Dầu vậy cũng phải nhìn nhận một sự thực là tuyệt đại đa số tăng sĩ và Phật tử tuy nhìn thấy sự thô bạo của chế độ và tâm phục các vị lãnh đạo GHPGVNTN đã không nhập cuộc. Dù không vui lòng, họ đã cam chịu chấp nhận "Giáo Hội Phật Giáo" do nhà nước cộng sản dựng lên và quản lý. Phật giáo Việt Nam có khác phần nào nhưng cũng vẫn là Phật giáo. Một trong những sai lầm lớn nhất của Đảng Cộng Sản Việt Nam sau năm 1975 là đã đàn áp Phật giáo, một tôn giáo không tranh giành gì với bất cứ ai.

Nói như thế không có nghĩa là đánh giá thấp GHPGVNTN. Trái lại càng phải kính trọng sự kiên trì bảo vệ lẽ phải và đạo pháp của họ trong hoàn cảnh khó khăn. Không những thế, còn phải đánh giá đúng yếu tố Phật giáo trong cuộc vận động dân chủ vì Phật giáo tuy không có khả năng để chủ động một cuộc tranh đấu nào, nhưng lại có một sức mạnh rất lớn khi bị đàn áp. Phật giáo là tôn giáo lâu đời nhất của Việt Nam và hiện diện trong lòng mọi người Việt Nam. Người Việt Nam nào không nhiều thì ít cũng là Phật tử, cho nên chèn ép Phật giáo là xúc phạm tới cả dân tộc.

Nói như thế cũng không phải là để hướng về một tôn giáo khác. Công giáo tuy khá mạnh về tổ chức, phương tiện, hậu thuẫn và chất xám chỉ là tôn giáo của 8% dân chúng Việt Nam và tương đối vẫn còn mới đối với một đất nước lâu đời như Việt Nam. Hòa Hảo và Cao Đài là những tôn giáo địa phương. Cả bốn tôn giáo, đặc biệt là Phật giáo, đều là những thành phần dân tộc quan trọng có thể tiếp tay cho cuộc vận động dân chủ và chắc chắn sẽ tiếp tay vì chính họ đang là nạn nhân của chế độ độc tài; nhưng không tôn giáo nào có thể đảm nhận cuộc vận động dân chủ cả. Ngay cả nếu bốn tôn giáo kết hợp với nhau, một điều không thể có, họ cũng không thể lãnh đạo cuộc đấu tranh chấm dứt chế độ độc tài và thiết lập dân chủ được.

Trong một cuộc khảo sát dư luận công phu gần đây của trường đại học Irvine, California, Hoa Kỳ, do tiến sĩ Ông Thị Như Ngọc và một số chuyên gia thực hiện, trên 80% thanh niên Việt Nam cho biết tôn giáo không quan trọng đối với họ, hơn 60% không muốn các tôn giáo can thiệp vào chính trị. Những dữ kiện này đáng được những người quan tâm tới tương lai đất nước đặc biệt lưu ý.

Bảo vệ các tôn giáo, nhất là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trong lúc này, là điều đúng và phải làm. Nhưng cũng đừng nên nuôi ảo tưởng rằng Việt Nam có thể có dân chủ nhờ các tôn giáo.

Muốn có dân chủ chúng ta cần một tập hợp dân chủ có tầm vóc. Đó là một bất buộc mà thực tế không ngừng nhắc nhở trong gần ba thập niên qua.

Nguyễn Gia Kiểng

40 năm ngày đảo chính chế độ Ngô Đình Diệm

CÁI NHÌN TỪ SÀI GÒN : Phe cộng sản nghĩ sao về ông Ngô Đình Diệm ? Vài chuyện mắt thấy tai nghe

Tôn Thất Thiện

LTS. Bốn mươi năm sau ngày ông bị đảo chính và thảm sát, nhân vật Ngô Đình Diệm vẫn còn là đề tài tranh luận. Đối với một số người ông Diệm đã làm lỡ mất một cơ hội lớn vì không đủ tầm vóc ngang hàng với những vấn đề khó khăn mà ông phải đương đầu và giải quyết. Đối với một số người khác ông đã là nạn nhân của một sai lầm lớn của chính phủ Kennedy và nếu ông không bị lật đổ thì chế độ Việt Nam Cộng Hòa đã không phải chịu số phận bi đát mà nó đã phải chịu. Có lẽ cả hai quan điểm đều có phần đúng. Ít nhất người ta có thể đồng ý với nhau trên hai điểm : những tướng lãnh lật đổ và sát hại ông Diệm đã không hành động vì quyền lợi dân tộc mà chỉ đã hành động theo chỉ thị của Washington và kém xa ông Diệm ; về nhân cách ông Diệm đã hơn hẳn những đối thủ của ông.

Trong số trước, Thông Luận đã đăng bài nhận định của ông Bùi Tín về cuộc đảo chính lật đổ ông Ngô Đình Diệm như là một cái nhìn từ Hà Nội ; ông Bùi Tín lúc đó là phó tổng biên tập nhật báo Nhân Dân, cơ quan của Đảng Cộng Sản Việt Nam tại Hà Nội. Lần này chúng tôi đăng sau đây bài của ông Tôn Thất Thiện như là một cái nhìn từ Sài Gòn ; ông Tôn Thất Thiện lúc đó là tùy viên báo chí của ông Diệm. Cũng nên nói thêm là hai ông Tôn Thất Thiện và Bùi Tín là bạn thân. Họ chỉ cách nhau một tuổi, cùng là con của hai thượng thư triều đình Huế, nhà ở sát vách nhau, cùng học một trường và cùng ra Hà Nội tham gia cách mạng tháng 8-1945. Sau đó, dù cùng hoạt động trong ngành báo chí, họ đi hai con đường đối nghịch nhau trong cuộc tương tranh quốc - cộng, như thắm kịch chung của dân tộc Việt Nam. Hiện nay họ lại là bạn thân và cùng là chí hữu trong Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên.

Trong những năm qua, tôi đã có ghi một số nhận định của các lãnh tụ cộng sản khi được tin về vụ tổng thống Ngô Đình Diệm bị đảo chánh và sát hại. Các lãnh tụ cộng sản miền Nam, như Nguyễn Hữu Thọ, hoặc miền Bắc, như Võ Nguyên Giáp, và cả ông Hồ Chí Minh, đều có nhận định về biến cố này. Hôm nay, tôi nhắc lại những nhận xét đó, và thêm vào đó, tôi xin kể thêm vài chuyện mà chính tai tôi đã được nghe, đặc biệt là nhận định của ông Hồ Chí Minh, từ miệng một người đã được nghe chính ông Hồ nói. Có biết những chuyện này mới có chất liệu để trả lời cho những người lập luận rằng "giết ông Diệm là một điều cần để trừ hậu vận". Nhưng nay thì rõ ràng rằng đó là lỗi lầm tầy trời của một số nhân vật, quân sự và dân sự, đối với dân tộc Việt Nam, không những đối với hai triệu người đã phải bỏ quê hương đi tìm nơi an thân, mà ngay cả mấy chục triệu người miền Nam đang phải sống trong ô nhục, đàn áp, đói rách, mà chế độ cộng sản đã áp đặt lên họ.

Tôi kể lại sau đây những tường thuật của báo chí và học giả, mà tôi đã có dịp nhắc đến trong bài điểm sách "The Year of the Hare" của Giáo Sư Francis Xavier Winters năm 1999 cho tạp chí Ấn Độ World Affairs : "Một quan điểm mới về vụ đảo chánh tháng 11, 1963 : Ngô Đình Diệm không phải là kẻ tác quái mà là một nạn nhân của thực dân" (bài này đã được dịch ra tiếng Việt, in ra và phát cho người dự Lễ Tưởng Niệm Tổng Thống năm 1999). Tôi xin trích lại mấy đoạn sau đây :

"Khi được tin ông Diệm bị lật đổ, Hồ Chí Minh nói với ký giả cộng sản danh tiếng, Wilfrid Burchett : "Tôi không thể ngờ rằng tụi Mỹ ngu đến thế".

Khi tướng Võ Nguyên Giáp và những đồng chí còn sống sót của ông gặp Ông McNamara ở Hà Nội tháng 11 năm 1995, họ nói rằng : "Chính sách Kennedy ở Việt Nam sai

lầm hết chỗ nói. Ngô Đình Diệm là một người có tinh thần quốc gia, không khi nào ông chịu để cho người Mỹ giành quyền điều khiển chiến tranh, và sự người Mỹ giành quyền đã đưa người Mỹ đến thất bại đẫm máu. Cho nên, kết quả của cuộc đảo chánh lật đổ ông Diệm năm 1963 là sự kết thúc sớm [sự hiện diện] Hoa Kỳ ở Việt Nam, một điều đáng làm cho người ta ngạc nhiên".

Và đài phát thanh Hà Nội nói : "Do sự lật đổ Ngô Đình Diệm và em ông là Ngô Đình Nhu, tụi đế quốc Mỹ đã tự mình hủy diệt những cơ sở chính trị mà họ đã mất biết bao nhiêu năm để xây dựng".

Về phía các lãnh tụ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam thì họ không ngờ là lại may mắn như thế. Nguyễn Hữu Thọ nói với báo Nhân Dân : "Sự lật đổ Diệm là một món quà mà Trời ban cho chúng tôi".

Và phó chủ tịch Trần Nam Trung nói : "Tụi Mỹ quyết định đối ngựa giữa dòng. Chúng sẽ không khi nào tìm được một người hữu hiệu hơn Diệm".

Trên đây là chuyện báo chí và học giả ngoại quốc kể lại. Bây giờ tôi xin kể ba chuyện mà chính tôi đã được tai nghe mắt thấy từ những người trong cuộc. Những chuyện này vừa có một giá trị nhân chứng, vừa có một giá trị lớn về lịch sử, và đối với chúng ta, những người kính mến Tổng Thống, nó làm cho ta hãnh diện là "Diemiste". (Năm 1955, ở quảng trường Trocadéro, Paris, một người Pháp mắng tôi là "espèce de Diemiste", khi vượt xe tôi, vì ông ta cho rằng tôi đã cản đường xe ông, và tôi rất lấy làm hãnh diện bị mắng như vậy...).

1. Trong những năm trước 1963, trong số ký giả Mỹ ở Sài Gòn có ông Keyes Beech, đặc phái viên của báo Chicago Tribune, một nhà báo rất được kính nể. Năm 1963 ông này không vào hòa với đám ký giả chống tổng thống.

Sau 1963, ông được ở lại Sài Gòn, và ông vẫn thân thiện với tôi. Ông thỉnh thoảng mời tôi đến nhà ông ấy ở gần bộ ngoại giao ăn cơm. Một hôm, trong những chuyện ông kể tôi nghe có chuyện sau đây.

Ông nói : *"You know, on the afternoon of the day President Diem was overthrown, I was in a bar in Pnom-Penh. Sitting next to me was Wilfrid Burchett. We were not friends. But on hearing the news about President Diem's death, he turned to me and said : "It's unbelievable ! They have killed the only man with the ideas and the organisation that can stop us".* ("Thật là không thể tin được: chúng nó đã giết chết người duy nhất có tư tưởng và tổ chức có thể chặn chúng tôi"). Burchett không nói rõ "chúng nó" và "chúng tôi" là ai, nhưng ta cũng có thể thấy rõ là "chúng nó" là phe chống cộng, và "chúng tôi" là phe cộng sản.

2. Lúc trẻ, trước năm 1945, ở Huế, tôi quen bà Hồ Thị Mộng Chi. Bà này là con cụ thượng thư Hồ Đắc Khải, cháu gọi bác sĩ Tôn Thất Tùng là cậu, và vợ bác sĩ Đặng Văn Hồ. Bác sĩ Tùng là bà con và hàng xóm, ở cách nhà tôi hai nhà, và bà Chi ở sát nhà bác sĩ Tùng. Bà lại là bạn thân của ông Tạ Quang Bửu, thầy tôi. Nên chúng tôi qua lại thường, và tôi coi bà ấy như là chị, và bà ấy cũng đối xử với tôi như em mình.

Sau 1945, bà Chi đem con đi Pháp, ở Paris cho chúng đi học. Lúc đó tôi du học ở London. Mùa hè nào cũng có về Paris chơi và ở nhà bà ấy, có khi ở cả tháng. Nhưng sau 1954, bà tỏ ra thân với phía Bắc Việt, có lẽ vì bác sĩ Tùng và ông Bửu ở phía đó, cũng có thể vì bác sĩ Hồ, lúc đó là thiếu tá quân y trong quân đội Việt Nam, mà lại thêm có vợ bé. Tôi thì cộng tác với tổng thống Diệm. Vì vậy mà tôi không đi lại với gia đình bà Chi nữa. Sau 1960, và nhất là sau 1968, thì "chiến tuyến" lại càng rõ ràng hơn nữa, vì bà Chi làm bí thư cho bà Nguyễn Thị Bình. Hai người con bà ấy cũng "anti-Saigon" rất hăng, và khi "phe ta" thắng trận năm 1975 thì mẹ con đều dắt nhau về Việt Nam thăm viếng ngay.

Qua bạn bè, đặc biệt là anh Bửu Kính (nay đã mất), một người bạn thân của gia đình bà Chi, mà cũng thân tôi, tôi được biết như trên, nên sau 1975, tôi vẫn giữ thái độ "kính nhi viễn chi". Nhưng một hôm, vào khoảng năm 1978, nhân dịp ghé Paris, gặp anh Bửu Kính, anh ấy bảo : "Sao toa không đến thăm chị Chi ?". Tôi trả lời : "Sức mấy ! Chắc chị Chi ấy tiếp tui mà đến !". Anh Kính lại nói : "Đến đi ! Chị hỏi thăm toa đó !". Tôi ngạc nhiên. Anh Kính lại nói thêm : "Nay, thay đổi rồi !". Tôi nghĩ : "À, như xưa !". Và một hai hôm sau, tôi điện thoại đến bà Chi. Bà trả lời rất vui vẻ, xem như chẳng có gì xảy ra giữa chị ấy và tôi từ 1954 cả, và bảo tôi đến chơi. Chị lại nói thêm là chị sẽ làm "purée de pomme de terre" cho tôi ăn. Xin nói đó là món ăn mà trước 1954 bà ấy thường cho tôi ăn. Bà làm rất ngon, và tôi rất thích.

Trong buổi tái ngộ, nói chuyện lông bông luôn mấy giờ đồng hồ. Tôi ngồi nghe nhiều hơn là nói, và nghe ba mẹ



Cố tổng thống
Ngô Đình Diệm

con đua nhau đá kích Việt Cộng kịch liệt ! Tôi sửng sốt. Tôi không dám hỏi tại sao, nhưng chỉ đoán, nhờ bà Chi nói "tụi nó tệ lắm", và nhờ anh Bửu Kính cho biết trước đó là trong chuyến về Việt Nam bà không được Việt Cộng tiếp đón niềm nở, vì nó thắng rồi nên không cần đến bà nữa. Bà thì lại tưởng rằng vì bà là người có công, nhất là đã giúp cộng sản trong việc tuyên truyền (con đại thần Triều Nguyễn mà lại đứng về phe cách mạng, bí thư cho bà Nguyễn Thị Bình, ở ngay Paris, trong một cuộc đàm phán hệ trọng). Người con thì có thể lộ là

"tụi nó dốt quá" (họ nói rằng Mã Lai không phải là quốc gia độc lập, còn Lê Đức Thọ, được anh ta dẫn đi coi thành tựu kinh tế kỹ nghệ Pháp lúc viếng thăm Paris thì cho rằng "chẳng có gì đáng để ý" !!). Nhưng điều đáng ghi nhất là giây phút chốt của cuộc tái ngộ. Lúc đó cũng gần 12 giờ khuya. Bà Chi đưa tôi ra cửa, và cùng tôi đi mấy bước ra giữa phố, lúc đó vắng. Tôi không hề đề cập gì đến ông Diệm trong cuộc gặp gỡ, nhưng trước khi chia tay bà ta nói: "Nghĩ kỹ lại, chỉ có ông Diệm là hơn hết !".

3. Chuyện thứ ba là một chuyện về kiên nhẫn, hay có thể nói là li lợm. Từ năm 1963 tôi hằng nghĩ rằng ông Hồ Chí Minh phải có chia sẻ với những người trong Đảng một nhận định gì về cuộc đảo chánh. Nhưng sưu tầm tài liệu, hết năm này qua năm khác, không thấy có một nhận định nào của ông Hồ. Tất nhiên, điều đáng làm nhất là hỏi những người gần gũi ông Hồ. Nhưng họ là người "phía bên kia", và họ lại ở Hà Nội. Làm được việc này hầu như là vô hy vọng. Nhưng, may thay, tôi đã làm được.

Trong thời gian gần đây tôi may mắn gặp một người từ Hà Nội, mà tôi quen khá thân trước năm 1954. Và cũng rất may, người này là một người hiếm có đã được chính tai mình nghe ông Hồ nhận định về vụ đảo chánh 1963. Người này tuyệt đối cấm tôi tiết lộ tên trong khi y còn sống, vì đây là một "bí mật thâm cung", tôi gọi y là "cán bộ X".

Cán bộ X đã kể cho tôi nghe câu chuyện như sau : Y là một người có mặt tại phủ chủ tịch ở Hà Nội ngày xảy ra đảo chánh ở Sài Gòn. Y thuộc một nhóm được ông Hồ cho gặp chiều ngày 2-11-1963. Khi vào phủ chủ tịch thì ông Hồ đang bận tiếp một phái đoàn gì đó. Y phải đợi ngoài hành lang. Đang đợi thì thấy có người mang một bao thư vào cho ông Hồ. Nhìn vào, thấy ông mở thư ra đọc, xong, không nói gì, bỏ thư vào túi, rồi tiếp tục tiếp khách.

Một lúc sau, khách đi rồi, ông cho gọi nhóm của cán bộ X vào, và nói : "Lúc nãy người ta báo cho Bác biết là ông Diệm vừa bị lật đổ. Ông Diệm là kẻ địch thủ ghê gớm nhất của Bác. Nay ông đã bị loại rồi, thì chiến thắng chắc chắn sẽ về ta rồi".

Lịch sử miền Nam Việt Nam từ 1963 đến 1975 có thể thu gọn trong câu nói đó, và những người tự nhận là thuộc về Đệ Nhất Cộng Hòa nên nhắc nhở những cá nhân, hay đoàn thể, đã nhúng tay vào việc lật đổ và hạ sát tổng thống Ngô Đình Diệm nên suy niệm về câu nói đó và trách nhiệm của mình về những gì đã xảy ra từ 1963 đến nay.

Tôn Thất Thiện (Ottawa, tháng 11, 2003)

Việt, Cường, Hoa bị kết tội lợi dụng quyền tự do dân chủ

Luật sư Nguyễn Hữu Thống

Ngày 10-9-2003, ba người cháu của linh mục Nguyễn Văn Lý là Nguyễn Vũ Việt, Nguyễn Trực Cường và Nguyễn Thị Hoa đã bị Tòa Án Sài Gòn tuyên phạt 5 năm, 4 năm và 3 năm tù về "tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà Nước" chiếu Điều 258 Bộ Luật Hình Sự. Các quyền tự do dân chủ được liệt kê là tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo, tự do hội họp, tự do lập hội v.v.

Leo thang khủng bố

Sau vụ Đại Khủng Bố ngày 11-9-2001, trong khi Hoa Kỳ và các Đông Minh còn đang bối rối, Đảng Cộng Sản Việt Nam đã lợi dụng thời cơ leo thang khủng bố. Họ đã dùng luật pháp tòa án để gia tăng đàn áp, giam giữ độc đoán và kết án oan uổng các nhà lãnh đạo tôn giáo và các chiến sĩ dân chủ.

Một tháng sau, tháng 10, 2001, họ đã truy tố linh mục Nguyễn Văn Lý về tội phá hoại chính sách đoàn kết quốc gia (hay phá hoại chính sách quốc gia thống nhất), vì đã tố cáo nhà cầm quyền vi phạm tự do tôn giáo.

Đây là một tội giả tạo không thấy trong các bộ hình luật của các quốc gia dân chủ trên thế giới.

Về mặt chính trị, không thể và không nên có một chính sách quốc gia thống nhất. Vì đó là dấu hiệu của độc tài độc tôn. Chiếu nguyên tắc dân tộc tự quyết, quốc dân cần có nhiều đường lối, nhiều chính sách khác nhau, để lựa chọn một chính sách mà họ cho là tương đối phù hợp nhất cho quyền lợi của xã hội và của bản thân.

Mặc dầu vậy, ngày 19-10-2001 linh mục Nguyễn Văn Lý đã bị kết án 13 năm tù về tội phá hoại chính sách đoàn kết quốc gia, cộng thêm 2 năm tù về tội vi phạm quyết định quản chế hành chính.

Hại cả tông ti họ hàng

Năm ngày sau, ngày 24-10-2001, công tố viện lại truy tố ba người cháu của cha Lý là Nguyễn Vũ Việt, Nguyễn Trực Cường và Nguyễn Thị Hoa về tội gián điệp, một tội xâm phạm an ninh quốc gia đặc biệt nguy hiểm mà hình phạt có thể đến tử hình.

Đây là một tội cường ép lõ bịch. Vì Nguyễn Vũ Việt chỉ phổ biến ra nước ngoài những tài liệu của linh mục Nguyễn Văn Lý nói về những vụ đàn áp tôn giáo, không liên quan đến an ninh quốc gia.

Nguyễn Trực Cường cũng chỉ gọi điện thoại ra nước ngoài cho biết "tình hình vẫn bình thường không có gì xảy ra tại Thanh Minh Thiên Viện và Chùa Già Lam". (Vị hòa thượng Thích Huyền Quang không được nhà cầm quyền cho phép về Sài Gòn chữa bệnh và dưỡng bệnh). Đây chỉ là phóng sự truyền tin, không phải hành vi gián điệp.

Vì sự quy định tội danh cường ép lõ bịch này, và vì những lý do thâm kín khác, công tố viện đã cải tội danh, từ gián điệp thành "lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của nhà nước". Và ngày 10-9-2003 vừa qua, Tòa Án Sài Gòn đã tuyên phạt Nguyễn Vũ Việt, Nguyễn Trực Cường và Nguyễn Thị Hoa 5 năm, 4 năm và 3 năm tù về tội này.

Đây là một tội giả tạo không thấy trong các bộ hình luật của các quốc gia dân chủ trên thế giới. Hơn nữa tại Việt Nam ngày nay, vì không có dân chủ nên không ai có cơ hội để lợi dụng quyền dân chủ.

Lợi dụng và lạm dụng

Theo nghĩa thông thường và nghĩa pháp lý, lợi dụng phải được hiểu là sử dụng hay hành sử (profit, use, exercise). Do đó, **lợi dụng quyền tự do dân chủ không phải là một tội hình sự**. Trái lại đó chỉ là việc hành sử hợp pháp những quyền tự do dân chủ đã được thừa nhận bởi hiến pháp quốc gia và công ước quốc tế.

Về mặt văn hóa và giáo dục, nếu có điều kiện, sinh viên có thể lợi dụng quyền tự do đi lại và tự do xuất ngoại để đi du học ngoại quốc, trau dồi kiến thức khoa học kỹ thuật để sau này về nước phục vụ quốc gia.

Về mặt chính trị, cử tri có thể lợi dụng quyền tự do bầu cử, dùng lá phiếu để truất phế hay lật đổ (trong vòng ôn hòa và hợp pháp) các chính phủ độc tài, tham nhũng, bất công hay bất lực.

Năm 1949, sau khi tổng thống Pháp ký Hiệp Định Élysée trả độc lập cho Việt Nam, đồng bào Miền Nam đã lợi dụng quyền dân tộc tự quyết để giải tán chế độ Nam Kỳ Tự Trị và sát nhập Nam Phần vào lãnh thổ Quốc Gia Việt Nam độc lập và thống nhất.

Năm 1962 bằng cuộc trưng cầu dân ý, nhân dân Algérie đã hành sử quyền dân tộc tự quyết để bãi bỏ chế độ thuộc địa và thu hồi chủ quyền độc lập.

Trong những trường hợp kể trên, lợi dụng các quyền tự do dân chủ không những là quyền lợi chính đáng, mà còn là nghĩa vụ cao quý của công dân.

Hồi giữa thế kỷ 19, lợi dụng quyền tự do tư tưởng và tự do phát biểu, Các Mác đã công bố bản Tuyên Ngôn Đảng Cộng Sản, kêu gọi vô sản toàn thế giới đứng lên lật đổ chế độ tư bản. Mặc dầu vậy, ông đã không bị Tòa Án Luân Đôn truy tố về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ.

Khác với lợi dụng, lạm dụng (abuse) là việc sử dụng quá mức, quá đáng, trái phép hay trái luật. Như lạm dụng quyền thế để dĩ công vi tư, biến thủ công quỹ hay tham nhũng, hối lộ.

Tuy nhiên chiếu nguyên tắc "vô luật bất thành tội" (điều gì không cấm là cho phép), **sự lạm dụng quyền tự do dân chủ** chỉ bị trừng phạt nếu có yếu tố cấu thành

những tội trạng đặc biệt (specific) đã được quy định trong các bộ hình luật. Sau đây là ba trường hợp lạm dụng quyền tự do dân chủ cấu thành tội hình sự :

1. Thời Thế Chiến II một số người Mỹ gốc Đức đã tích cực hoạt động cho Hitler bằng cách viết và đọc những bài bình luận chống Hoa Kỳ trên đài phát thanh Bá Linh. Những hành vi này gây nguy hại diện tiền cho Hoa Kỳ, vì trong thời chiến tranh, Hoa Kỳ đang phải chiến đấu cho sự sống còn của quốc gia. Do đó các bị cáo đã bị kết án về *tội phản bội tổ quốc* chứ không phải về *tội lạm dụng quyền tự do phát biểu*.

2. Ngoài ra một số điệp viên như Rosenberg đã *lạm dụng quyền tự do thông tin* để cung cấp cho Liên Xô những bí mật nguyên tử, giúp Liên Xô chế tạo vũ khí nguyên tử, đe dọa đời sống của hàng chục triệu đồng bào. Tội trạng của bị cáo không phải là lạm dụng quyền tự do thông tin, mà là *tội gián điệp*.

3. Trong khi hành sử *quyền tự do hội họp*, nếu các bị can tập hợp võ trang đông đảo, với mục đích dùng bạo lực lật đổ chính quyền xâm phạm an ninh quốc gia, thì đó không phải là tội lạm dụng quyền tự do hội họp, mà là *tội phản nghịch* hay *âm mưu lật đổ chính quyền*.

Mỗi cái tóc một cái tội

Dưới chế độ cộng sản tội trạng nhiều như lá cây trong rừng, mỗi cái tóc là một cái tội. Người cộng sản đa nghi, nhìn đâu cũng thấy tội, nhìn ai cũng thấy kẻ thù.

Họ đã bịa đặt ra những tội giả tạo như tội phản động, tội phản cách mạng, tội làm tay sai cho đế quốc, tội địa chủ, tội tư sản v.v. Đó là những *tội chính trị* trong chính sách đấu tranh giai cấp, nhằm thiết lập chế độ mệnh danh là vô sản chuyên chính.

Hồi thập niên 60, để đàn áp Phong Trào Xét Lại đòi thay thế chính sách đối đầu của Stalin bằng chính sách chung sống hòa bình, Đảng Cộng Sản Việt Nam đã giam giữ và đầy đọa hàng trăm trí thức văn nghệ sĩ tiến bộ bị quy kết về tội "*xét lại chống Đảng*" như Hoàng Minh Chính, Nguyễn Kiến Giang, v.v.

Từ thập niên 90, với sự lớn mạnh của Phong Trào Dân Chủ, Đảng Cộng Sản đã sửa đổi hình luật và gia tăng hình phạt. Điều 258 được tu chính năm 1999 nhằm ngăn ngừa việc hành sử các quyền tự do dân chủ phương hại đến uy tín và quyền lợi của Đảng.

Đó là tội "*dùng dân chủ chống lại Đảng*".

Để đàn áp đối lập, đảng cộng sản đã quy định những *tội giả tạo* không thấy trong các bộ hình luật của các quốc gia văn minh, như tuyên truyền chống chế độ, tuyên truyền chống nhà nước, phá hoại chính sách đoàn kết quốc gia v.v. Mới đây là tội lạm dụng quyền tự do dân chủ.

Từ nay công dân có quyền sử dụng các quyền tự do dân chủ ghi trong hiến pháp quốc gia và công ước quốc tế, với điều kiện là việc hành xử này không xâm phạm đến quyền lợi của Nhà Nước, đến uy tín của Đảng hay huyền thoại của lãnh tụ Đảng.

Đảng cộng sản khai sanh ra Nhà Nước, lãnh đạo Nhà

Nước (cán bộ Đảng ăn lương của Nhà Nước). Xâm phạm quyền lợi của Nhà Nước là xâm phạm quyền lợi của Đảng, và Đảng sẽ dùng Nhà Nước (qua luật pháp tòa án) để trả đũa và trừng phạt.

Việc đáng lưu ý là Điều 258 *không đòi hỏi phải có ý định phạm pháp*. Nếu do việc sử dụng quyền tự do dân chủ, bị can đã vô tình (hay vì những lý do ngoài ý muốn) gây thiệt hại vật chất hay tinh thần cho Đảng hay cho Nhà Nước, thì bị can cũng có thể bị kết án từ 2 năm đến 7 năm tù.

Trong Điều 258 nói về "tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà Nước", không có chữ "**để**" (để xâm phạm). Do đó tòa án sẽ giải thích rằng bị can không cần cố ý xâm phạm quyền lợi của Nhà Nước cũng vẫn có thể bị kết án về tội này. Đây là một *quái đản pháp lý* (legal anomaly).

Hơn nữa "lợi ích của Nhà Nước" là một ý niệm quá bao quát và mơ hồ. Vả lại người thẩm định xem lợi ích Nhà Nước có bị xâm phạm hay không lại chính là Nhà Nước hay là Đảng. Chiếu Điều 4 Hiến pháp, Đảng được quyền lãnh đạo Nhà Nước nên thường ra chỉ thị cho Quốc Hội và Tòa Án trong việc quy định tội trạng và ấn định hình phạt. Cũng vì vậy Điều 258 đã nguy tạo *một tội tổng quát* mệnh danh là tội "dùng dân chủ chống lại Đảng".

Độc ác hơn luật rừng xanh

Nhà cầm quyền cộng sản cố tình quy định tội danh hết sức bao quát và mơ hồ. **Với mục đích ngăn cản việc sử dụng tất cả các quyền tự do dân chủ của người dân.**

Với tội danh này, người dân sẽ vô cùng ngần ngại mỗi khi hành xử (dẫu là hợp pháp) quyền tự do dân chủ. Vì họ biết rằng, nếu họ đi trái đường lối chính sách của Đảng, thì Tòa Án (một công cụ của Đảng) sẽ thẩm định rằng, việc họ sử dụng quyền tự do dân chủ đã gây hậu quả xâm phạm lợi ích của Nhà Nước, chế tài bởi Điều 258 Hình Luật.

Trong không khí đàn áp khủng bố hiện nay, chúng ta thấy luật pháp cộng sản còn độc ác hơn luật rừng xanh. Vì loài cầm thú không có những mưu mô quỷ quyệt và những tính toán thâm hiểm của người cộng sản. Luật rừng xanh chỉ tàn ác. Luật pháp cộng sản vừa tàn ác lại vừa thâm độc. Chiến lược hai mặt của cộng sản là :

- Một mặt dùng *tuyên truyền dối trá*, giả nhân giả nghĩa, ban bố các quyền tự do dân chủ trong hiến pháp quốc gia và công ước quốc tế, để giành chính nghĩa tự do dân chủ.

- Mặt khác, dùng luật pháp tòa án để *đàn áp khủng bố*, giam giữ độc đoán những công dân lương thiện có lòng với đất nước và có dũng cảm đứng lên tố cáo bạo quyền, đòi tự do dân chủ và nhân quyền.

Ngày nay, trong giai đoạn thoái trào, luật pháp và tòa án là vũ khí chiến lược của chế độ cộng sản để đàn áp đối lập và củng cố chính quyền.

Luật sư Nguyễn Hữu Thống
(San Jose, CA, tháng 9, 2003)

Thời sự quốc tế :

Arnold Schwarzenegger và cuộc bầu cử bãi nhiệm lịch sử

Nguyễn Gia Xương

Kết quả cuộc bầu cử lịch sử của tiểu bang California, bãi nhiệm ông thống đốc dày dạn kinh nghiệm chính trường Gray Davis để thay thế bằng ngôi sao màn bạc Arnold Schwarzenegger, một di dân gốc Áo đã tạo dựng cho mình một sự nghiệp đầy danh vọng trong lãnh vực điện ảnh từ hai bàn tay trắng, nhưng lại không có một chút kinh nghiệm gì về việc điều hành một cơ quan trong chính quyền tiểu bang đã làm cả nước Mỹ và thế giới ngạc nhiên, sửng sốt, pha lẫn chút thích thú của người ngoài cuộc thưởng lãm một vở kịch chính trị hãn hữ. Nhưng thật sự vấn đề có phải là "California đã làm một chuyện khôi hài lớn trong chính trị. Thật là một điều xấu hổ" như một cử tri đã nói với nhà báo, hay lại là một điều cần thiết đã khiến cho một cử tri khác đã thích thú khoe rằng "Đây là lần đầu tiên tôi đứng xếp hàng để bỏ phiếu trong 20 năm qua".

Nếu bảo rằng vì ông thống đốc Gray Davis, một người có 30 năm kinh nghiệm trong chính giới qua các chức vụ khác nhau trong chính quyền tiểu bang và là người vừa được tái đắc cử trong cuộc bầu cử vào tháng 11 năm ngoái, đã không đủ khả năng để giải quyết những vấn đề của tiểu bang thì việc chọn một người không có chút kinh nghiệm nào cả trong guồng máy điều hành chính phủ như Schwarzenegger vào chức vụ thống đốc là một điều không hợp lý chút nào. Vậy thì lý do nào đã dẫn đến cuộc thay đổi lịch sử này tại California. Chúng ta hãy thử duyệt qua những yếu tố có tính cách quyết định cho kết quả cuộc bầu cử bãi nhiệm lịch sử này:

Cuộc bầu cử bãi nhiệm thống đốc tại tiểu bang California chỉ mới là cuộc bầu cử bãi nhiệm lần thứ hai trong lịch sử Hoa kỳ, sau cuộc bầu cử bãi nhiệm thống đốc Lynn Frazier của tiểu bang North Dakota vào năm 1921. Yếu tố đặc biệt có tính cách lịch sử trong cuộc bầu cử bãi nhiệm chắc chắn đã là động cơ thúc đẩy Schwarzenegger ra tranh cử không do dự và yếu tố bầu cử đặc biệt này cũng đã góp phần vào việc giúp ông đắc cử. Một cuộc bầu cử bãi nhiệm rất ít khi xảy ra. Nó chỉ có thể xảy ra khi tiểu bang bị khủng hoảng kinh tế trầm trọng và người dân đã mất niềm tin vào vị thống đốc mà họ vừa chọn lựa. Nhưng khi nó đã xảy ra thì cũng rất ít hy vọng giữ cho vị thống đốc khỏi bị bãi nhiệm, mặc dù có biết bao nhiêu cố gắng của chính ông thống đốc, của cả đảng Dân Chủ, của các thượng nghị sĩ danh tiếng của đảng Dân Chủ như Dianne Feinstein và Barbara Boxer, của cả những cử tri không muốn lãng phí của công vào cuộc bầu cử bãi nhiệm. Yếu tố đặc biệt trong cuộc bầu cử bãi nhiệm là không có việc giới hạn số ứng cử viên vào chức vụ này và nếu đa số cử tri bỏ phiếu bãi nhiệm vị thống đốc thì vị thống đốc bị bãi nhiệm cũng sẽ không có quyền ứng cử trở lại trong danh sách các ứng

cử viên hợp lệ. Bất cứ ai hội đủ 10,000 (mười ngàn) chữ ký của cử tri ủng hộ hay bằng lòng đóng 3,500 Mỹ kim tiền lệ phí thì chỉ cần 65 chữ ký ủng hộ là có thể trở thành ứng cử viên, nên danh sách ứng cử viên để cử tri chọn mặt gửi vàng đã lên đến 135 người. Ngoài một vài nhân vật nổi bật trong chính trường như Phó thống đốc Cruz Bustamante, Thượng nghị sĩ đảng Cộng Hòa Tom McClintock, hay Peter Miguel Camejo của đảng Xanh, người ta còn thấy tên của chủ nhân tờ báo khiêu dâm Hustler là Larry Flynt và nữ diễn viên phim tình dục (phim con heo) Mary Cook. Hơn nửa số người trong số 135 ứng cử viên đều chỉ là những kẻ đùa nghịch với cuộc bầu cử lịch sử. Trong một cuộc bầu cử khôi hài như thế, để đắc cử đôi khi người ta chỉ cần khoảng 30% số phiếu nên cái chuyện là một tài tử nổi danh được nhiều người ái mộ của Schwarzenegger là một lợi điểm khó phủ nhận, thêm nữa ông đã không phải đi qua một cuộc bầu cử sơ bộ trong nội bộ đảng Cộng Hòa trước khi được đảng đưa ra tranh cử như trong những cuộc bầu cử thông thường. Ông không bị những con gà nhà đầy kinh nghiệm chính trường quật ngã trước khi ra trận.

Thống đốc **Gray Davis** sinh năm 1942 tại thành phố Bronx, tiểu bang New York, và định cư tại California từ năm 11 tuổi. Chức vụ thống đốc đã được ông áp ủ từ tuổi thiếu thời nên vào năm 12 tuổi, ông đã ký tên dưới lá thư gửi bố mẹ ông là "Thống đốc Joseph Graham Davis Jr.", Gray chỉ là tên gọi. Ông tốt nghiệp cử nhân ngành sử ký tại đại học danh tiếng Stanford và tiến sĩ luật tại đại học nổi tiếng Columbia vào năm 1967. Phục vụ trong quân đội và được tướng thưởng huy chương "Ngôi sao đồng" khi tham chiến tại Việt Nam. Bắt đầu tham chính từ năm 1974 với chức vụ tham mưu trưởng cho thống đốc Jerry Brown và đã trở thành thống đốc California vào năm 1998. Cũng như tất cả những chính trị gia chuyên nghiệp và lỗi lạc của Hoa Kỳ, sau khi trở thành thống đốc của tiểu bang California, một tiểu bang có 35 triệu dân và một nền kinh tế đứng hàng thứ năm trên thế giới, ông bắt đầu sửa soạn cho bước đường công danh kế tiếp là gây quỹ tái tranh cử thống đốc, tìm kiếm thêm vị thế cho bước đường đi vào tòa Bạch Ốc. Ông có rất nhiều lý do để hy vọng, khi ông đã được 60% số phiếu trong một tiểu bang mà đảng Cộng Hòa đã liên tục giữ chức thống đốc trong suốt 16 năm qua, và ông lại được thừa hưởng một nền kinh tế phồn thịnh với 12 tỷ Mỹ kim thặng dư trong ngân sách. Có lẽ vì thế mà ông đã quá tự tin mà mắc phải lỗi lầm là đã chi tiêu quá mức nên khi nền kinh tế suy thoái ông đã không thể xoay sở được và đã đưa tình trạng tài chính thặng dư của tiểu bang xuống mức thâm thủng đến hơn 30 tỷ. Để cứu vãn ngân sách thâm thủng, ông tăng tiền thuế xe lên gấp ba lần. Ông hứa sẽ đưa hệ thống giáo dục California lên hàng thế giới

thì hệ thống giáo dục đang bị khủng hoảng vì thiếu hụt ngân sách. Ông đã phản ứng lầm lẫn và chậm chạp trong việc giải quyết những vấn đề năng lượng. Ông đã dùng tiền dành cho hệ thống xây cất và tu bổ xa lộ cho những chi tiêu hoang phí khác của ông. Mặc dù mắc quá nhiều lầm lỗi, ông cũng đã thành công trong việc sửa soạn cho việc tái tranh cử nên ông đã vừa tái đắc cử vào tháng 11 năm 2002. Chính điều này đã làm cho cử tri không còn chọn lựa nào khác là phải tìm cách bãi nhiệm ông, khi sự tức giận và nghi ngờ về khả năng của ông trong việc giải quyết những khó khăn của tiểu bang đã như có thêm một giọt nước làm tràn ly. Họ không đủ kiên nhẫn để đợi thêm 3 năm nữa. Dù không cần bỏ một đồng nào từ tiền túi, Gray Davis vẫn quyên góp được hơn 17 triệu Mỹ kim để vận động cử tri đừng bỏ phiếu bãi nhiệm ông, nhưng kết quả cuộc bầu cử bãi nhiệm lịch sử với tỉ lệ 54% trên 46% đã thực sự chấm dứt sự nghiệp chính trị của Gray Davis.

Sinh ra là con của một cảnh sát viên vào năm 1947 tại thành phố Graz, Áo quốc và định cư tại Mỹ năm 1968, **Arnold Schwarzenegger** đã say mê môn luyện tập thể hình từ thuở nhỏ. Mặc dù Arnold Schwarzenegger đã rất thành công trong môn luyện tập thể hình, và đã năm lần đoạt giải "lực sĩ hoàn vũ", Schwarzenegger cũng mới chỉ được các nhà phê bình phim để mắt tới khi ông đóng cuốn phim "Conan the Barbarian" vào năm 1982, nhưng chỉ hai năm sau thì cuốn phim "The Terminator" đã đưa ông lên ngôi vị tài tử thượng thặng. Năm 1986 Schwarzenegger thành hôn với cô Maria Shriver, một người cháu gái của cố tổng thống Kennedy. Với tiền tài danh vọng của một tài tử điện ảnh và chút liên hệ họ hàng với gia đình vọng tộc Kennedy, Schwarzenegger đã trở thành "Giấc mơ Hoa Kỳ" của mọi người rồi. Để cho giấc mơ được vẹn toàn, Schwarzenegger cũng đã có ý tưởng bước vào chính trường để hy vọng trở thành Thống Đốc, chức vụ cao nhất có thể đạt được của một di dân. Nhưng ông vẫn còn do dự vì so với Ronald Reagan, một người đã có thành tích và được biết đến nhiều trong đảng Cộng hòa nên đã được đảng Cộng hòa đưa ra tranh cử, Schwarzenegger vẫn còn là một người ngoài cuộc, xa lạ trong chính giới. Lại thêm người vợ là bà Maria Shriver, dù là cháu của tổng thống Kennedy lại không thích dây dưa vào chính trị. Cuộc bầu cử bãi nhiệm vào lúc này đúng là cơ hội bằng vàng để Schwarzenegger thực hiện giấc mơ của mình, nên ông đã không ngần ngại nhảy vào và bỏ ra hơn 8 triệu tiền túi để vận động cho cuộc tranh cử. Ông cũng được sự ủng hộ của những nhân vật nặng ký như nhà tỷ phú Warren Buffet, cựu ngoại trưởng George Schultz, sự cố vấn đặc biệt của tổng thống Bush. Ông cũng đã quyên góp được thêm hơn 10 triệu dùng cho việc vận động tranh cử. Và khi cuộc tranh cử đến giai đoạn quyết liệt, bà Maria Shriver đã nhảy vào tiếp tay chồng. Mặc dù đã khôn khéo từ chối mọi đề nghị tranh luận về đường lối với các ứng cử viên khác, tỉ lệ cử tri ủng hộ ông đã vẫn tăng lên rất cao và không như những trường hợp của các chính trị gia chuyên nghiệp, những cáo buộc về việc Schwarzenegger đã có những hành vi sách

nhiều tình dục đến 16 người đàn bà cũng không làm thay đổi được sự ủng hộ của cử tri. Những người phụ nữ đã cho rằng những cáo buộc đưa ra vào lúc này chỉ là những trò chính trị bẩn thỉu. Thần tượng điện ảnh Schwarzenegger đã được 48.8 % cử tri tại California chọn để thay đổi tương lai và làm vẹn toàn "Giấc mơ Hoa Kỳ" của họ.

Schwarzenegger không phải là tài tử điện ảnh đầu tiên được bầu vào chức thống đốc của California. Ronald Reagan đã đắc cử vào chức vụ này năm 1966. Nhưng Schwarzenegger là tài tử điện ảnh đầu tiên được chọn để thay thế một vị thống đốc trong một cuộc bầu cử bãi nhiệm. Vì lý do này, Schwarzenegger chắc chắn sẽ được dành chỗ trong lịch sử. Một giấc mơ vừa trở thành hiện thực trong đời sống Mỹ như ông đã sung sướng thốt lên sau khi đắc cử "*Tất cả mọi điều tôi có được đều do California. Tôi đã hoàn toàn không có gì cả khi đến nơi này và California đã cho tôi tất cả mọi thứ*".

Nếu sự ủng hộ của cử tri dành cho Schwarzenegger tăng nhanh đã làm cho nhiều người phải thay đổi ý kiến bãi nhiệm thống đốc Gray Davis thì quyết định ra tranh cử của vị phó thống đốc **Cruz Bustamante** đã làm ngỡ ngàng chính giới sau khi ông đã tuyên bố là sẽ không ra tranh cử. Là một công dân Mỹ gốc Mễ tây cơ, Bustamante đã là công dân Mỹ gốc Châu Mỹ La Tinh đầu tiên leo lên được chức vụ cao cấp thứ nhì trong chính phủ tiểu bang chỉ trong vòng 10 năm, nhưng ông vẫn chỉ là một bóng mờ bên trong hậu trường chính trị. Vì những ứng cử viên sáng giá của đảng Dân Chủ như Dianne Feinstein không ra tranh cử, ông đã được đảng Dân Chủ dành cho tất cả mọi hậu thuẫn cần thiết, nhưng ông vẫn không thể là đối thủ nguy hiểm của Schwarzenegger vì ông không có những điều kiện của một chính trị gia truyền thống. Ông không có danh tiếng khời ngô tuấn tú, ông không có tiếng tăm dù đã được bầu vào chức phó thống đốc, vẫn rất ít người biết đến ông và ông cũng không phải là triệu phú. Bustamante chỉ là một người đàn ông bình thường như ông tự nhận. Thiếu tiếng tăm và những hậu thuẫn chính trị như của Gray Davis và Arnold Schwarzenegger, Cruz Bustamante đã chỉ quyên góp được hơn 5 triệu Mỹ kim để vận động tranh cử và ông cũng đã bị chỉ trích và nghi ngờ khả năng đại diện cho những người dân bình thường của California khi ông dựa vào một lỗ hổng trong luật bầu cử để nhận một số tiền đóng góp lớn hơn giới hạn từ các sòng bài được phép điều hành đặc biệt của sắc dân da đỏ. Với tất cả cố gắng của đảng Dân Chủ và hy vọng vào sự ủng hộ tuyệt đối của sắc dân gốc Mễ Tây Cơ và những thành phố tự do phóng khoáng như San Francisco, Bustamante cũng chỉ đạt được 31,6% số phiếu. Mặc dù vẫn còn giữ được chiếc ghế phó thống đốc cho đến hết nhiệm kỳ, ông khó lòng lấy lại niềm tin của cử tri vào năm 2006 vì ông đã lộ liễu dựa vào sự ủng hộ mạnh mẽ của sòng bài da đỏ.

Yếu tố cuối cùng và cũng là yếu tố then chốt trong cuộc bầu cử bãi nhiệm lịch sử này vẫn là **những người dân của tiểu bang tự do phóng khoáng California**. Với số di dân và những công dân Mỹ sinh trưởng ở nước khác cao nhất nước Mỹ, người dân California không có những trói buộc

Trung Quốc Và Bước Nhảy Vọt Lên Không Gian

Lời người dịch : Trong lúc báo chí và các cơ quan truyền thông trong và ngoài nước gần đây loan tin, ca tụng sự thành công của Trung Quốc trong việc đưa người thám hiểm không gian an toàn và trong lúc nhân dân Trung Hoa hân hoan đón mừng và hãnh diện về sự phát triển vượt bậc về lãnh vực khoa học không gian của quốc gia họ, tờ *The Economist* nhìn sự kiện này dưới một góc cạnh khác toàn diện hơn, sâu xa hơn. Sau đây là nguyên văn.

Bước tiến của Trung Quốc về không gian có vẻ như có tác dụng trong việc đánh lạc hướng những bất mãn trong nước hơn là có tác động mạnh mẽ đối với thế giới bên ngoài.

Với sự thành công trong việc đưa người lên không gian, Trung Quốc nay đã có một vị anh hùng mới khiến cho đảng cộng sản cảm quyền lấy lại được niềm tự hào tưởng như đã mất từ lâu. Đối với những nhà lãnh đạo Trung Quốc hiện đang cố gắng củng cố vai trò và sự chính đáng của đảng trong bối cảnh một quốc gia đang thay đổi hết sức nhanh chóng về xã hội và kinh tế, việc thành công trong sứ mạng đưa người vào không gian trong tuần qua là một thành quả tuyên truyền to lớn.

Bất kể phần thưởng về kỹ thuật của các chương trình thám hiểm không gian ra sao, các nhà lãnh đạo Trung Quốc thấy rất rõ là họ đã đạt được nhiều thắng lợi quan trọng về mặt chính trị. Ngay cả ngày dự định phóng phi thuyền Thần Châu 5 cũng được chọn theo ý của đảng.

Ngày này được chọn ngay sau 4 ngày hội nghị thường niên của Đảng Cộng Sản Trung Quốc nhằm đem lại luồng gió mạnh đưa đợt sóng cải tổ về chính trị và kinh tế trong đại hội này đến thành công. Ngay sau khi báo chí nhà nước ca ngợi "kết quả thắng lợi" của hội nghị, Hồ Cẩm Đào, tân chủ tịch đảng và nhà nước Trung Quốc, đã có mặt tại căn cứ không gian Cửu Tuyên, cách thủ đô Bắc Kinh 1.600 kilô mét, để tận mắt chứng kiến cuộc phóng phi thuyền này.

Chương trình thám hiểm không gian bí mật này do quân

đội điều hành và sự trỗi dậy của niềm tự hào dân tộc mà các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã tìm cách kích động có thể làm các quốc gia khác lo ngại. Truyền thông nhà nước cho rằng việc đưa người lên không gian chứng tỏ Trung Quốc là một cường quốc, tương tự như việc chế bom nguyên tử vậy. Trong khi đó, chính Hồ Cẩm Đào lại không muốn huyền hoang trên trường quốc tế. Giống như vị tiền nhiệm Giang Trạch Dân, ông chỉ muốn giữ vững sự đoàn kết quốc gia và vai trò lãnh đạo của đảng.

Vào năm 1992, các nhà lãnh đạo Trung Quốc cho phát động chương trình thám hiểm không gian Thần Châu trong lúc họ đang phải tranh đấu để lấy lại bình tĩnh sau khi Liên Xô sụp đổ. Sau 10 năm phát triển mạnh mẽ về kinh tế, các nhà lãnh đạo này mới cảm thấy tự tin hơn trước. Tuy thế, họ vẫn bị ám ảnh bởi sự bất ổn về xã hội và chính trị. Công cuộc cải cách kinh tế đã đem lại một luồng sinh khí mới cho những đô thị tại Trung Quốc. Nhưng đồng thời những cải cách này cũng làm cho sự bất bình đẳng ngày càng thêm trầm trọng giữa thành thị và thôn quê, giữa những vùng ven biển trù phú và những vùng đất nội địa đói nghèo.

Họ Hồ đang nỗ lực xây dựng tên tuổi của mình bằng cách giải quyết sự bất bình đẳng này. Hội nghị Trung ương Đảng cộng sản kỳ này không chú trọng vào việc nâng cao vị thế và tầm ảnh hưởng của Trung Quốc trên thế giới mà là hướng về việc xử trí những nhu cầu của những người dân Trung Quốc đã bị bỏ rơi trong tiến trình phát triển của đất

truyền thống vào hệ thống dân chủ đại diện bởi hai đảng Cộng Hòa và Dân Chủ nặng nề như những tiểu bang khác. California vẫn là tiểu bang muốn sử dụng hình thức dân chủ trực tiếp nhiều nhất trong các tiểu bang, đưa các đề nghị và sáng kiến vào những cuộc bầu cử để cử tri trực tiếp thông qua những đề nghị hay sáng kiến của mình để trở thành luật lệ. Điều này đôi khi đã làm thay đổi hay hủy bỏ hẳn những quyết định của quốc hội tiểu bang. Hơn ai hết, vị thống đốc vừa đắc cử Arnold Schwarzenegger cũng hiểu rõ điều đó nên ông đã không ngần ngại tự nhận mình là thống đốc của dân chúng. Ông cũng đã nhìn thấy những khó khăn của một chính khách đảng Cộng Hòa đơn lẻ trong chính quyền mà phe Dân Chủ đã nắm trọn cả lưỡng viện Quốc Hội nên ông đã đe dọa là nếu Quốc Hội gây khó khăn và trở ngại cho ông thì ông sẽ đưa ra đề dân chúng biểu quyết.

Không phải vì thiếu ý thức chính trị mà người dân California đã bầu cho một người không có kinh nghiệm gì về những vấn đề của một tiểu bang quan trọng vào bậc

nhất nước Mỹ. Họ thừa hiểu rằng trong một nền hành chính dân chủ vững chãi của nước Mỹ, họ không sợ Schwarzenegger sẽ phải cô đơn, bỡ ngỡ giữa chính trường vì "Nó lú thì chú nó khôn". Họ thừa biết rằng Schwarzenegger sẽ được hàng trăm cố vấn lỗi lạc giúp sức để giải quyết những vấn đề của California. Họ muốn Schwarzenegger thực hiện "Giấc mơ Hoa Kỳ" cho họ.

Nếu người dân của tiểu bang California quá tức giận trước những phản ứng lầm lẫn và chậm chạp của vị thống đốc trong việc giải quyết những vấn đề năng lượng và tài chính của tiểu bang đã đưa họ đến quyết định đòi bãi nhiệm thống đốc Gray Davis, thì việc bầu cho Arnold Schwarzenegger vào chức thống đốc được hiểu như một thông điệp gửi đến những nhà chính trị chuyên nghiệp là họ muốn nhìn thấy một sự thay đổi toàn diện và quyền lực tối hậu trong một nền chính trị dân chủ vẫn nằm trong tay người dân của tiểu bang California chứ không phải trong tay ông thống đốc hay bất kỳ ai khác.

Nguyễn Gia Xương (Union City, California)

nước Họ là những nông dân, công nhân từng làm việc trong các nông trường và xí nghiệp quốc doanh bị sa thải vì sự thất bại của các cơ quan này.

Chính những người bất mãn này là mục tiêu mà đảng cộng sản nhắm đến với hy vọng dùng người hùng không gian trung tá Dương Lợi Vĩ, một phi hành gia Trung Hoa đầu tiên (và tất nhiên cũng là một đảng viên), để cổ động tinh thần của họ.

Trung ương Đảng cộng sản ra quyết nghị kêu gọi thu hẹp khoảng cách quá lớn giữa thành thị và thôn quê, cải thiện guồng máy an sinh xã hội, và đối xử bình đẳng với xí nghiệp tư cũng như những công ty quốc doanh. Trung ương Đảng cộng sản còn kêu gọi phát động một "nỗ lực vĩ đại" nhằm tăng cường mạnh mẽ đà phát triển tại các đô thị đủ để cung ứng việc làm cho 300 triệu người thất nghiệp tại miền quê và nông thôn khi cần thiết. Và cũng như mọi người mong đợi, nghị quyết do hội nghị đảng luôn luôn đưa ra một cách tổng quát mơ hồ mà không có chi tiết hành động gì cụ thể. Những nghị quyết này sau đó sẽ được bàn thảo trong kỳ họp quốc hội, nhóm họp thường niên vào tháng ba năm tới.

Sự lo âu của ông Hồ Cẩm Đào về khả năng có thể sẽ xảy ra tình trạng bất ổn tại Trung Quốc hiện rõ nét trong kỳ hội nghị vừa qua, khi mà những đòi hỏi cải tổ chính trị chỉ được nhắc đến một cách hời hợt rồi thôi. Nhiều cán bộ đảng cho rằng cần phải khẩn cấp duyệt xét lại guồng máy chính trị cứng nhắc của quốc gia nhằm tránh nạn tham ô, hủ hóa, và thiếu khả năng làm việc. Tuy nhiên mối lo lắng lớn của họ Hồ là những yêu sách mạnh mẽ của giới trí thức Trung Quốc đòi hỏi phải có những cải tổ rộng lớn hơn kể từ khi ông lên nắm quyền lãnh đạo vào năm ngoái. Trong thời gian này họ Hồ đã tìm cách làm giảm bớt những kỳ vọng về việc cải tổ. Công thức về việc cải tổ tại Trung Quốc được đảng cộng sản theo đuổi từ năm 1992 cho đến nay vẫn không hề thay đổi, đó là đặt trọng tâm vào những cải tổ theo kinh tế thị trường mà không hề đếm xỉa đến cải tổ chính trị.

Sự thành công trong sứ mạng phi thuyền Thần Châu 5 đem lại cho Trung Quốc thêm một cảm giác vui sướng nữa sau việc nước này được chọn làm nơi tổ chức Thế Vận Hội năm 2008 tại Bắc Kinh và được chấp nhận vào Tổ Chức Mậu Dịch Thế Giới. Tuy những biến cố kể trên có giúp cho ước vọng của Trung Quốc là được các quốc gia khác, nhất là Hoa Kỳ, công nhận là cường quốc, Trung Quốc vẫn chưa thay đổi gì lắm về chính sách đối ngoại cũng như đường lối tiêu cực của họ đối với những vấn đề có tầm vóc quốc tế.

Khởi động niềm tự hào dân tộc một mặt có thể sẽ giúp cho những nhà lãnh đạo Trung Quốc chuyển hướng chú ý để quần chúng khỏi trông thấy những thất bại của họ, mặt khác, các nhà lãnh đạo này cũng biết đó là cuộc phiêu lưu nguy hiểm khi mà niềm hi vọng đầy tính yêu nước này biến thành sự thất vọng. Vì thế, giới lãnh đạo Trung Quốc phải tiếp tục đưa ra hàng loạt những luận điệu thù nghịch nhắm vào tổng thống Đài Loan, ông Trần Thủy Biển, như biến cố gần đây khi ông này tuyên bố rằng Đài Loan sẽ "đi theo con đường riêng" của mình. Dầu vậy, Trung Quốc đã tránh

Tản mạn

NHỮNG DẤU HỎI ?

Trong thời gian vừa qua, theo dõi hoạt động của Nông tống và cấp lãnh đạo (*để kịp thời hoan hô - thực mà*), người viết lượm lặt được tin (*rất tiếc, thuộc loại tin đồn miệng*) rằng Nông tống đã đứng vào số 50% Bộ Chính trị tính "tha" chiến sĩ dân chủ (*cũng cảm tử như thời chiến tranh*) Trần Dũng Tiến, thay vì đưa ra tòa lãnh án gián điệp như chiến sĩ Phạm Hồng Sơn. Cụ Hoàng Minh Chính nói ra điều này trong bản biện hộ viết sẵn, chờ (*e rằng vô vọng*) được phép làm biện hộ viên cho bạn đồng đội dân chủ, theo lời yêu cầu hợp pháp của đương sự và gia đình. Tuy vẫn kính trọng sự trung thực của vị tiền bối lão thành cách mạng, nhưng xin mạn phép đặt dấu hỏi về thông tin cụ Chính tiếp nhận, thiếu nghĩ không những trái tình trái lý mà còn e rằng hoàn toàn bịa đặt.

Trước hết, đó không phải là một thái độ dứt khoát "gật" hay "lắc" phù hợp với bản chất của Nông tống, qua thành tích quá khứ. Tội tình chi mà rời vị trí (*an toàn, báo bỏ*) đứng giữa (*không đứng trên được, nguy hiểm, sẽ bị bóp... trợn mắt nghệt thờ !*), phải không ? Sau nữa, nếu quả Nông tống ở nhóm "tha" mà không ngã ngũ, thì hóa ra lá phiếu "chóp bu" cũng xêm xêm (*tiếng Việt, không biết liên hệ thế nào với Anh ngữ : same, same*) những lá khác, cá mè một lứa hay sao ? Trên nguyên tắc, khi biểu quyết có tình trạng đồng đều bất phân, lá phiếu của tổng bí thư phải có giá trị quyết định chứ ? Chưa kể rằng nhân số Bộ Chính trị bao giờ cũng là số lẻ (13, 15, 17, v.v.) để trường hợp giằng co như thế khó xảy ra.

Thực tế là vụ xử chiến sĩ Trần Dũng Tiến bất ngờ đình hoãn vào phút chót, với lý do : chánh án bị bệnh, không làm việc được. Lại một dấu hỏi khác : ốm (đau) thật hay ốm giả ? Sự nghi hoặc nảy sinh từ thái độ lúng túng của nhà cầm quyền. Trước sự phản kháng mạnh mẽ và quyết liệt của công luận thế giới và trong nước ; nhiều chính phủ (*đáng nể nhất là Hoa Kỳ, nhưng chớ nói, sẽ tiết lộ bí mật quốc gia*) trong số thường viện trợ Việt Nam ; các tổ chức nhân quyền, cơ quan truyền thông có uy tín và ảnh hưởng ; chế độ - qua tay tòa cấp 2 (kháng án) - đã "xử nhẹ" Phạm Hồng Sơn dưới xa mức tối thiểu 12 năm luật định cho tội gián điệp, còn chình ình trong cáo trạng với phán định của

không còn hăm dọa sẽ tấn công Đài Loan bằng vũ lực nữa.

Sau sự thành công của phi thuyền Thần Châu, ông Hồ Cẩm Đào và ban lãnh đạo của ông đã đứng ở một vị thế cao hơn. Nhưng khi gặp tổng thống Hoa Kỳ George Bush tại hội nghị các nhà lãnh đạo Á Châu và Thái Bình Dương tại Băng Cốc vừa qua, ngoài vài bất đồng về trị giá đồng bạc của Trung Quốc, ông Hồ Cẩm Đào vẫn mong có một cuộc gặp gỡ thân mật và vui vẻ với nhà lãnh đạo Hoa Kỳ như trước đây.

The Economist (Oct, 2003)

Người dịch *Lý Nhân Bản* (Mountain View, Hoa Kỳ)

tòa sơ cấp. Mâu thuẫn rành rành, khó chối cãi. Đành phải xé bỏ bản án dành cho ông Tiến - theo lệ thường hẳn đã viết trước và gửi tòa cùng một lượt với cáo trạng (*cho tiện việc nhà nước thôi - thực mà*). Và nếu còn giữ ý định đàn áp, ít ra sẽ phải viết lại cả cáo trạng lẫn bản án kết tội cho không trái cựa, bĩ mặt thiên hạ như đồ ngu muội (*mặt chế độ da rất dầy, không hề hấn gì, xin cảm ơn, đừng lo*).

Tội nghiệp cho Nông tổng, không may mắn cả trong nhiệm vụ giáo chủ (*Đạo Hồ*). Chiến dịch học tập tư tưởng Ông Đạo khai sáng quốc giáo nghe chừng hết hơi sức, không sao làm sôi nổi lên được (*vì đáp ứng thâm lặng mà kiên định là "biết rồi, khổ lắm, nói mãi" của thế hệ lớn tuổi ; hoặc tệ hơn : "liên hệ gì đến tôi ?" của thế hệ trẻ - nói giọng lịch sự*). Cuốn phim tốn phí khá bộn (*không công bố - một bí mật quốc gia khác ? - nhưng ước tính sơ sơ mấy chục triệu đô-la Mỹ*) với sự hợp tác (*có thù lao, dĩ nhiên*) của đảng đàn anh và chuyên viên điện ảnh, diễn viên Bắc triều (*danh hiệu do chiến sĩ Lê Chí Quang kính tặng*), để phô trương thành tích oanh liệt của Ông Đạo thời kỳ "bôn ba" ở Hongkong, đã không hấp dẫn nổi trên 25% khán giả (*bao nhiêu phần trăm là vé "ủng hộ" mà cơ quan, đoàn thể, ép mua nhĩ ? Sợ rằng khán giả "bình thường" không có can đảm mất tiền chịu khổ như thế*) những xuất ngày cuối tuần rảnh rỗi giải trí. Lý do giản dị lắm : phim không đáp ứng những gì dân chúng háo hức chờ đợi (*nhut cuộc tình của Ông Đạo và nữ y tá Tăng Tuyết Minh với hậu cuộc bi ai - cho riêng bà Minh ; hoặc tình tiết về vị ân nhân - Lưu Đức Thụ - đã báo động để Đệ tam Quốc tế kịp cứu Ông Đạo khỏi cảnh ngục tù cùng sự báo đền của Ông Đạo - cho đi "mò tôm" phi tang đêm 19-12-1946 ở Thái Bình, nơi chốn quê ông Thụ trở về hưu dưỡng*). Mặt khác, những văn thơ xứng tụng tư tưởng của "Người" (*không có là không xong*) hưởng ứng chiến dịch chỉ chiếm một khoảnh khắc khiêm tốn ở trang ba, trang tư các nhật báo, hay trang đồng hạng trong loại tạp chí hàng đầu của đảng (*đừng kiếm tìm trong các báo khác cũng của "cánh ta" nhưng ưu tiên phải cạnh tranh câu khách - kinh tế thị trường mà*). Chiến dịch (*thâm lén, nhưng bị phát giác*) xây tượng Ông Đạo (*theo thuật tạo dựng sự sùng bái cá nhân thịnh thời Staline, Mao, nghĩ là còn ăn tiền*) hình như cũng xụp theo. Ủng công qui hoạch tử mĩ, chu đáo (*và hoài công những ai đó chắc mẩm đếm bạc sẽ nhiều như tai hồng*). Than ôi, thương thay !

Nghiêm Văn Thạch (Paris)

[HTTP://WWW.THONGLUAN.ORG](http://www.thongluan.org)

NHỮNG MẢNH ĐỜI RÁCH NÁT

là tên một tuyển tập gồm 15 bài tự thuật ghi lại cuộc đời của tập thể anh em thương phế binh và cô nhi quả phụ Việt Nam Cộng Hòa đang sống dưới chế độ cộng sản trong nước.

Giá bán : 25 euros hay 30 USD (đã kể cước phí gửi). Ngân phiếu xin đề Mr **Nguyen** và gửi về địa chỉ : Nguyễn Văn Huy, 9 rue Jehan Scarron, 77185 Lognes, France.

NGHĨA HỘI TÌNH THƯƠNG

Nghĩa hội Tình thương (Association Compassion) là một hội nhân đạo, do một số người Việt giàu lòng nhân ái lập ra từ đầu năm 2003.

Mục đích của hội là giúp đỡ những đồng bào kém may mắn, đặc biệt là những thương phế binh, nạn nhân chiến tranh và những trẻ em tàn tật, đang sống trong cảnh khổ khó tại Việt Nam. Đây cũng là sự tiếp nối các công tác từ thiện do bác sĩ Phan Minh Hiển khởi xướng trong việc giúp đỡ các anh em thương phế binh và trẻ em khuyết tật đang sống trong những điều kiện khó khăn tại quê nhà.

Về điều hành, hội có một Hội đồng quản trị và một Ban chấp hành. Hội đồng quản trị gồm chín người ; Ban chấp hành gồm ba người : bà Chantal Vothanh (chủ tịch), ông Nguyễn Phương Long (phó chủ tịch) và Raymond Lemay (tổng thư ký).

Trụ sở của hội đặt tại Pháp, Hoa Kỳ và Canada. Tại Pháp nghĩa hội do bà Michèle Malfreyt Nguyễn Thanh Khiết làm chủ tịch. Tại Hoa Kỳ, nghĩa hội do bác sĩ Nguyễn Liên Hương làm chủ tịch, qua trung tâm IRCC (Immigrant Resettlement & Cultural Center). Tại Canada, nghĩa hội do bà Chantal Vothanh làm chủ tịch.

Điểm nổi bật của Nghĩa hội Tình thương là mọi người đều có thể tìm hiểu, liên lạc, trao đổi qua mạng Internet bất cứ lúc nào và bất cứ nơi đâu để biết thêm về hoạt động của hội. Quý vị ân nhân có thể vào Website của nghĩa hội (<http://www.association-compassion.org>) để biết thêm chi tiết và chọn phương thức giúp đỡ thích hợp với khả năng tài chánh của mình.

Đặc điểm khác là quý vị phụ huynh có thể khuyến khích con em vào xem Website - viết bằng tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng Pháp - để tham gia và tạo sự liên đới với quê nhà. Mọi chi tiêu của hội đều rất minh bạch (xem chi tiết trên Website), người nhận sẽ gửi hình hay viết thư liên lạc trực tiếp với từng ân nhân để tạ ơn.

Hiện nay nghĩa hội đang xúc tiến một số chương trình giúp đỡ một số người kém may mắn trên khắp Việt Nam, quỹ của hội đã gần cạn và rất cần sự ủng hộ nhiều hơn nữa của quý vị ân nhân. Cũng nên biết mọi ủng hộ tài chánh sẽ được cấp giấy chứng nhận để khấu trừ thuế.

Địa chỉ liên lạc :

- Tại Pháp, Michèle Malfreyt Nguyễn Thanh Khiết, 8 boulevard Jourdan, 75014 Paris. Ngân phiếu xin đề **Association Compassion**.

- Tại Hoa Kỳ, Nguyễn Liên Hương, 846 Salt Lake Drive, San Jose CA 95133. Ngân phiếu xin đề **IRCC**, trên ngân phiếu xin ghi thêm "AC-USA".

- Tại Canada, Chantal Vothanh, 25 Jardine, Dollard des Ormeaux, Québec H9B 2N3. Ngân phiếu xin đề **Chantal Vothanh**. Để biết thêm chi tiết, xin liên lạc với bà Chantal Vothanh : ck_lemay@hotmail.com.

Nghĩa hội Tình thương cũng rất mong đón nhận những đóng góp khác của quý ân nhân : ý kiến, bài vở, hình ảnh giới thiệu người cần giúp đỡ hay người muốn giúp đỡ.

Thế nào là "âm mưu của các thế lực thù địch" ?

Ya Biloh

Biến cố Tây Nguyên tháng 2-2001 là một thách thức lớn đối với chính quyền Hà Nội. Lần đầu tiên dưới chế độ cộng sản hàng chục ngàn đồng bào thiểu số trên Tây Nguyên đã đồng loạt xuống đường biểu tình trong nhiều ngày đòi tự do tôn giáo và yêu cầu chính quyền trả lại đất đai canh tác của tổ tiên đã bị nhà nước tước quyền sở hữu.

Thay vì tìm kiếm một giải pháp ôn hòa để giải quyết sự bất mãn, chính quyền Hà Nội đã chọn giải pháp đối đầu và đàn áp. Hơn 20.000 binh lính và công an từ đồng bằng duyên hải miền Trung đã được đưa lên Tây Nguyên tăng cường và giúp các lực lượng an ninh địa phương cô lập những nơi tình nghi xuất phát lệnh xuống đường. Từ tháng 2 đến tháng 5-2001, nhiều buôn làng có đông dân cư thiểu số cư ngụ bị vây bủa, suýt gây nạn đói nghiêm trọng trong cộng đồng người Thượng. Sau hơn 5 tháng bao vây, hàng trăm người Thượng bị bắt và kết những án tù nặng nề, hàng ngàn người khác chạy sang Campuchia lánh nạn. Tuy có bị truy lùng ráo riết để đem về Việt Nam giam giữ, khoảng 1.000 người Thượng đã được Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc cứu xét cho qua Mỹ tị nạn. Những hành vi đàn áp thô bạo đối với người Thượng đã bị các chính quyền dân chủ, dư luận quốc tế và các tổ chức nhân quyền cực lực lên án : Việt Nam là một quốc gia không tôn trọng quyền con người và quyền tự do tín ngưỡng.

Những gì đã xảy ra trên Tây Nguyên đều có tác động không nhiều thì ít đối với cộng đồng người Chăm sinh sống dọc vùng duyên hải miền Trung, nhất là tại hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận. Khi biến cố Tây Nguyên vừa xảy ra, chính quyền cộng sản Việt Nam không bỏ lỡ cơ hội đã tìm cách kềm chế cộng đồng người Chăm sinh trú trên vùng đất này. Đối với Hà Nội, cộng đồng người Chăm "có những vấn đề phức tạp trong quan hệ với nước ngoài về dân tộc và tôn giáo". Hai yếu tố này chi phối, ảnh hưởng đến toàn bộ đời sống kinh tế, chính trị và xã hội của người Chăm, do đó phải bằng mọi cách vô hiệu hóa các tầng lớp tu sĩ, chức sắc tôn giáo và trí thức Chăm.

Để thực hiện mục tiêu đó, giữa năm 2001, nhà xuất bản Chính Trị Quốc Gia cho phát hành một tài liệu để đảng viên và cán bộ học tập mang tựa đề "Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách liên quan đến mối quan hệ dân tộc hiện nay", sách dày 356 trang, gồm 4 chương. Tài liệu này do giáo sư tiến sĩ Phạm Hữu Dật, chủ biên, cùng 22 tiến sĩ, cử nhân tên tuổi khác trong nước biên soạn. Đây là những nhà nghiên cứu dân tộc học có tên tuổi và đã từng viết nhiều bài khảo cứu dân tộc học có giá trị. Nhưng trong tài liệu này, yếu tố biên khảo khoa học đã lùi bước trước áp lực chính trị của Đảng và Nhà nước cộng sản Việt Nam. Chẳng hạn như trong chương IV, viết về vùng sắc tộc Khơme, Chăm, Mông, Thái, Tây Nguyên, Hoa, các tác giả đã không những bóp méo sự thật, xuyên tạc thực tế để luồn vào đó những yếu tố nhằm phục vụ các mục tiêu chính trị và chiến lược mà còn đưa ra những biện pháp an ninh và

chính trị để khống chế và áp bức những cộng đồng dân tộc này.

Riêng bài viết về vùng dân tộc Chăm, từ trang 200 đến 223, trừ yếu tố địa lý và dân cư, sự bóp méo sự thật và xuyên tạc lịch sử, văn hóa, tôn giáo và xã hội dân tộc Chăm của người viết đã rất trắng trợn. Trang 209, "những nhân tố tác động đến quan hệ dân tộc ở vùng dân tộc Chăm hiện nay", tác giả bài viết nhận định như sau : "Vấn đề quan hệ dân tộc ở vùng dân tộc Chăm chịu tác động của nhiều nguyên nhân và điều kiện khác nhau. Có nguyên nhân khách quan như : hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, sự tác động từ bên ngoài của môi trường quốc tế trên các lĩnh vực của đời sống chính trị, văn hóa, trình độ phát triển, sự chênh lệch, bất bình đẳng trong thực tế đời sống ảnh hưởng tiêu cực đến mối quan hệ dân tộc ; có những vấn đề phức tạp do lịch sử để lại ; đồng thời có những vấn đề phức tạp mới nảy sinh trong đời sống vật chất và tinh thần như : sự xâm nhập của các tôn giáo mới, hoặc tác động mặt trái của quá trình dân chủ hóa xã hội, quá trình chuyển sang và tác động mặt trái của nền kinh tế thị trường. [...] Để giải quyết tốt mối quan hệ dân tộc ở vùng Chăm, trước hết phải phân tích kỹ âm mưu của các thế lực thù địch".

Về âm mưu của các thế lực thù địch, tác giả bài viết đưa ra một số hoạt động điển hình như sau : thành lập Trung Tâm Văn Hóa Chăm ở Phan Rang năm 1971 ; đưa Thanh Niên Chí nguyện Quốc Tế vào khu vực Chăm để hoạt động văn hóa ; thành lập Hội Đồng Giáo Cả Chăm Hồi Giáo năm 1959, Hiệp Hội Chăm Hồi Giáo Việt Nam năm 1961 ; nhào nặn ra tổ chức Fulro Chăm năm 1966 với mưu mô "đấu tranh lập một nhà nước Chăm-pa tự trị".

Về Fulro Chăm, tài liệu cho biết : "Trong quá trình tồn tại và chống phá cách mạng (sau 1975), Fulro Chăm đã gây cho ta nhiều tổn thất, làm chết và bị thương nhiều cán bộ, chiến sĩ và dân thường là người Kinh và người Chăm, gây tình hình căng thẳng, không ổn định về an ninh, trật tự [...]".

Tài liệu cho biết đối với dân tộc Chăm, các thế lực thù địch đã sử dụng những đối tượng và phương thức chủ yếu sau : "Một là, hoạt động của số đối tượng phản động người Chăm lưu vong và các thế lực đứng sau nó (ở Mỹ : Văn Phòng Chăm Pa Quốc Tế, Hội Muslim Chăm-pa, Liên Minh Người Chăm Tị Nạn). [...] Hai là, lợi dụng chính sách mở cửa của Nhà nước ta, số đối tượng người Chăm lưu vong và người nước ngoài trước đây đã từng hoạt động ở vùng dân tộc Chăm tăng cường thâm nhập vào vùng Chăm, phổ biến là dưới hình thức thăm thân nhân, du lịch, viện trợ từ thiện, nhân đạo và đặc biệt là trên lĩnh vực nghiên cứu văn hóa, lịch sử dân tộc Chăm... để móc nối lại các quan hệ cũ với người Chăm, nhằm thu thập tin tức, tác động tư tưởng, kể cả tuyên truyền gây hoài nghi, chia rẽ dân tộc, kích động tư tưởng và tâm lý hoài cổ [...]".

Về tác động của nhân tố tôn giáo, ngoài ba tôn giáo

chính (Chàm Bà la môn, Chàm Bà ni và Chàm Islam), tài liệu này cho biết : "Từ năm 1990 các thánh đường Hồi giáo đã nhận được của nước ngoài số tiền trị giá hơn 2.500 triệu đồng Việt Nam (khoảng 170.000 USD) để phục vụ cho hoạt động tôn giáo. Một số chức sắc cầm đầu Hồi giáo lấy danh xưng tôn giáo đẩy mạnh hoạt động móc nối với cá nhân, tổ chức Hồi giáo quốc tế để liên hệ xin kinh sách, tiền tài trợ. Họ còn thành lập ra các tổ chức bất hợp pháp, như 'Liên minh các thánh đường Islam tại Việt Nam' để quan hệ với tổ chức Chử Thập Đở Quốc Tế, sứ quán một số nước tại Hà Nội, một số tổ chức đại diện ngoại giao ở Việt Nam nhằm yêu cầu can thiệp với chính phủ Việt Nam cho người Chàm tín đồ Islam được công nhận là ngoại kiều (xin phục hồi quốc tịch Malaixia, xin xuất cảnh tập thể sang Malaixia)".

Riêng đối với Thiên Chúa Giáo, tài liệu này tiết lộ "Từ 1992 trở lại đây, một số giáo sĩ Công Giáo và Tin Lành đã xâm nhập, hoạt động truyền đạo vào vùng đồng bào Chăm bằng nhiều hình thức, thủ đoạn mới, lôi cuốn một số người Chăm theo hai tôn giáo này. Tình hình đó đã tạo ra sự phân hóa mới ở vùng dân tộc Chăm : trong nội bộ dân tộc, trong từng tôn giáo và mỗi gia đình. [...] Giáo hội Thiên Chúa Giáo chủ trương cho một số giáo sĩ học tiếng Chăm để phục vụ cho việc phát triển đạo này vào vùng dân tộc Chăm, đồng thời đã đầu tư kinh phí tài trợ cho học sinh, sinh viên Chăm để từng bước tranh thủ lôi kéo lớp trẻ trong người Chăm theo đạo của họ. Bằng các thủ đoạn trên, trong thời gian qua họ đã lôi kéo được gần 6.000 người Chăm (chiếm 5% dân số Chăm) theo đạo Thiên Chúa và Tin Lành".

Qua những nhận định bóp méo sự thật và xuyên tạc này, người am hiểu tình hình chắc không cần một bình luận nào. Tuy vậy cũng có một số sự kiện cần được giải thích thêm để tránh hiểu lầm.

Trung Tâm Văn Hóa Chăm ở Phan Rang do linh mục Gérard Moussay, dòng Thừa Sai Paris (Mission Etrangère de Paris), thành lập năm 1971 nhằm bảo tồn nền văn hóa Chăm đang bị mai một. Từ khi được thành lập đến năm 1975, trung tâm này chỉ được những nhà nghiên cứu về người Chăm tại Trường Viễn Đông Bác Cổ Paris chú ý chứ không ảnh hưởng gì nhiều đối với sinh hoạt văn hóa của người Chăm sinh sống tại Phan Rang. Hơn nữa trung tâm này đã bị giải tán từ năm 1975. Công lao của giáo sĩ Moussay là đã soạn thảo bộ tự điển Việt Chăm Pháp.

Về hoạt động của Fulro Chăm, đây là một phong trào nổi dậy tự phát của người Chăm chống lại sự phân biệt đối xử của chính quyền Sài Gòn đối với người sắc tộc. Phong trào này không chủ trương thành lập một quốc gia tự trị mà chỉ đòi được nhìn nhận như những công dân Việt Nam thực thụ, nghĩa là có đầy đủ quyền lợi và trách nhiệm như mọi công dân Việt Nam khác của miền Nam Việt Nam lúc đó. Người ta thường đồng hóa phong trào này với Mặt Trận Giải Phóng Champa do Les Kosem (một tướng Khmer gốc Chăm tại Kampuchia) lãnh đạo. Tháng 4-1975, Fulro Chăm nổi dậy ở ba tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận và Bình Tuy là để phản đối chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về việc sáp nhập hai quận Chăm là An Phước và Phan

Lý Chăm vào quận của người Kinh. Họ chỉ muốn nhà nước Việt Nam địa phương trả lại đất đai quanh các đền đài và làng xã của tổ tiên để canh tác, qua đó có điều kiện vật chất để tu bổ các tháp Po Klaung Giray, Po Romé, Po Dam. Việc tố giác lực lượng này sát hại người Kinh và người Chăm hoàn toàn là xuyên tạc thực tế. Chính công an cộng sản Việt Nam đã bắt bớ và giam cầm bất cứ người Chăm nào bị tình nghi theo Fulro, nhiều người đã bỏ mình trong các trại cải tạo.

Còn thế nào là "âm mưu của các thế lực thù địch" thì các tác giả của tài liệu chỉ đưa ra những hội đoàn văn hóa, xã hội và từ thiện nhằm bảo tồn di tích Chăm và giúp đỡ những người đồng hương trong nước đang gặp khó khăn. Điều khó hiểu là những hội đoàn này nếu hoạt động trong vùng người Kinh thì được hoan nghênh, khi hoạt động trong vùng thiểu số thì bị cấm cản. Tại sao vậy ? Chính quyền cộng sản Việt Nam chắc đã có làm nhiều điều sai trái hay mờ ám gì đó đối với người thiểu số nên mới sợ sự thật bị phơi bày ? Đã gọi là thiểu số, tức là ít người, thì làm gì có sức mạnh để gây sợ hãi cho bất cứ ai ? Sự thật là từ khi nắm được chính quyền cho tới nay, chính quyền cộng sản đã không làm gì để nâng cao mức sống dân chúng mà chỉ tập trung củng cố địa vị và bảo vệ quyền lợi riêng tư. Khi bất công xảy ra, dân chúng nổi lên chống đối, cách giản dị nhất là chụp lên đầu những người này cái nón phản động, tay sai của các thế lực thù địch, để đàn áp và trù dập. Lập luận này không phải chỉ mới đây, nó đã được sử dụng từ 1945 và cho đến nay vẫn còn tiếp tục. Lần này chủ yếu nhắm vào người thiểu số và tín ngưỡng của họ. Đạo Hồi của người Chăm và đạo Tin Lành của người Thượng đã có trước khi người cộng sản lên cầm quyền và chưa bao giờ là một đe dọa cho bất cứ chính quyền nào. Mỗi lần gắn cho ai chiếc nón phản động hay tay sai cho các thế lực thù địch, máu và nước mắt của các nạn nhân lại đổ ra.

Về các tổ chức của người Chăm tại hải ngoại, đặc biệt là ở Mỹ, đó chỉ là những hội đoàn thuần túy văn hóa và xã hội. Cộng đồng người Chăm ở Mỹ, được chính phủ Hoa Kỳ cho phép thành lập hội đoàn trong tinh thần bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc. Sự thành lập các hội đoàn văn hóa và xã hội này tại các quốc gia dân chủ phương Tây không những được khuyến khích mà còn được các chính phủ địa phương tài trợ, vì đó là một trong những di sản văn hóa của quốc gia cư mang. Theo dõi hoạt động của các hội đoàn này trong hơn 10 năm qua, chúng tôi không thấy "Chăm kiều" nào nuôi dưỡng, kích động tinh thần phục hồi vương quốc Champa cũ hay gây sự hận thù dân tộc giữa người Kinh và người Chăm.

Tóm lại, tài liệu học tập do giáo sư tiến sĩ Phan Hữu Dật làm chủ biên không chứa đựng một nội dung dân tộc học nào mà chỉ là một tài liệu học tập nội bộ của Đảng và Nhà nước Việt Nam nhằm chuẩn bị một cuộc đàn áp qui mô những người trí thức gốc thiểu số, đặc biệt là người Chăm, tại Việt Nam trong những ngày sắp tới. Cho dù có ý đồ nào, khơi lại hiềm khích dân tộc là một thái độ bất xứng đối với những người được coi là thành phần trí thức.

Ya Biloh (Cheo Reo)

Người Việt ở Berlin và Bức Tường Hình Trụ

Phạm Việt Vinh

Đầu tiên, mục sư Thomas rất lầy lợm khi thấy trong các buổi giảng lễ Tin Lành của ông ở Berlin có hai nhóm người châu Á luôn ngồi tách xa nhau. Không chỉ vậy, những lúc nói chuyện tại tiền sảnh nhà thờ, hai nhóm người này lại có ý tránh nhau, nhìn nhau với ánh mắt xa lạ, e dè. Sau này, ông mục sư còn ngạc nhiên hơn nữa khi biết rằng, tất cả họ đều là người Việt Nam - chỉ có điều, một nhóm là người Việt Tây Berlin, còn nhóm kia là người Việt Đông Berlin.

Thực ra, sự phân biệt này không hoàn toàn chính xác. Theo ước đoán của chính quyền Đức, số người Việt hiện nay ở tiểu bang Berlin xấp xỉ trên 40 ngàn, trong đó, số người có đăng ký nhân khẩu chính thức là khoảng 12 ngàn (Tây Berlin khoảng 4 ngàn, Đông Berlin khoảng 8 ngàn), kể cả gần 3 ngàn người đã nhập quốc tịch Đức. Như vậy, gần 3/4 số người Việt ở Berlin không có giấy tờ hợp lệ - họ là những người đang xin tị nạn (nhưng chưa hoặc không được công nhận tị nạn) tại các tiểu bang khác dồn về Berlin để tìm cách làm ăn. Đối với mọi sắc dân xin tị nạn, nhà nước Đức đều có trách nhiệm lo chỗ ở (tại Berlin nói riêng và các tiểu bang phía Đông nói chung, là các chung cư trung bình 2-3 người một phòng), với chi phí chỗ ở khoảng 300-500 euros mỗi tháng. Nếu tính cả phí tổn bảo hiểm y tế bình quân 200 euros/tháng và các dịch vụ xã hội khác (như giảm giá tàu xe, miễn phí tư pháp,...) và tiền ăn mặc 160-200 euros/tháng được phát (gọi là trợ cấp tị nạn), thì chi phí của chính quyền cho một người xin tị nạn là khoảng xấp xỉ 1.000 euros mỗi tháng. Tuy nhiên, phần đa người xin tị nạn Việt Nam còn rất trẻ, còn rất nhiều nhu cầu, nên gần 200 euros tiền mặt đối với họ là không đủ. Bà Meinbach - nhân viên xã hội một trại tị nạn dành cho thanh thiếu niên ngay gần trung tâm Berlin "hết sức ngạc nhiên khi thấy hầu hết các cô cậu tị nạn Việt Nam đều xài quần áo mặc mớ đất tiền và hút thuốc lá sang chứ không dùng thuốc quẩn". Lý do đơn giản là hầu hết dân xin tị nạn Việt Nam đều không trông chờ (có nhiều người còn "khinh") trợ cấp tị nạn ; và họ đều tìm kế kiếm tiền riêng.

Nơi trú ngụ của dân xin tị nạn từ xa đến ở Berlin là nhà người quen hoặc là những căn hộ nhỏ nhờ người quen thuê hộ. Điều kiện ăn ở và sinh hoạt trong những "tổ hợp chung chạ" bất hợp pháp này cũng chẳng khá hơn so với ở chung cư tị nạn, có những căn hộ đứng tên một người thuê, nhưng tối đến là 9-10 người lăn lóc trên những tấm đệm trải tạm. "Nhưng dù sao, người mình ở với nhau vẫn cứ vui hơn, và cũng tiện cho chuyện làm ăn hơn" - một thanh niên 19 tuổi cho biết như vậy. Hàng xóm người Đức "không thể tưởng tượng nổi" và không dễ chấp nhận hiện trạng "vui vẻ" này, nên chỉ những hãng nhà chả mấy đàng hoàng mới dám "nhắm mắt" cho thuê những căn hộ trên. Điều không may cho con số 3/4 này là, theo luật tị nạn của Đức, họ chỉ được phép cư ngụ và di chuyển trong phạm vi địa phương (quận, huyện, thành phố) mà họ đã nộp đơn xin tị nạn, và trong

thời gian chưa hoặc không được chấp nhận tị nạn này (tỷ lệ người Việt được công nhận tị nạn tại Đức là 2-3 phần ngàn), việc xin được giấy phép lao động, đặc biệt ở các tiểu bang phía Đông, là một điều không tưởng. Vì vậy, 3/4 người Việt ở Berlin phải ở "chui", và ngoài việc ăn trộm hay bán thuốc lá lậu thuế, nếu kiếm được việc làm trong một cơ sở kinh doanh của người Việt Nam nào đó, thì cũng là làm "lậu". Đối với số người này, việc bị cảnh sát bắt giữ và đui về vùng quy định là một nguy cơ luôn lơ lửng trên đầu.

Tại Berlin, cũng có khoảng 2-3000 người Việt Nam được đăng ký xin tị nạn và tạm dung - phần lớn là thanh thiếu niên hoặc những người khai là thanh thiếu niên, và cũng có những người từ nơi xa đến đây không phải để làm ăn phi pháp. Những người này "chui" vào Berlin mấy triệu dân này "để có bạn cho vui" (nhiều trại tị nạn tại các tiểu bang khác phía Đông được tu sửa từ những trại lính Nga cũ, ở tách hẳn khỏi những khu vực dân cư). Một cô gái trẻ cho biết : "Mấy đứa bọn em suốt ngày nằm xem chương trình TVT4 hoặc băng phim tập Trung Quốc, Việt Nam. Thực ra, cũng có đứa thích xem chương trình Đức, nhưng mù tịt tiếng, nên đành chịu... Còn quay trở về Việt Nam ư ? Về đó, thân thể không có, chúng em biết làm gì ? Mất bao nhiêu tiền mới sang được đến đây, nay về tay không, biết ăn nói với cha mẹ và làng nước ra sao ? Thôi thì người ta cho ở ngày nào thì biết ngày đó vậy !". Rồi ở đây, cuộc sống bất ổn đến mức bấp bênh, khép kín đến mức bế tắc này sẽ dẫn những chàng trai, cô gái đó tới đâu ? Cảnh sát Đức cho biết : trong người Việt, nạn nghiện ma túy đã trở nên trầm trọng và đã có vài cô gái Việt phải bán thân.

So với số người này, 1/4 đồng bào còn lại (mà bà con tị nạn gọi gộp lại là "kiều", Việt kiều - để chỉ những đồng hương ở phía Tây, hay là "dân có Pass", dân có hộ chiếu - giấy tờ với dấu của Đức cho phép thường trú, dùng để chỉ dân "cựu lao động hợp tác" phía Đông), có những quan tâm hoàn toàn khác. Tại nhà thờ đã kể trên, câu chuyện giữa những người được gọi là "dân Tây Berlin" chủ yếu xoay quanh chuyện xã hội Đức, chuyện công sở, hội họp, chuyện tổ chức dạ hội Party... Đến nước Đức từ trước 30-4-1975 (phần đa là sinh viên du học) hoặc sau đó (là thuyền nhân), họ đã được chính quyền sở tại ưu ái khá nhiều. Hoàn toàn không phải lo đến chuyện quy chế lưu trú, họ dễ dàng được tham gia các chương trình học tập, đào tạo và nhanh chóng hòa đồng vào xã hội Đức. Phần đông những người này thạo tiếng Đức, có công ăn việc làm ổn định, và ở ngay cái đất nước còn khá là "quốc gia chủ nghĩa" này, nhiều người trong họ vẫn có vị trí nhất định trong xã hội, có người là giáo sư viện trưởng y khoa, có người là chuyên viên cao cấp của công ty lớn... Vậy nên chẳng có gì làm lạ khi nỗi dẫn đo của họ khi hè đến là đi nghỉ mát ở Hy Lạp hay ở Hoa Kỳ, hoặc là cuối tuần này đi khiêu vũ ở đâu. Nếu ai trong họ không may bị thất

nghiệp quá lâu, thì việc nhận trợ cấp xã hội đảm bảo cuộc sống cũng rất nhẹ nhàng. Trong con số hơn 4 ngàn người Việt ở Tây Berlin đã có khoảng gần ba ngàn người là công dân Đức, và nước Đức luôn phải có trách nhiệm đối với họ.

Đồng hương của họ ở phía Đông thì ít được lưu tâm hơn. Nội dung chủ yếu câu chuyện của họ là tình hình cửa hàng buôn bán, là chuyện về phép thăm nhà, chuyện học hành của con cái. Tuyệt đại đa số có nguồn gốc là những người từ các tỉnh miền Bắc Việt Nam sang "lao động hợp tác" tại Cộng hòa Dân chủ Đức trước đây, họ chỉ được nước Đức thống nhất chính thức cấp quy chế thường trú từ 1997, phần đa kèm theo điều kiện là không được đòi hỏi trợ cấp xã hội, tức là họ bắt buộc phải tự lo cho đời sống của mình. Với 5-6 năm được phép chính thức hóa "trung tâm cuộc sống" cá nhân trong một môi trường nói chung là mới lạ, kiếm việc làm trong hãng xưởng hay công sở chẳng khác nào "mò kim đáy biển", nên hầu hết người Việt bên Đông đều phải làm chủ các hãng mini như quán ăn, quán báo, cửa hàng quần áo rẻ tiền, hàng xén, hàng thực phẩm... cũng là lẽ đương nhiên. Một số ít đi làm hãng thì cũng chỉ được nhận những việc chân tay đơn giản như vệ sinh, phụ bếp... Số làm khoa học, làm đúng chuyên môn có thể đếm được trên đầu ngón tay.

Cũng may, nhờ tháo vát, chịu khó, người bên Đông đã dần dần ổn định cuộc sống, thu nhập kinh tế của họ đã khá cao tuy sức lực bỏ ra quá lớn. Nhiều người trong họ tâm niệm; "hy sinh đời bố, củng cố đời con", dồn sức cho sự học hành của con cái. Tỷ lệ học sinh Việt Nam học giỏi, được vào Đại học rất cao, âu cũng là một nét đặc biệt của những người di dân gốc Việt từ trước tới nay. Có điều, khi vào được Đại học, sự vượt trội của người Việt không còn, rất hiếm có sinh viên Việt Nam nào học Đại học một cách xuất sắc. Có người lý giải hiện tượng này bằng thực tế những sinh viên đó nói chung là sinh ra, lớn lên ở Việt Nam, và đã sang Đức vào những năm thân nhân còn chưa ổn định. Vậy là, về mặt học hành và sự nghiệp, người Việt mình lại phải kiên tâm hy vọng vào thế hệ sau - vào những đứa con sinh ra và lớn lên ở Đức.

Nhưng thực tế, điều này hình như cũng chỉ là một kỳ vọng. Một số thăm dò xã hội cho thấy, với cách nuôi dạy con em còn ít nhiều nặng tính Khổng giáo, với khả năng tiếng Đức khá yếu, với sự thiếu hụt về kiến thức và ý thức xã hội nói chung, người Việt dường như đang chỉ có khả năng đóng góp cho cộng đồng một giới trẻ chăm chỉ nhưng ít sáng tạo và hầu như chưa có đầu óc phê phán - một trong những động lực của xã hội phương Tây. Chị T., một người Việt rất hăng say hoạt động xã hội và chính trị tại Berlin, khi tìm kiếm thiếu niên người Việt cho Kinderparlament (Nghị viện Trẻ em - một hình thức của chính quyền, tụ họp những thiếu niên có quan tâm và có năng khiếu về chính trị, xã hội để luyện tập việc trình bày và đề xuất phương án giải quyết các vấn đề địa phương và quốc gia), đã rất buồn bã và thất vọng: "Theo tiêu chuẩn của Berlin, thì chỉ thiếu niên từ 12 đến 16 tuổi mới được tham gia Nghị viện trẻ em. Từ 16 tuổi trở lên, thanh niên đã phải có ý thức và hoạt động chính trị rõ ràng. Nhưng, thanh thiếu niên Việt

Nam thì cho đến 18 tuổi, vẫn hết sức thơ ngây trong chính trị và xã hội. Có một số thanh niên Việt Nam bắt đầu quan tâm đến các vấn đề trên, thì họ đã ở lứa tuổi 19-20, tức là không đủ tiêu chuẩn vào Nghị viện trẻ em". Nghĩa là, về tầm vóc xã hội, người Việt mình ít nhất cũng "trẻ em" hơn người Đức từ 3 đến 4 tuổi.

Nhìn kỹ, thực trạng "tụt hậu" trên đây không phải chỉ có ở phía Đông, mà cũng là một điều phổ cập cả ở phía Tây. Mặc dù cuộc sống coi như ổn định đã lâu, nhưng sự học hỏi của giới trẻ Việt Nam ở Tây Berlin nói riêng và Tây Đức nói chung không hề hơn giới trẻ phía Đông và họ cũng không vượt trội cả về ý thức xã hội. Đó là một sự giống nhau, một sự "thống nhất" của người Việt Đông-Tây; và đáng buồn là ở chỗ "chưa thể bằng người". Dù sao, một điều dễ nhận thấy là thanh niên Việt Nam phía Tây đã hội nhập sâu hơn vào cuộc sống nước Đức - họ tự tin hơn, hồn nhiên hơn. Trong khi nhiều sinh viên Việt Nam bên Tây đã theo học, đã tốt nghiệp những ngành "bay bổng" như vũ trụ hàng không, nghệ thuật biểu diễn... thì sinh viên bên Đông chủ yếu vẫn theo các ngành "truyền thống", "ăn chắc mặc bền" như tin học, kinh tế, kinh doanh... Ở đây, tác động của những ông bố, bà mẹ phía Đông "đã một thời khốn khó" đóng một vai trò không nhỏ.

Hình như, để bù lại sự cực nhọc và thiệt thòi, bà con bên Đông có một chốn đi về khá thuận tiện và rẻ tiền là Đất Việt - nơi quê nhà cũ. Từ vài năm gần đây, khi chính sách đối với "kiều bào" của chính quyền trong nước thay đổi, người bên Đông (tuyệt đại đa số vẫn dùng hộ chiếu Việt Nam) có thể qua lại Việt Nam bất cứ lúc nào mà không cần phải xin thị thực (Visum) tại Tòa Đại sứ. Hầu hết số bà con này còn cha mẹ, anh chị em trong nước nên sự đi lại thuận lợi này càng thiết chặt hơn mối quan hệ của họ đối với Việt Nam. Nhiều người trở thành chỗ dựa kinh tế quan trọng cho thân nhân trong nước, có người mang tiền về mua nhà cửa, khách sạn cho thuê, ngoài thu nhập tại Đức còn có lợi tức hàng ngàn Đô-la mỗi tháng trong nước; người ít tiền hơn thì chỉ ít cũng còn một góc nhà, một miếng đất cha mẹ, ông bà chờ đợi. Rõ ràng, sự gắn bó này, ngoài mặt tình cảm còn có một mặt không kém phần sắc đậm là vật chất. Theo một thống kê không chính thức, gần 80% người Việt tại Đông Berlin nói riêng và tại Đông Đức nói chung có một số vốn nào đó còn "cắm" ở Việt Nam.

Cùng với truyền thống "lá rụng về cội", cái vốn rất vật chất này cũng là một trong những nguyên nhân sự hòa nhập rất yếu của người Việt bên Đông vào xã hội Đức. Cô Jane Chang - một nhà xã hội học người Hoa Kỳ gốc Trung Quốc, sau khi tìm hiểu người Việt tại Đông Đức đã than vãn: "Quả thật là tôi rất khó chịu khi thấy người Việt các anh ở đây luôn mong muốn bình đẳng và đòi hỏi mọi quyền lợi như người Đức trong khi các anh chưa bao giờ coi đất này là quê hương của mình, các anh nguyên rửa nó và chưa bao giờ tự hỏi rằng mình có nghĩa vụ gì với nó hay không?". Khi ở Việt Nam có lũ lụt, trong vòng vài ngày, một hội đoàn Việt Nam ở Đông Berlin quyên góp ngay được vài ngàn Euro gửi về trong nước. Lúc cơn lũ thế kỷ tràn qua nước Đức, khi binh lính Đức cùng hàng chục ngàn người

tình nguyện dầm mình dưới nước đắp đê và chạy lụt cho cả những kho hàng và cửa hiệu Việt Nam thì cũng hội đoàn này, sau vài tuần suy tính đã phải khá chật vật mới quyền được một số tiền khiêm tốn, còn trong dòng người tình nguyện tham gia chống lũ, hình như chẳng thấy đâu một gương mặt Việt Nam. Tuy đã có hàng trăm người nộp đơn xin nhập quốc tịch Đức sau khi Luật nhập tịch được nới lỏng cách đây gần bốn năm, nhưng trong tiềm thức, đa số người Việt bên Đông vẫn coi nước Đức là một chốn "ăn đậu, ở nhờ", hoặc là một "khu chợ" buôn bán nhất thời. Tình trạng làm việc hết sức, nhưng ăn ở lại tạm bợ, để "áo gấm về Việt Nam" tiêu tiền như rác ("ở Tây thì sống như Ta, còn về Ta thì sống như Tây" !) vẫn còn khá phổ biến. Hệ thống bảo hiểm - một trong những cột trụ của xã hội Đức, vẫn là một điều đáng ghét đối với bà con Việt Nam luôn sợ thiệt. Do tâm thức "đóng vào thì phải lấy được ra" (và có lãi thì càng tốt), đã có người về nước ăn chơi 30 ngày vụ hè, khi sang Đức khai bị tai nạn giao thông phải nằm viện 28 ngày, kèm theo "giấy chứng nhận" dorm của bác sĩ Việt Nam nhằm mục đích đòi tiền bảo hiểm. Có người muốn cho con trai nhập tịch Đức để "mọi chuyện được thuận lợi như người Đức", nhưng phải vắt óc tìm cách "tránh cho cháu phải đi lính nghĩa vụ". Nhìn chung, người Việt bên Đông Đức vẫn coi đây là "cõi tạm", là một quãng chặng làm ăn, trong đó, người ta trông mong và phấn đấu cho mọi lợi ích có thể có, người ta gạt đẩy mọi trách nhiệm và hầu như không có sự gắn bó tình cảm. Sự này, đối với Việt Nam, chẳng biết có nên vui ?

Khác với phía Đông, mối gắn bó với trong nước của người Việt ở Tây Berlin hầu như không liên quan đến vật chất, mà chỉ mang tính tinh thần, mang cái bóng dáng của một hoài niệm cố hương. Anh A., ngày xưa vượt biển sang đây, học phổ thông, học nghề ở Đức, nay là một thợ điện lành nghề cho một công ty thành phố ; anh vẫn giữ quốc tịch Việt Nam, có vợ Việt Nam, nhưng mẹ anh đang ở Đức, mấy anh em thì người ở Đức, người ở Hoa Kỳ. Ba bốn năm một lần anh cũng "đi phép thăm Việt Nam". Quê anh ở Sài Gòn, nhưng ở đó hầu như "chẳng còn ai thân thích" nên gia đình anh thường về Hà Nội. Sau mỗi lần, anh lại cho bạn bè ở Đức xem những cuốn video anh "du lịch" Việt Nam - gần giống như những cuốn băng anh thu từ chuyến đi Las Vegas, Majorca hay đảo Zyp. Cũng có những người còn họ hàng trong nước, nhưng không còn hộ chiếu Việt Nam, "xin Visum về thăm quê cũng phải mất vài tuần để Sở quán họ xét, nên cũng ngại". Một số người vì lý do chính trị, "nếu có xin Visum cũng không được cấp", nên chẳng biết đến bao giờ mới được thấy lại quê hương. Con cháu những người này, mặc cho cha mẹ ông bà cố gắng đến đâu, cũng vẫn coi Việt Nam là một vùng xa lạ. Nói chung, lòng yêu quê hương của người Việt phía Tây mang nặng tình thâm đối với một cái đã qua, kèm theo một vài tia hy vọng. Liệu rằng sẽ có lúc, hiện tại và tương lai sẽ đón họ về Việt Nam với những nhiệt tình thừa cũ ? Có vẻ như, niềm hy vọng vẫn còn khá lớn, nên mặc dù vì những lý do khác nhau, nhưng chính ở Tây Berlin mới là nơi hay diễn ra những buổi gặp gỡ xoay quanh những vấn đề của Việt Nam, chứ không

phải bên Đông- trừ những buổi họp của Tòa Đại sứ được "đóng đô" cũng ở phía Đông. Có điều, thời gian bao giờ cũng là vô định. Với người Việt tại Tây Berlin, thời gian không ngừng xói mòn sự gắn bó và hy vọng đối với quê hương. Anh S., một chuyên viên tạo mẫu xe hơi, tâm sự : "Do tham gia một hội đoàn hải ngoại nên đã rất lâu tôi không được về nhà, nhớ lắm ! Giờ đã 55 tuổi rồi, nếu có điều kiện thì còn có thể đóng góp cho đất nước 5-7 năm nữa. Sau thời gian này, nếu có được phép, thì cũng chỉ về Việt Nam để tĩnh già, hay để thăm thú 'cuối ngựa xem hoa' thôi". Nỗi "chia lìa" chầm chậm này, ở bên Đông cũng diễn ra, nhưng với bên Tây, nó đau đớn hơn, vì ít nhiều là một sự bắt buộc khách quan.

Bức Tường Hình Trụ

Trên toàn nước Đức, tất cả những khác biệt đặc thù trên đây chỉ là bề nổi, chỉ là hiện tượng. Điều đáng nói hơn là những dị biệt ngầm sâu, dị biệt tư duy. Bê-tông cốt thép của bức tường ngăn cách Đông-Tây Berlin vỡ vụn từ 13 năm hầu như vẫn để lại nguyên vẹn sự cách chia trong suy nghĩ, trong tư tưởng giữa người Việt Đông-Tây ; và, buồn hơn cả thân phận người Đức, dân Việt mình còn bị níu kéo thêm bởi sự phân tuyến tinh thần được "di tản" từ Việt Nam qua.

Vào những ngày bức tường Berlin mới sụp, nhiều bà con bên Tây hân hoan, tận tình chào đón những người đồng hương "mới thoát cũi, sổ lồng". Thế rồi, tiếp theo vài tháng mặn nồng tình nghĩa đồng bào, là một cảm nhận thất vọng bẽ bàng. Anh B., một kỹ sư tin học ở Tây Berlin từ 1972, đã đứng liền hàng tuần lễ bên những chỗ tường đổ tìm gặp và mời về nhà mình những người bà con từ bên Đông, để sau khi tay bắt mặt mừng mới nhận thấy rằng "họ không thể nói chuyện được với nhau, nhất là những vấn đề về đất nước. Hình như, đầu óc những người bên Đông còn đặc sệt ý thức hệ cộng sản". Anh C., cựu đội trưởng một đội "hợp tác lao động", không nhận vé máy bay về Việt Nam cùng 3.000 DEM tiền nước Đức bồi thường do hủy bỏ hợp đồng, kiên quyết ở lại Berlin, sau thời gian choáng ngợp với sự huy hoàng của Tây Berlin, lại quay về ngụ tại bên Đông với một niềm tâm sự : "Dân bên đó - tức người Việt Nam ở Tây Berlin - chẳng hiểu biết gì về chúng tôi. Chuyện chính trị của họ sặc mùi phản động". Những định kiến về nhau như vậy, cho đến nay, hầu như vẫn không hề phai nhạt. Vậy cho nên mỗi khi đến Tết Nguyên Đán, rằm Trung Thu,... bà con hai bên đều phải tổ chức riêng. Ai đó "dùng cảm" đi thăm dò "phía bên kia", thường phải trải qua những kinh nghiệm không dễ chịu, để "một lần đi rồi không bao giờ quay trở lại". Thực ra, vài năm sau khi nước Đức thống nhất, đã bắt đầu có sự "giao thoa" nhân khẩu ; một số người bên Đông thuê nhà ở bên Tây, và ngược lại ; nhưng để vui vẻ, hòa đồng với bạn bè, họ bao giờ cũng tìm về chốn cũ.

Phần đa xuất thân từ miền Bắc, mang gốc gác "Xã hội chủ nghĩa", người bên Đông cảm thấy ngỡ ngàng, khó chịu khi phải đứng chào cờ vàng ba sọc của chế độ Việt Nam

Cộng Hòa thừa trước để rồi sau đó được nghe những câu "quốc hận", "nhà tù quý đỏ" trong nhiều buổi hội họp bên Tây. Phần lớn ra đi từ miền Nam, nhiều người bên Tây đã phải chịu cưỡng bách, tù đầy, đã mất đi cả một cơ nghiệp, tương lai, cả một cuộc đời nhiều người hy vọng, và đã không ít người mất cả vợ con trên đường vượt biển. Họ sẽ có cảm giác bị làm nhục khi phải vỗ tay rào rạt lúc ai đó tặng hoa cảm ơn ông đại sứ Hà Nội đã đến dự một lễ hội bên Đông. Tại đó, họ sẽ phải âm thầm choáng váng khi được nghe hát vang "Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng". Sẽ chẳng có gì là phóng đại khi thấy rằng : Người Việt tại đây chưa được chữa lành vết thương chia cắt Đông-Tây, và cũng chẳng có ai giúp họ lấp rãnh đào ngăn cách Bắc-Nam ngày trước. Vĩ tuyến 17 đã được người mình mang ra nước ngoài và vẫn lù lù một cách vô hình tại đất Berlin.

Anh C., xưa kia là đại úy "Quân đội Nhân dân Việt Nam", nay cả vợ chồng con cái đang cặm cụi trong một "Quán Tàu" nhỏ tại Đông Berlin, sau khi bị cô con gái kéo sang dự một buổi dạ hội sinh viên tại Tây Berlin, về nhà tức tối : "Đù mẹ (một câu chửi anh học được trong những ngày "chiến đấu" tại miền Nam), dạ hội gì mà chúng nó treo cờ ngụy. Ngồi cạnh tôi là một thằng trước kia là sĩ quan cộng hòa, bị cải tạo hai năm rồi di tản sang đây. Tôi bảo nó : Sao chúng mày ngoan cố thế ? Mày có biết ngồi cạnh mày là một kẻ chiến thắng không...?". Còn đối với câu hỏi : "Sao chiến thắng mà ông phải kéo cả nhà sang đây ?" thì anh đại úy lặng im, chẳng muốn nói gì. Khi được hỏi ý kiến về dự định tổ chức một buổi hội thảo về sự ngăn cách Đông-Tây của người Việt. Anh M. - kỹ sư, lãnh đạo một hiệp hội của người Việt ở Tây Berlin, trả lời dứt khoát : "Phía chúng tôi chẳng có một sự ngăn cách nào cả. Phá bỏ định kiến hoàn toàn là chuyện của bà con phía Đông !", và anh vẫn tiếp tục "rất ngại sang phía Đông", vẫn hăm hở hy sinh cả thời gian và tiền của tổ chức mít tinh vào ngày 30 tháng Tư "quốc hận", còn dân "Cộng mình" (*) phía Đông vẫn hồn nhiên tổ chức "Đêm thơ nghiệp dư nhân ngày Thương binh, Liệt sĩ", vẫn kính cẩn mời "Sứ quán nhà mình" đến nói lời ca ngợi "công ơn Đảng ta và Bác Hồ vĩ đại".

Một người bên Đông, tham gia vào một tổ chức đòi "Dân chủ cho Việt Nam", khi hỏi lý do không được Sứ quán Việt Nam cấp thị thực về thăm nhà, nhận được trả lời : "Vì cậu đã đứng hẳn vào chiến tuyến bên kia...". Đất Việt hết đạn bom đã được 28 năm, bức tường Berlin đã không còn từ 13 năm, mà chiến tuyến vẫn còn trong đầu quá nhiều người Việt tại Berlin. Bên này "chiến tuyến" có những cửa hàng sách báo tràn ngập *An Ninh Thế Giới* hay *Văn Nghệ Quân Đội*, bên kia "chiến tuyến" có những buổi hội thảo "Dân chủ, Nhân quyền" và những tạp chí chính trị phát không hai, ba tháng một lần. Nhìn kỹ, sự phân chia "chiến tuyến" còn phức tạp hơn nhiều ; ở bên này, có không ít người bị chính quyền trong nước liệt vào hàng "phản bội", mang "âm mưu chống phá thành quả cách mạng" ; ở bên kia, có nhiều người bị nguyền rủa "ăn cơm Quốc gia, thờ ma Cộng sản". Xem ra, chiếc bánh chưng Việt Nam vẫn

Thành công Thế kỷ 21

Dự án chính trị dân chủ đa nguyên 2001

của

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên

Tài liệu này là một dự án xã hội, một lập trường dựng nước, một chương trình hành động và là một lời kêu gọi. Nó cũng chứa đựng một giấc mơ Việt Nam mà trên thêm thế kỷ 21 Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên muốn chia sẻ với đồng bào trong và ngoài nước.

"Nước Việt Nam sẽ là một nước lớn."

"Làm người Việt Nam trong thế kỷ 20 đã là một điều bất hạnh thì làm người Việt Nam trong thế kỷ 21 sẽ phải là một niềm vui, một may mắn và một nguồn hạnh diện."

"Thế giới đã biết đến Việt Nam như là nạn nhân của hận thù và chia rẽ, của ách độc quyền lễ phải thì thế giới sẽ phải biết đến Việt Nam sau này như là vùng đất của sự bao dung, như là một mẫu mực thành công của tinh anh em tìm lại, của sự hồi sinh từ hoang tàn và đổ nát".

Tài liệu dày 143 trang, bìa màu.

Giá bán (đã tính cước phí bưu điện) tại Châu Âu :
10 EUR, Mỹ : 12 USD, Úc : 15 AUD.

Chi phiếu xin đề : **Vietnam Fraternité** và gửi về
tòa soạn : Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau,
77600 Bussy-Saint-Georges - France.

được coi là nhân nghĩa ngày xưa, nay không phải chỉ bị xé dọc làm đôi, mà là bị phân chia nát bằng vô số những bức tường vô hình nhưng có đầy uy lực.

Lỗ Tấn - văn hào Trung Hoa -, từng nói : "Ngày xưa làm gì có đường. Người ta đi mãi thì thành đường thôi". Nay xin nhại lời ông : "Nước Việt ta làm gì có tường. Người ta xây mãi thì thành tường thôi". Ở nước Đức, có câu chuyện cười : Một người say rượu bí tỷ, mất nhắm mắt mở loạng quạng trên đường phố tìm đường về nhà. Đang lúc mò mẫm, người này đụng phải một cột trụ bê tông tròn và lớn được dùng để dán quảng cáo. Mất nhắm tịt, tay lần theo mặt bê tông mà anh ta tưởng là mặt một bức tường. Lần hàng chục vòng quanh cột, thấy "bức tường" vô tận, anh ta gào lên hoảng loạn : "Trời ơi ! Cứu tôi với ! Họ giam kín tôi rồi !". Men rượu say sẽ loạng dầm để anh ta mở mắt nhận ra "bức tường" hình trụ. Còn cái cơn "say chính mình", liệu đến lúc nào tan ?

Phạm Việt Vinh (Berlin 10-2003)
(trích **Talawas Forum**)

(*) Trước đây, người Đông Đức thường gọi người Việt Nam là "Vietcong" (Việt cộng - do ảnh hưởng của các thông tin phương Tây thời chiến tranh). Dần dần, người Việt tại phía Đông thuận miệng tự gọi nhau là "Cộng", "Dân Cộng mình" một cách hồn nhiên và cũng chẳng cần biết chữ "Cộng" kia xuất thân từ "Cộng sản".

Con Đường Tri Thức Của Tôi

Isaiah Berlin

(tiếp theo và hết)

(© 1998, The Isaiah Berlin Literary Trust and Henry Hardy)

Đa nguyên luận

Tôi đi đến kết luận rằng có sự đa dạng của những lý tưởng, cũng như có sự đa dạng của những nền văn hoá và những tính khí. Tôi không phải là người theo tương đối luận. Tôi không nói “Tôi thích cà-phê có sữa và anh thích cà-phê không sữa hay tôi đề cao tính hoà nhã và anh ưa thích những trại tập trung”. Mỗi chúng ta có những giá trị riêng, mà chúng ta không thể nào ức chế hoặc sát nhập. Tôi tin rằng điều này sai. Nhưng tôi tin rằng có sự đa dạng của những giá trị mà con người có thể tìm đến và mong tìm đến. Và những giá trị này khác biệt nhau. Những giá trị này không có hằng hà sa số: con số những giá trị nhân bản, những giá trị mà tôi có thể theo đuổi và đồng thời tôi vẫn giữ sắc thái nhân bản của tôi, đặc tính nhân bản của tôi, chỉ có giới hạn – cho nó là 74, hay có thể là 122, hay 26, nhưng có hạn, cho dù nó là số gì đi nữa. Và điều khác biệt là nếu một người theo đuổi một trong những giá trị đó, trong khi tôi, tôi không theo đuổi, tôi vẫn có thể hiểu tại sao người này theo đuổi nó và sự thể sau này sẽ ra sao, đối với người này, khi bị lôi cuốn phải theo đuổi giá trị này. Do đó khả năng hiểu biết giữa con người được thể hiện.

Tôi nghĩ rằng những giá trị này có tính khách quan – có nghĩa là bản chất những giá trị này, việc theo đuổi những giá trị này là thành tố cấu tạo nên con người. Và đây là một định đề khách quan. Đàn ông là đàn ông, đàn bà là đàn bà đó là sự kiện. Và chó, mèo, bàn hay ghế không phải là sự kiện khách quan. Và thành tố của sự kiện khách quan này là sự hiện hữu của một số giá trị. Và con người, vẫn luôn lưu giữ nhân tính của mình, có thể theo đuổi chỉ duy những giá trị này thôi. Nếu tôi là một người đàn ông hoặc là một người đàn bà với trí tưởng tượng khá phong phú (và lẽ cố nhiên tôi cần điều này), tôi có thể hoà nhập vào trong một hệ thống giá trị không nằm trong phạm vi giá trị của cá nhân tôi. Nhưng tôi nhận thức được sự việc những người khác theo đuổi những giá trị đó, vì họ vẫn là con người, vì họ vẫn là những sinh vật mà tôi có thể liên lạc, mà tôi chia sẻ một số giá trị chung. Vì đã là người thì phải có một số giá trị chung nếu không họ không còn là người nữa, và đồng thời cũng có một số giá trị khác biệt, bằng không họ không còn khác biệt, và trên thực tế họ khác biệt.

Chính vì vậy đa nguyên luận không phải là tương đối luận - những giá trị đa dạng là khách quan, nó thuộc thành tố cơ bản của nhân loại hơn là những sáng chế tùy tiện phát xuất từ óc tưởng tượng viển vông của con người. Tuy nhiên, lẽ cố nhiên, nếu tôi theo đuổi một hệ thống giá trị nào đó tôi có thể ghét bỏ một hệ thống khác. Và tôi có thể nghĩ rằng hệ thống này gây tổn hại cho mô hình duy nhất của cuộc sống mà tôi đang an hưởng hoặc chấp nhận cho chính bản thân tôi và cho người khác. Có trường hợp tôi có

thể tấn công nó, tôi cũng có thể - trong những trường hợp cùng cực - phải khai chiến với nó. Nhưng tôi vẫn nhận biết đó là mục tiêu của con người. Tôi nhận thấy những giá trị của Quốc Xã đáng ghét. Nhưng tôi có thể hiểu vì sao: bị nhồi nhét bởi những thông tin sai lạc, tin theo những xác tín sai lầm về thực tế, một người có thể tin tưởng rằng những giá trị này là con đường cứu thoát duy nhất. Lẽ cố nhiên chúng ta phải đánh đổ chúng, bằng chiến tranh nếu cần. Nhưng tôi không xem những người theo Quốc Xã, như nhiều người vẫn làm, có căn cơ bệnh hoạn hay điên khùng. Tôi chỉ nhận định là họ sai lầm nguy hiểm, hoàn toàn lệch lạc về những sự kiện. Ví dụ như họ tin rằng một số thể nhân là hạ đẳng, rằng chủng tộc là quan trọng, rằng chỉ có giống Bắc Âu là thực sự có đầu óc sáng tạo, và vân vân. Tôi hiểu vì sao con người, với lối giáo dục lầm lẫn, đầu óc mang đầy ảo tưởng và sai lầm, có thể, mặc dù vẫn mang bản tính con người, tin tưởng những điều này và phạm những tội ác mà không ngôn ngữ nào tả xiết.

Nếu đa nguyên là một quan điểm có giá trị - và sự tôn trọng giữa những hệ thống giá trị không hẳn là đối nghịch với nhau nếu có thể thực hiện được - thì tinh thần bao dung và những hệ quả tự do xuất hiện theo sau. Điều này không được thể hiện qua nhất nguyên luận (chỉ có một hệ thống giá trị duy nhất là chân thực, tất cả những giá trị khác đều sai lầm) hoặc là qua tương đối luận (những giá trị của tôi thuộc về tôi, những giá trị của anh thuộc về anh, và nếu chúng ta đụng độ, không may, cả hai chúng ta chẳng ai đúng cả). Tinh thần chính trị đa nguyên của tôi là kết quả nhờ đọc ông Vico và ông Herder, và nhờ hiểu biết cội nguồn của học thuyết Lãng Mạn - qua sắc thái bạo động và bệnh hoạn của nó, nó đã đi quá mức chịu đựng của con người.

Đối với chủ nghĩa quốc gia cũng vậy: tinh thần nhập thuộc vào một quốc gia đối với tôi là một điều tự nhiên và về cơ bản chẳng có gì để lên án hoặc là đáng chỉ trích. Nhưng trong trạng thái nóng bỏng của nó - quốc gia của tôi tốt hơn quốc gia của anh, tôi biết cách uốn nắn thế giới ra sao và anh phải phục tùng vì anh không biết cách, vì anh thấp hèn hơn tôi, vì quốc gia của tôi là nhất và quốc gia của anh thua xa quốc gia của tôi và phải cúng hiến vật liệu cho quốc gia tôi, vì quốc gia tôi là quốc gia duy nhất có chính danh để tạo dựng nên một thế giới toàn hảo - thì là một hình thái cực đoan bệnh hoạn có thể dẫn đến, và đã dẫn đến những cảnh hãi hùng không thể tưởng tượng nổi, và hoàn toàn không phù hợp với hình thái đa nguyên mà tôi đã cố gắng mô tả.

Cũng nên chú ý rằng, một cách ngẫu nhiên, có một số những giá trị mà chúng ta ngày nay trên thế giới chấp nhận có lẽ đã được tạo dựng bởi học phái Lãng Mạn vì trước đó thế giới không hề có: ví dụ, ý niệm đa dạng là một điều

đáng quý, ý niệm một xã hội trong đó nhiều ý kiến được tôn trọng, và những ý kiến khác biệt được tôn trọng này bao dung lẫn nhau - xã hội này tốt hơn là một xã hội nhất khối trong đó một tư tưởng duy nhất gắn liền mọi người với nhau. Không một ai trước thế kỷ thứ mười tám có thể chấp nhận điều này. Chân lý là duy nhất và ý niệm đa dạng khác nghịch với nó. Thêm nữa, ý niệm về lòng thành tín, được xem như một giá trị, cũng là một điều mới lạ. Trở thành người hy sinh chết cho chân lý mà chỉ cho chân lý mà thôi luôn luôn là một điều chính đáng. Tín đồ Hồi Giáo, chết cho Islam, hóa ra là những sinh vật kém cỏi, điên khùng, sai lầm vì đã chết cho một điều vô nghĩa lý; và đối với tín đồ Công Giáo, cả những tín hữu Tin Lành và người Do thái và những người lương cũng như vậy cả. Sự kiện họ giữ vững niềm tin của họ một cách thành tín không làm cho họ khá hơn lên bởi vì điều quan trọng là có tính chính đáng. Khi khám phá ra chân lý - như trong mọi nẻo đường của cuộc sống - rằng thành quả là điều quan trọng nhưng không phải là động lực. Nếu có một người nào đó nói với quý vị rằng anh ta tin rằng hai với hai là mười bảy, và một người khác nói: "Quý vị biết không, hấn nói như vậy không phải để gây phiền hà với quý vị đâu, hấn nói như vậy không phải vì hấn muốn khoe khoang hoặc vì hấn đã bị mua chuộc để nói điều ấy mà là do hấn tin tưởng thực sự như vậy, hấn là người thành tâm tin tưởng", và quý vị sẽ nói: "Dữ kiện này không làm cho vấn đề sáng tỏ hơn, hấn nói điều vô nghĩa lý". Đó là điều mà các tín hữu Tin Lành đang làm, dưới nhãn quan của tín hữu Công giáo, và ngược lại. Càng thành tâm bao nhiêu thì càng nguy hiểm bấy nhiêu. Không ai chú ý đến ý niệm thành tâm cho đến khi lan tràn rộng khắp ý niệm cho rằng có hơn một giải đáp cho một câu hỏi - đó là đa nguyên. Và điều này dẫn đến việc đặt giá trị trên căn bản động lực hơn là hệ quả, trên lòng thành tâm hơn là thành quả.

Kẻ thù của đa nguyên là nhất nguyên. Tinh thần xác tín cổ xưa cho rằng chỉ có một sự hài hoà duy nhất về những chân lý. Đó là nơi mà mọi sự - nếu nó thật sự chân chính - cuối cùng rồi cũng đồng quy về một mối. Hệ quả của tinh thần này (khác biệt với, nhưng liên quan tới điều mà Karl Popper gọi là thiết yếu luận - đối với ông đó là căn nguyên của mọi tệ hại) đưa đến việc kẻ nào hiểu biết điều khiến kẻ không hiểu biết. Kẻ nào có lời giải đáp cho một số vấn đề lớn của nhân loại phải được mọi người thuận phục. Vì chỉ có họ mới biết tổ chức xã hội như thế nào, biết đời sống cá nhân phải sống ra sao, biết văn hoá phải được phát triển ra sao. Đây là lòng tin cổ xưa kiểu Plato, đặt lòng tin vào các vị vua triết học, vì họ có chính danh để ra lệnh cho kẻ khác. Đã luôn có những nhà tư tưởng nhất quyết cho rằng nếu chỉ có các khoa học gia, hay là những người được huấn luyện trong tinh thần khoa học, mới được đảm nhiệm trách vụ cai quản mọi sự thì thế giới có lẽ sẽ tốt đẹp hơn nhiều. Để trả lời xác quyết này, tôi phải lên tiếng rằng không có một luận cứ bào chữa nào, hay không có một lý do nào, có thể được viện dẫn để cho phép một thành phần ưu tú có quyền lực độc đoán vô hạn để cướp những quyền tự do căn bản của đa số.

Có một người đã có lần nhận xét rằng thuở xa xưa đàn ông và đàn bà được đem đi tế cho một số các thần linh, còn thời buổi tân thời những thần tượng mới là "-isms" (chủ nghĩa) đã thay thế cho họ. Gây đau đớn, giết chóc, tra tấn nói chung đều bị lên án một cách xác đáng. Nhưng nếu những điều này được thực hiện không vì lợi ích của cá nhân tôi nhưng vì một chủ nghĩa (ism) - chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa quốc gia, chủ nghĩa phát-xít, chủ nghĩa cộng sản, tín ngưỡng tôn giáo tuân theo một cách si cuồng, hoặc nhân danh tiến bộ, hoặc là để hoàn tất những định luật của lịch sử - thì lại là chính đáng. Phần đông những nhà cách mạng tin rằng để xây dựng một thế giới lý tưởng xứng cần phải đập vỡ. Chắc chắn trứng đã bị đập vỡ - chưa bao giờ tàn bạo và ở khắp mọi nơi như thời đại chúng ta - nhưng chả trứng còn lâu mới tìm thấy và nó lù lũi mãi vào khoảng không gian bất tận. Đây là một trong những hệ luận của chủ nghĩa nhất nguyên vô cương hăm, như tôi đặt tên cho nó - một vài người gọi đó là óc cuồng tín. Bởi vậy chủ nghĩa nhất nguyên là cội nguồn của mọi thứ cực đoan.

Tự do

Tự do chính trị là một đề tài mà tôi đã tận tâm biên khảo hai bài tham luận trong những thập niên 1950. Bài thứ nhì, tựa đề "*Two Concept of Liberty*" (Hai Ý Niệm Về Tự Do) (1) đã khai mạc Giáo Đàn của tôi tại Oxford, và luận điểm chính là phân biệt giữa hai ý niệm tự do (lời dịch giả: nơi đây tác giả giải thích việc sử dụng chữ *freedom* và *liberty* có cùng một ý và hoán chuyển cho nhau) tiêu cực và tích cực. Nói đến tự do tiêu cực là tôi muốn nói đến sự thiếu vắng của những chướng ngại vật ngăn cản hành động của con người. Ngoài những chướng ngại vật do thế giới bên ngoài tạo nên, hoặc do những định luật của sinh vật học, sinh lý học, tâm lý học điều khiển con người thì đó là sự thiếu vắng tự do chính trị - đề tài trọng tâm của bài tham luận của tôi. Ở đây những chướng ngại là do con người tạo nên, cho dù là cố ý hoặc là không cố ý. Phạm vi của tự do tiêu cực tùy thuộc vào mức độ thiếu vắng của những chướng ngại do con người tạo nên - tùy theo mức độ mà tôi được tự do đi theo một con đường này hay con đường kia mà không bị ngăn chặn bởi những định chế hoặc những kỷ luật do con người tạo nên, hoặc bởi những hoạt động của một nhóm người đặc thù.

Nói rằng tự do tiêu cực chỉ giản dị có nghĩa là tôi muốn làm gì tôi làm thì chưa đủ. Vì trong trường hợp này tôi tự giải thoát khỏi những chướng ngại để thỏa mãn những ước vọng của tôi bằng cách theo các vị tiên hiền nhẩn nhục chịu đựng (Stoics) và diệt dục. Nhưng con đường này, con đường đi đến diệt dục tiệm tiến có thể gặp những trở ngại, cuối cùng lần hồi sẽ tước đoạt những sinh hoạt cơ bản và sống động của con người. Nói cách khác, những con người hoàn toàn tự do là những người con người đã chết, vì họ không còn dục vọng nên họ không gặp chướng ngại. Điều mà tôi tư duy khác hơn, thật ra, chỉ đơn giản là số lượng đường hưởng mà trên đó con người có thể bước đi, cho dù y có chọn lựa bước theo hay không. Đó là một trong hai ý nghĩa căn bản đầu tiên về tự do chính trị.

Có một vài người chống lại quan điểm của tôi, vẫn cho rằng tự do phải có một mối tương quan ba chiều. Tôi có thể vượt qua hoặc tháo gỡ hoặc không bị ngăn cản bởi những chướng ngại chỉ vì mục đích muốn thực hiện những hành động hay một hành động nào đó. Nhưng tôi không thể chấp nhận điều này. Thiếu tự do trong ý nghĩa căn bản của nó là việc chúng ta giam hãm con người trong tù hoặc là trói cột con người vào cây. Tất cả những gì mà người này mong ước là bẻ gãy xích xiềng, vượt thoát xà-lim. Nhưng người này không nhất thiết tìm kiếm một mục đích để thực hiện một hành động đặc biệt nào đó, một khi người này được tự do. Trong một phạm vi ý nghĩa rộng lớn hơn, đương nhiên, tự do có nghĩa là tự do thoát khỏi những lề luật của một xã hội hoặc những định chế của nó, thoát khỏi sự kềm tỏa của mãnh lực đạo đức hoặc vũ lực thể chất thái quá, hoặc thoát khỏi tất cả những gì ngăn trở những khả năng hành động, lý ra không bị ngăn trở. Điều này tôi gọi là "tự do thoát khỏi".

Đề tài thứ hai của ý nghĩa tự do là tự do để. Đề tài tự do tiêu cực của tôi được minh định qua câu trả lời của câu hỏi "Tôi bị kiểm soát ở mức độ nào?". Câu hỏi cho ý nghĩa thứ hai của tự do là "Ai kiểm soát tôi?". Khi chúng ta bàn đến những chướng ngại do con người tạo nên, tôi có thể tự đặt những câu hỏi "Ai quyết định hành động của tôi, cuộc sống của tôi? Tôi hành động như vậy, một cách tự do, bất kể phương hướng tôi chọn? Hay là tôi nhận lệnh từ một trung tâm kiểm soát khác? Có phải những hoạt động của tôi được quyết định bởi các bậc cha mẹ, các thầy cô giáo, các vị linh mục, các cảnh sát viên? Có phải tôi chịu sự điều khiển của một hệ thống lề luật, của một trật tự tư bản, của một chủ nô, của một chính quyền (quân chủ, thiếu số cai trị, dân chủ)? Trong phạm vi nào tôi là chủ của vận mạng tôi? Những khả năng hành động của tôi có thể bị giới hạn, nhưng bị giới hạn ra sao? Ai ngăn cản con đường tôi đi, bao nhiêu quyền lực họ có thể phô trương?".

Đây là hai ý nghĩa trọng tâm của "tự do" mà tôi chú tâm tâm cứu. Tôi nhận thức được rằng hai điều này khác nhau, rằng có những giải đáp cho hai câu hỏi khác biệt này. Tuy nhiên, vì chúng cùng một gốc, theo quan điểm của tôi chúng không xung phá lẫn nhau - lời giải đáp cho câu hỏi này không nhất thiết quy định lời giải đáp cho câu hỏi kia. Cả hai thứ tự do đều là mục tiêu tối hậu của loài người. Và cả hai cần được giới hạn vì cả hai ý niệm đã bị lệch hướng trong quá trình lịch sử của nhân loại. Tự do tiêu cực có thể được diễn giải qua việc thả lỏng kinh tế. Dựa vào đó, nhân danh tự do, các chủ nhân được phép tiêu hủy mạng sống của những thiếu niên trong hầm mỏ. Hoặc chủ nhân xí nghiệp phá hủy sức khỏe và tâm tính của những công nhân trong công xưởng. Nhưng theo quan điểm của tôi đó là một sự thoái hoá và đó không phải là những gì mà ý niệm cơ bản tự do yêu cầu nơi con người. Cũng có người nói rằng, thật là mỉa mai khi ta thông báo cho một người nghèo rằng anh ta hoàn toàn tự do thuê một căn phòng trong một khách sạn đắt tiền, mặc dù anh ta không đủ khả năng để trả số tiền đó. Nhưng đây cũng là một sự lầm lẫn. Anh ta có tự do để thuê một căn phòng tại đó.

Nhưng anh ta không có đủ phương tiện để sử dụng tự do của mình. Anh ta không có đủ phương tiện có lẽ vì anh ta bị ngăn cản không thể kiếm ra nhiều hơn vì một hệ thống kinh tế do con người tạo dựng. Nhưng đó là việc thu hồi tự do để kiếm tiền, chứ không phải là thu hồi tự do thuê phòng. Điều này có vẻ như là một sự phân biệt có tính cách trí giả, nhưng đây là trọng tâm của những cuộc thảo luận về tự do kinh tế và tự do chính trị.

Ý niệm về tự do tích cực đã dẫn đến trong lịch sử những lệch lạc vô cùng kinh hãi. Ai chỉ huy đời tôi? Tôi chỉ huy. Cá nhân tôi? Ngu muội, lầm lẫn, thúc đẩy lúc này lúc nọ bởi những đam mê và những động lực bộc phát không được kìm hãm - như vậy phải chăng phạm vi cá nhân tôi chỉ có bấy nhiêu đó thôi? Có thể nào trong phạm vi cá nhân của tôi hiện diện một bản thể cao hơn, duy lý hơn, tự do hơn, có khả năng hiểu biết và khống chế những đam mê, sự ngu muội và những khuyết điểm khác, mà tôi chỉ có thể đạt đến qua tiến trình giáo dục và hiểu biết, một tiến trình chỉ được quản lý bởi những ai khôn ngoan hơn cá nhân tôi, bởi những ai dạy bảo cho tôi hiểu biết được bản ngã đích xác, "đích thực", thâm sâu nhất của tôi, và con người của tôi ra sao khi tôi đạt đến được mức toàn hảo của tôi? Đây là một quan điểm siêu hình khá nổi tiếng, theo đó tôi chỉ thực sự được tự do và được tự quyết khi tôi thực sự có tinh thần thuần lý - một xác tín thuộc về thời Plato. Và vì có thể chính bản thân tôi không có đủ tinh thần thuần lý nên tôi phải tuân theo những ai có óc thuần lý. Và nhờ óc thuần lý đó những người này biết rõ điều gì tốt nhất không những cho chính bản thân họ mà cho cả bản thân tôi nữa. Và họ có thể hướng dẫn tôi theo con đường đi đến khai thức bản ngã chân thực của tôi và giao trọng trách cho nó, nơi mà nó thực sự thuộc nhập. Tôi có thể cảm thấy bị vây hãm - thực sự bị đè bẹp - bởi những quyền thế này. Nhưng đây chỉ là ảo giác mà thôi. Khi tôi lớn lên và đạt được mức độ trưởng thành đầy đủ, đạt đến "bản ngã" chân thực của tôi, tôi sẽ hiểu rằng tôi sẽ hành động cho bản thân tôi đúng như những gì họ đã làm cho tôi, nếu như tôi khôn ngoan như họ bây giờ mà bản thân tôi vẫn còn trong trạng thái thấp hèn.

Nói tóm lại, họ hành động thay mặt cho tôi, vì quyền lợi của bản ngã cao thượng của tôi, bằng cách kiểm soát bản ngã thấp hèn của tôi. Nhờ vậy tự do đích thực của bản ngã thấp kém được thể hiện qua việc tuân phục hoàn toàn những bậc hiền giả, những vị hiểu biết chân lý, những thành phần ưu tú của các đảng tiên hiền. Hoặc là tôi phải tuân phục những ai hiểu biết định mệnh của nhân loại ra sao - và nếu Marx lý luận đúng - thì đó là Đảng (chỉ có Đảng mới nắm vững những nhu cầu của những mục tiêu thuần lý của lịch sử) mới có thể uốn nắn và hướng dẫn tôi, cho dù bản ngã thực nghiệm nghèo nàn của tôi mong ước đi con đường nào đi nữa. Và chính bản thể của Đảng cũng phải được hướng dẫn bởi những cấp lãnh đạo sáng suốt. Và sau cùng bởi một người lãnh đạo vĩ đại nhất và khôn ngoan nhất.

Không có một lãnh tụ độc tài nào trên thế giới mà không áp dụng phương pháp luận lý này để biện minh cho việc đàn áp tôi bại nhất. Nhân danh một bản thể lý tưởng

mà vị lãnh tụ này, để tìm cách thực hiện cho có hiệu quả, đã sử dụng những phương tiện có thể một phần nào tàn bạo và mới thoát nhìn (*prima facie*) đã thấy ghê tởm về mặt đạo đức (*prima facie* chỉ áp dụng cho bản ngã thực nghiệm thấp hèn). Người "kỹ sư của tâm hồn con người" - để sử dụng câu của Stalin (2) - hiểu biết rõ ràng nhất. Kỹ sư này thực hiện những điều anh muốn thực hiện không chỉ đơn thuần nhằm mục đích tận dụng hết khả năng của mình cho nước nhà mà còn hành động nhân danh cả quốc gia, nhân danh những gì mà quốc gia sẽ hành động cho chính bản thể quốc gia nếu quốc gia đạt đến trình độ hiểu biết lịch sử này. Đây là một biến thái lệch lạc to lớn mà ý niệm tự do tích cực đã dẫn đưa đến. Dù phát xuất từ một lãnh tụ Mác-xít, từ một vị vua, từ một tên độc tài phát-xít, từ các bậc thầy của một Giáo Hội chuyên quyền hoặc của một giai cấp hoặc của một quốc gia độc đoán, chế độ chuyên chế này tìm kiếm nơi con người cái bản ngã "chân thực" bị giam hãm để "giải phóng" nó, nhờ đó bản ngã này có thể đạt đến trình độ của những vị ban phát lệnh.

Điều này đưa chúng ta trở ngược lại ý niệm ngây ngô cho rằng chỉ có một lời giải đáp chân thực duy nhất cho mọi câu hỏi. Nếu tôi biết câu giải đáp chân thực và anh không biết, không đồng ý với tôi, chỉ vì anh ngu muội. Nếu anh biết được chân lý, anh nhất thiết phải tin những gì tôi tin. Nếu anh tìm cách không tuân lệnh của tôi, điều này chứng tỏ là anh sai lầm, tại vì chân lý đã không được mặc khải cho anh như đã được mặc khải cho tôi.

Điều này biện minh cho một số những hình thái đàn áp và nô lệ hoá hãi hùng nhất của lịch sử nhân loại. Và quả thật đây là một lối diễn giải ý niệm tự do tích cực nguy hiểm nhất và, đặc biệt ở thế kỷ chúng ta, thô bạo nhất.

Tất yếu luận

Một bài tham luận khác của tôi về tự do tựa đề là "Tính bất khả đào thoát của lịch sử". Trong bài này tôi minh định rằng tất yếu học thuyết là một chủ thuyết đã được các triết gia chấp nhận một cách vô cùng phổ cập trong hàng mấy trăm năm. Tất yếu học thuyết xác định rằng mọi biến cố đều có nguyên do. Do đó biến cố không thể tránh thoát được và thế nào cũng xảy ra. Đây là nền tảng của khoa học vạn vật. Định luật của thiên nhiên và những ứng dụng của nó - toàn bộ khoa học thiên nhiên - đặt nền tảng trên ý niệm một trật tự hằng cửu mà khoa học đang tìm tòi. Nhưng nếu như tất cả những phần còn lại của thiên nhiên bị chi phối bởi những định luật này, con người đơn phương có thể nào thoát khỏi? Khi một người, như mọi người bình thường (nhưng không hẳn như phần đông các khoa học gia và triết gia), cho rằng khi y đứng dậy từ chiếc ghế, y không tự động làm như vậy. Y làm như vậy vì y đã lựa chọn làm như vậy. Nhưng thực ra y không cần phải lựa chọn. Khi y nói lên điều này, y được cho biết đó là một ảo tưởng. Và mặc dù công trình cần thiết của các nhà phân tâm học chưa được hoàn tất nhưng một ngày nào đó sẽ được hoàn tất (hoặc giả trên nguyên tắc bằng mọi giá có thể được hoàn tất). Và nhờ đó y sẽ biết những gì biểu hiện nên con người y và những gì y làm. Tất cả tất yếu đều phải là như vậy,

và không thể khác được. Tôi nghĩ học thuyết này sai, nhưng trong bài tham luận này tôi không tìm cách chứng minh điều này hoặc phủ định tất yếu luận. Thật ra, tôi không chắc điều này có thể chứng minh hay phủ định được. Mối ưu tư của tôi là việc tự đặt hai câu hỏi. Tại sao các triết gia và một số người khác nghĩ rằng con người hoàn toàn tuân theo định luật? Và, nếu họ tuân theo, điều này có tương hợp với cảm tính luân lý và phong cách bình thường như mọi người thường hiểu?

Luận đề của tôi có hai lý do chính hỗ trợ cho chủ thuyết tất yếu luận áp dụng cho con người. Lý do đầu tiên là, từ khi khoa học vạn vật - có lẽ là một thành quả lớn nhất trong lịch sử của nhân loại - có vẻ phi lý khi cho rằng chỉ có con người không lệ thuộc những định luật của thiên nhiên đã được các khoa học gia khám phá. (Điều mà các triết gia thế kỷ thứ 18 thực sự xác quyết). Lẽ cố nhiên câu hỏi đặt ra ở đây không phải là con người có hoàn toàn vượt ra khỏi những định luật này hay không. Không một ai ngoại trừ người điên minh xác là con người không lệ thuộc vào cơ cấu sinh lý và tâm lý, vào môi trường hay những định luật của thiên nhiên. Câu hỏi độc nhất là: Có phải vì lý do đó mà tự do con người hoàn toàn tiêu tan? Có một góc cạnh nào đó cho phép con người có thể hành động theo sở thích của mình và không bị ép buộc lựa chọn bởi những nguyên do trước đó? Đây có thể là một góc cạnh rất nhỏ bé trong quang cảnh bao trùm của thiên nhiên. Nhưng trừ phi góc cạnh đó hiện hữu, ý thức của con người về tự do của mình, lẽ đương nhiên phổ cập hoàn vũ - sự kiện đa số con người tin rằng có một số hành động tuân theo ý chí tự do của họ mặc dù một vài hành động của họ có tính cách máy móc - là một ảo giác to lớn, kể từ thuở nhân loại hiện diện trên mặt đất, từ khi ông A-dong ăn trái táo, mặc dù là được dặn không được làm như vậy và không trả lời rằng "Tôi không thể cưỡng được, tôi không làm điều đó một cách tự do vì Eva đã ép buộc tôi phải làm điều đó".

Lý do thứ hai hỗ trợ cho tinh thần xác tín về tất yếu luận là việc cho rằng một số lớn hành vi con người làm là do những nguyên cớ không tùy thuộc cá nhân con người, và vì vậy khiến cho họ có cảm tưởng họ không đáng khiển trách trong công việc họ làm. Khi tôi phạm một lỗi lầm, hoặc phạm một điều sai trái hay một tội ác, hoặc tôi làm bất cứ điều gì mà tôi nhìn nhận và những người khác nhìn nhận là sai quấy hay bất hạnh, tôi có thể nói: "Làm sao tôi có thể tránh được điều ấy? Vì tôi đã được nuôi nấng dạy bảo theo con đường đó" hoặc "Đó là bản chất của tôi, điều mà định luật thiên nhiên có trách nhiệm" hoặc "Tôi tùy thuộc vào một xã hội, vào một giai cấp, vào một Giáo Hội, vào một quốc gia, trong đó mọi người đều làm như vậy và chẳng có ai lên án điều này cả" hoặc "Tâm lý của tôi đã được nhào nặn theo chiều hướng hành xử của cha mẹ tôi đối với nhau và đối với tôi và được đào luyện theo những trạng huống kinh tế và xã hội nơi mà tôi bị đặt vào hay bị ép vào, và tôi không có khả năng lựa chọn để hành động một cách khác" hoặc, cuối cùng, "Tôi theo lệnh".

Đối nghịch với điều này, một số đông cho rằng mọi cá nhân đều có ít nhất hai lựa chọn mà đương sự có thể làm

được, hai đường hướng mà đương sự có thể thực hiện được. Khi Eichmann nói "Tôi giết dân Do-thái vì tôi nhận lệnh giết. Nếu tôi không làm điều này, chính bản thân tôi sẽ bị giết", người ta có thể đáp lại rằng "Tôi hiểu là việc lựa chọn để bị giết rất khó với ông, nhưng trên nguyên tắc ông có thể lựa chọn điều này nếu ông quyết định chọn nó. Không có một cưỡng bách rõ rệt nào, theo như thiên nhiên vốn có, khiến ông phải hành động như ông đã hành động". Quý vị có thể nói rằng thật là vô lý khi mong chờ thiên hạ phải hành xử theo cách chọn những hiểm nguy to lớn cho mình. Như vậy, mặc dù trường hợp họ quyết định hành động như thế khó có thể xảy ra, nhưng trên bình diện thuần túy ngôn từ, họ có thể lựa chọn hành động như vậy. Việc hy sinh tử đạo không có ai trông chờ - nhưng nó có thể được chấp nhận - và không có ai mong đợi nên chính vì vậy, ai cũng khâm phục hành động này.

Quả là có nhiều lý do để con người lựa chọn và tiếp nhận tất yếu luận trong lịch sử. Nhưng nếu con người tiếp nhận ý niệm này, thì một hệ quả luận lý nan giải sẽ tiếp diễn, để chỉ đưa đến một mẩu cuối cùng không thể nào khác hơn. Điều này có nghĩa là chúng ta không thể nói với bất cứ một ai - dựa trên lý đoán là đương sự có thể tự chế, hoặc là làm một điều gì khác - câu : "Anh có bị ép buộc phải làm điều đó không ? Tại sao anh phải làm như vậy ? Toàn bộ luân lý thường thức của chúng ta, nơi chúng ta nói về nhiệm vụ và bổn phận, điều phải và điều quấy, lời tán dương hay lời khiển trách về mặt đạo đức - phương cách mà con người được tán dương hay bị lên án, được tưởng thưởng hay bị trừng phạt, vì đã hành xử theo đường hướng mà họ không bị ép buộc hành xử như vậy, trong khi họ có thể hành xử một cách khác - tất cả hệ thống xác tín và ứng dụng này mà trên đó, theo thiện nghĩ của tôi, tất cả luân lý thường thức được đặt căn bản, hàm chứa ý niệm trách nhiệm. Và trách nhiệm dẫn đến khả năng lựa chọn giữa đen và trắng, đúng và sai, thú vui và bổn phận. Cũng như, trên một phạm vi rộng rãi hơn, sự lựa chọn giữa những hình thức sinh sống, những hình thức chính quyền, và hằng hà sa số những giá trị đạo đức mà đại đa số con người, cho dù cho họ có ý thức hay không ý thức điều này, đều áp dụng như vậy trong cuộc sống thực tại.

Nếu tất yếu luận được chấp nhận, ngữ vựng của chúng ta cần phải thay đổi một cách toàn diện. Tôi không nói rằng điều này không thể xảy ra trên nguyên tắc, nhưng nó vượt xa những gì mà đại đa số có thể đối đầu. Ở mức độ tối hảo, những tiêu chuẩn thẩm mỹ sẽ thay thế cho giá trị luân lý. Quý vị có thể nhìn ngắm hay ca tụng một nhóm người vì họ đẹp trai hay rộng lượng hay có khiếu âm nhạc. Nhưng đây không phải là một vấn đề lựa chọn mà là "họ được cấu tạo như vậy". Việc tán tụng có tính cách luân lý cũng phải theo một hình thức như vậy. Nếu tôi khen ngợi anh vì anh đã cứu mạng sống của tôi bất chấp tính mạng của anh, tôi ngụ ý : thật là tuyệt vời vì anh được cấu tạo nên như vậy để không thể tránh được việc anh đã làm. Và tôi vui mừng vì đã gặp gỡ được một người có quyết tâm cứu mạng tôi, chứ không gặp người khác có quyết tâm nhìn sang hướng khác. Phong cách đáng kính hay đáng khinh,

ý tìm thú vui và tinh thần tử đạo anh dũng, lòng can đảm hay hèn nhát, tính dối trá hay lòng chân thật, có những phản ứng thích đáng trước sự căm dỗ thử thách - tất cả những điều này sẽ giống như vẻ đẹp trai hay xấu trai, cao hay lùn, già hay trẻ, trắng hay đen, cha mẹ gốc Anh hay gốc Ý : một điều mà chúng ta không thể cải đổi, vì mọi sự đã được ấn định. Chúng ta có thể hy vọng sự vật tiến triển như chúng ta mong muốn. Nhưng chúng ta không thể làm bất cứ điều gì để ảnh hưởng đến nó vì bản thể chúng ta đã được cấu tạo khiến chúng ta không thể cưỡng lại mà bắt buộc phải hành động theo một kiểu cách nào đó. Lẽ dĩ nhiên, chính ý niệm hành động nói lên sự lựa chọn. Nhưng nếu sự lựa chọn đã được định sẵn, như vậy sự khác biệt giữa hành động và tác phong là gì?

Đối với tôi thật là mâu thuẫn khi một vài phong trào (chính trị) đòi hỏi hy sinh và đồng thời họ tin vào tất yếu luận. Lấy thí dụ, chủ nghĩa Mác-xít, được đặt trên nền tảng của tất yếu luận lịch sử - những giai đoạn quá độ mà xã hội phải trải qua trước khi đạt đến trình độ toàn hảo - ra lệnh thi hành những hành động gây đau đớn và nguy hiểm, cưỡng ép và tàn sát, đôi lúc cũng đau đớn không kém cho cả đôi bên sát thủ lẫn nạn nhân. Nhưng nếu lịch sử tất yếu sẽ đi đến một xã hội toàn hảo, tại sao con người phải hy sinh mạng sống cho một tiến trình mà tiến trình này không cần đến sự hỗ trợ của con người cũng sẽ đạt tới mục tiêu một cách mỹ mãn và tốt đẹp ? Quả nhiên con người có một cảm giác thật lạ lùng là, cho dù tất cả các vị tinh tú trong tiến trình di động hỗ trợ cho quý vị, nhờ vậy mà mục tiêu của quý vị toàn thắng, thì quý vị cũng phải hy sinh bản thân để rút ngắn tiến trình, để đưa những đau đớn sinh nở của một trật tự mới đến gần hơn, như Mác đã nói. Nhưng sẽ có thể thực sự thuyết phục được bao nhiêu người sẵn sàng trực diện với những hiểm nguy đó chỉ với mục đích là rút ngắn lại một tiến trình, mà cuối cùng cũng sẽ đạt đến, dù họ thành công hay thất bại đi nữa ? Điều này luôn làm cho tôi bàng hoàng và cũng làm cho người khác bàng hoàng.

Tất cả những điều này tôi đã thảo luận trong một bài thuyết trình của tôi về vấn đề này mà cho đến nay vẫn còn gây tranh luận. Nó đã được bàn thảo và tranh cãi rất nhiều và hiện nay vẫn tiếp tục.

Theo đuổi một lý tưởng

Có một đề mục mà tôi đã có lần viết, và đó là ý niệm một xã hội toàn hảo, giải đáp cho tất cả bệnh tật của loài người. Có một vài *philosophes* (nguyên văn của tác giả) Pháp của thế kỷ thứ 18 nghĩ rằng xã hội lý tưởng mà họ mong đợi tất yếu thế nào cũng đến. Những người khác lại bi quan hơn cho rằng những khuyết điểm của con người không thể nào đem lại một xã hội như vậy. Có người nghĩ rằng tiến trình đi đến xã hội này là tất yếu. Lại có người nghĩ rằng chỉ với cố gắng phi thường của con người mới đạt đến điều này, nhưng lại không thể làm được như vậy. Dù sao đi nữa, chính ý niệm một xã hội toàn hảo hàm chứa ý niệm một thế giới toàn hảo. Trong thế giới đó tất cả những giá trị lớn, mà dựa trên đó con người đã từng sống khá lâu, có thể được áp dụng chung với nhau, tối thiểu là trên

nguyên tắc. Ngoài sự kiện là ý tưởng này có vẻ hão huyền đối với những ai nghĩ rằng một thế giới như vậy không thể nào đạt đến được vì những trở ngại vật chất và tâm lý - hoặc là sự ngu muội vô phương cứu chữa, sự yếu đuối, hoặc sự thiếu vắng thuần lý tính của con người - còn có một phản kháng mãnh liệt vô cùng đối với ý niệm này.

Tôi không rõ có ai đã nghĩ ra điều này chưa. Nhưng theo suy luận của tôi, có một vài giá trị căn bản có thể tương hợp với nhau và có một số không tương hợp. Tự do, trên mọi bình diện, là một lý tưởng hằng cửu của con người, cho dù là của cá nhân hay của xã hội. Nhưng tự do tuyệt đối (phải được thể hiện trong một thế giới toàn hảo) không tương hợp với bình đẳng tuyệt đối. Nếu con người được tự do làm những điều gì mình ưa thích, như vậy kẻ mạnh sẽ đè bẹp kẻ yếu, chó sói sẽ ăn thịt cừu con, và bình đẳng không còn nữa. Nếu bình đẳng tuyệt đối muốn đạt đến, thì phải ngăn ngừa con người không cho phép trội hơn nhau, về mặt vật chất cũng như về mặt trí tuệ hay về mặt tinh thần, nếu không bất bình đẳng sẽ xuất hiện. Người chủ trương chủ nghĩa vô cơ cấu là Bakunin. Ông tin tưởng bình đẳng là trên hết và nghĩ rằng phải đóng cửa các viện đại học vì các viện này nuôi dưỡng những con người có học khiến những người này có phong cách trường thượng đối với người không có học. Và điều này gây ra bất bình đẳng xã hội. Cũng tương tự như vậy, một thế giới hoàn toàn công bằng - và ai giám chối cãi đây không phải là một trong những giá trị cao thượng nhất của con người - không tương hợp với lòng khoan dung tuyệt đối. Tôi không cần biện luận nhiều về quan điểm này: hoặc là luật pháp cứng rắn, hoặc là con người khoan dung. Nhưng cả hai giá trị không thể nào thực hiện cùng lúc được.

Một lần nữa, sự hiểu biết và hạnh phúc có thể tương hợp hay không tương hợp với nhau. Các nhà tư tưởng thuần lý cho rằng hiểu biết luôn luôn giải phóng con người, khiến con người không trở nên nạn nhân của những thế lực mà con người không hiểu đến. Trong một chừng mực nào đó điều này chắc chắn là đúng. Nhưng nếu tôi biết tôi bị bệnh ung thư điều này không khiến tôi hạnh phúc hơn hay tự do hơn. Tôi phải lựa chọn giữa luôn luôn hiểu biết càng nhiều càng tốt và chấp nhận có những trường hợp sự ngu muội có thể là một chân hạnh phúc. Không gì hấp dẫn hơn là sự sáng tạo tự phát, sức sinh động tự nhiên, trăm hoa ý kiến đua nở tự do, những tác phẩm nghệ thuật. Nhưng những điều này ít khi tương hợp với khả năng tổ chức chu đáo và hữu hiệu. Thiếu vắng khả năng này ngay cả một xã hội tương đối ổn định cũng không thể tạo dựng được.

Tự do và bình đẳng, tính hồn nhiên bộc phát và trật tự ổn định, hạnh phúc và hiểu biết, lòng khoan dung và luật pháp công minh - tất cả là những giá trị tối thượng của con người và tự chúng đã là giá trị. Tuy nhiên khi những giá trị này không tương hợp với nhau, không thể thực hiện cùng một lúc thì cần thiết phải lựa chọn. Đôi khi phải chấp nhận những sự mất mát to lớn để theo đuổi một mục tiêu thuận lợi tối hậu nào đó. Nhưng, theo thiển nghĩ của tôi, nếu điều này không những đúng về mặt thực nghiệm mà còn đúng về mặt khái niệm - có nghĩa là bắt nguồn từ chính ý niệm

của những giá trị đó - thì ý tưởng về một thế giới toàn hảo trong đó tất cả mọi điều thiện đều được thực hiện là một sự kiện không thể hiểu được. Ý tưởng này trên thực tế bất túc về mặt tư tưởng. Và nếu nó bất túc, và tôi thấy không thể nào khác được, thì ngay ý niệm về một thế giới toàn hảo, vì nó mà không có hy sinh nào quá to lớn, cũng phải tan biến trong trí óc.

Trở về lại với các Nhà Bách Khoa và những đồ đệ của Mác và tất cả những phong trào khác mà mục tiêu là đạt đến một cuộc sống toàn hảo. Dường như chủ thuyết này cho rằng phải chấp nhận tất cả những sự tàn ác kinh hồn. Vì nếu không có những sự thể này thì lý tưởng không thể nào đạt được. Tất cả những biện minh để đập vỡ trứng ngỗng hầu làm nên chả trứng tối hậu, tất cả những hung bạo, những mạng sống hy sinh, những cảnh tẩy não, tất cả những cuộc cách mạng, tất cả những gì có lẽ đã khiến thế kỷ này trở nên hãi hùng hơn mọi thế kỷ khác từ trước đến nay, đã xảy ra ở Tây Phương, đều chỉ là con số không. Vì một vũ trụ toàn hảo không những không đạt được mà còn không thể chấp nhận được về mặt tư tưởng. Và tất cả những gì đã được thực hiện để xây dựng nó được đặt trên nền tảng một nguy luận trí thức vô cùng to lớn.

Isaiah Berlin

Nguyễn Gia Thường chuyển ngữ

Ghi chú của tác giả:

(1) Phát hành năm 1958, được ghi trong hai bộ tham luận của tác giả: *Four Essays on Liberty* (Oxford University Press 1969) và *The Proper Study of Mankind: An Anthology of Essays* (Farrar, Straus and Giroux, 1998).

(2) Ghi chú của Henry Hardy: Stalin dùng câu "những kỹ sư của tâm hồn con người" trong một bài diễn văn về vai trò của các văn sĩ Xô-viết, đọc tại nhà của Maxim Gorky, ngày 26-10-1932. Thủ bút được ghi trên một bản văn không in ấn lưu trữ tại văn khố Gorky - K.L.Zelinsky, *Vstrecha pisatelei s I.V.Stalinym* (Một cuộc gặp gỡ của các văn sĩ với I.V.Stalinym) - và lần đầu tiên được phát hành, bằng tiếng Anh, tại A. Kemp-Welch, *Stalin and the Literary Intelligentsia* (Stalin và giới trí thức văn nghệ sĩ), 1928-1939 (Mac Millan UK 1991), trang 128-131; để tìm câu này xem trang 131 (và nguyên bản tiếng Nga, *Inzheneri chelovecheskikhdush*, I.V.Stalin, Sochineniya (Moscova, 1946-1967), tập 13, trang 410.

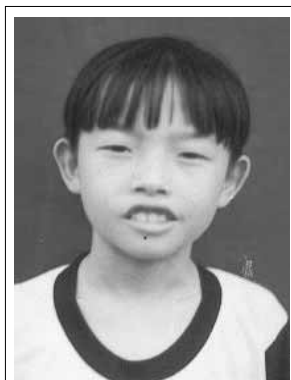
"Quốc gia Việt Nam phải được quan niệm như là một không gian liên đới và một dự án tương lai chung. Trong quan niệm này, nhà nước chỉ là công cụ để thực hiện một đồng thuận dân tộc, đúc kết của những nguyện ước cá nhân được phát biểu một cách tự do. Nhà nước ấy phải ở trong và ở dưới quốc gia, và phải xuất phát từ chọn lựa tự do của dân chúng".

(*Thành Công Thế Kỷ 21*, Phần tóm lược, trang 133)

Đọc và cổ động Thông Luận

TẠO RA MỘT CUỘC ĐỜI HẠNH PHÚC VỚI 10 ĐÔ LA MỖI THÁNG !

Nguyễn Ngọc Quý, 8 tuổi, là học sinh lớp 3 trường tiểu học Yên Hồ, huyện Đức Thọ, Hà Tĩnh. Niên học vừa qua Quý được danh hiệu « học sinh giỏi » và đoạt giải khuyến khích. Nhưng Quý có thể hơn thế nhiều nếu hoàn cảnh gia đình không quá khó khăn. Cha chết lúc Quý còn ở trong bụng mẹ. Bà mẹ thương con không lấy chồng khác, ở góa, làm mướn nuôi Quý và mẹ chồng năm nay đã 75 tuổi và thường xuyên đau ốm vì thiếu lương thực và thuốc men. Ở hoàn cảnh bừa bộn đói như thế mà Quý vẫn đứng hạng ba trong lớp thì quả là một phép mầu. Nếu được ăn học bình thường chắc chắn Quý sẽ là một học sinh xuất chúng, một người thành công và cuộc đời hạnh phúc, có ích cho xã hội, và biết đâu, một thiên tài.



Nguyễn Ngọc Quý

Đặng Kim Thoa, 19 tuổi, là một phép mầu khác. Kim Thoa sinh ra ở thôn quê tỉnh Vĩnh Long, trong một hoàn cảnh cực kỳ bi đát. Cha mẹ Kim Thoa là những nông dân không có đất, họ làm thuê làm mướn quanh năm để nuôi ba đứa con. Điều không thể tưởng tượng được là trong hoàn cảnh ấy Kim Thoa vẫn phấn đấu vừa đi học vừa đi làm mướn giúp cha mẹ nuôi các em mà vẫn học hết bậc tiểu học, rồi trung học và đậu vào trường Đại học Du lịch Sài Gòn. Giấc mơ của Kim Thoa là trở thành hướng dẫn viên du lịch, một giấc mơ hoàn toàn nằm trong tầm tay vì Kim Thoa thông minh, hoạt bát và cũng rất xinh đẹp. Khó khăn là Kim Thoa đã đi một quãng đường quá xa từ một đứa trẻ nghèo bậc nhất ở nông thôn đến một nữ sinh viên đại học tại Sài Gòn. Kim Thoa không còn giúp được cha mẹ nữa mà trái lại chính mình đang cần được giúp đỡ trong một thành phố xô bồ và xa lạ. Nếu vượt qua được khó khăn, ba năm nữa Kim Thoa sẽ là một chuyên viên du lịch tài giỏi, sẽ lấy chồng, sẽ có một cuộc sống thành công và hạnh phúc.

Giúp Kim Thoa và Quý không khó, chỉ cần một tấm lòng thôi vì hy sinh tài chánh không đáng kể : 10 USD hay 9 Euros mỗi tháng, qua trung gian hội AVENIR, tức hội Măng Non.



Đặng Kim Thoa

Thành lập từ năm 1994, hội Avenir có mục đích giúp các học sinh nghèo tại Việt Nam, cung cấp sách vở với bút mực ; xây các trường học và lớp học tại các vùng bị quên lãng ; giúp đỡ các thầy giáo, cô giáo quá nghèo vì đồng lương ít ỏi ; mở các lớp dạy nghề cho các thiếu nữ thiếu may mắn, bảo đảm cho họ có phương tiện sinh sống một cách xứng đáng. Nguồn tài chánh của hội là đóng góp của các hội viên và thu nhập của các lớp dạy tiếng Việt do hội tổ chức.

Giúp cho thanh thiếu niên Việt Nam sinh ra và lớn lên tại nước ngoài không quên tiếng mẹ đẻ cũng là một mục đích của hội.

Một hoạt động khác của hội Avenir là làm trung gian giới thiệu những học sinh nghèo cần được đỡ đầu. Mỗi người nhận đỡ đầu đóng 100 Euros, hay 120 USD mỗi năm. Hội làm việc chuyển về cho các em và bảo đảm liên hệ trực tiếp giữa người cho và người nhận. Nhờ hoạt động này, hàng trăm thiếu niên đã có thể tiếp tục học, 5 thanh niên đã tốt nghiệp đại học, 4 thanh niên khác sẽ tốt nghiệp đại học năm nay. Hiện có hơn 100 học sinh và sinh viên được đỡ đầu qua trung gian của hội.

Những trường hợp như Đặng Kim Thoa và Nguyễn Ngọc Quý không thiếu. Hơn 20 trường hợp tương tự đang chờ ân nhân. Giúp tạo dựng một cuộc đời hạnh phúc là phần thưởng cao quý, nhưng không phải chỉ có thế. Những thanh niên này, thành công nhờ lòng tốt, sẽ là những sứ giả đem thông điệp của lòng quảng đại, của tinh thần nhân loại, tình dân tộc và nghĩa đồng bào đến cho xã hội.

Quý vị muốn tiếp tay cho hội AVENIR trong mọi hoạt động của hội, đặc biệt là muốn đỡ đầu cho một học sinh hay sinh viên, có thể liên lạc về :

ASSOCIATION AVENIR
11 Mail Le Corbusier, 77185 Lognes, France
Điện thoại : (33) 01 64 80 58 27
Email : avenirmangnon@aol.com.
Ngân phiếu xin đề : **Association Avenir**

TẶNG GIÁ BÁO

Do bưu phí gửi báo tại Pháp tăng, ban biên tập xin thông báo cùng quý độc giả giá báo Thông Luận được tăng lên kể từ tháng 9-2003 :

35 EUROS/NĂM (thay vì 33 euros).

Giá báo Thông Luận ngoài Châu Âu :

45 USD/NĂM.

Các nơi khác : Canada 55 CAD, Úc 65 AUD.

"Bình thường hóa quan hệ giữa người Việt Nam với nhau. Long trọng xác nhận đất nước này là của chung mọi người chứ không phải là của riêng một đảng hay một chủ nghĩa. Nhìn nhận chỗ đứng ngang nhau cho mọi người và cho mỗi người. [...] Tất cả những điều này chúng ta đều có thể làm và đều có thể làm ngay. Rồi chúng ta sẽ cùng nhau khám phá ra sự mâu nhiệm của những giá trị rất đơn giản như tự do, dân chủ, hòa hợp dân tộc".

(*Thành Công Thế Kỷ 21*, Tóm lược, tr. 142)

TRUNG QUỐC

Tham vọng và khả năng

Sáng ngày 15-10-2003, lúc 9 giờ sáng, phi thuyền Thần Châu 5 do thiếu tá Dương Lợi Vĩ điều khiển đã được phóng vào không gian từ căn cứ Cửu Quan, tỉnh Cam Túc, Trung Quốc. Phi thuyền đã bay quanh trái đất 14 vòng, khoảng 600.000 cây số, trong 21 giờ liền và đáp xuống mặt đất an toàn bằng dù ngày 16-10-2003, lúc 6 giờ 23 sáng, trên một vùng đất hoang trong vùng Nội Mông.

Trung Quốc là quốc gia thứ ba phóng người vào không gian sau Liên Bang Xô Viết và Hoa Kỳ ; Dương Lợi Vĩ là phi hành gia đầu tiên của Trung Quốc, và là người thứ 241, bay vào không gian.

Thành công này không phải tình cờ. Từ gần 50 năm qua, sau khi thống lãnh toàn bộ đất nước, Đảng Cộng Sản Trung Quốc muốn biến quốc gia này một cường quốc quân sự để được thế giới nể nang. Với thời gian, nhận thấy không thể tranh hùng với Hoa Kỳ và Liên Bang Xô Viết về hải lục không quân, ban lãnh đạo đảng cộng sản đã âm thầm xúc tiến một số chương trình nghiên cứu không gian và nguyên tử để phòng thủ và tấn công địch thủ khi cần. Tháng 8-1956, Viện nghiên cứu số 5 chuyên về phi đạn và hỏa tiễn được thành lập ; nhiều loại hỏa tiễn phòng thủ đối không và tầm xa đã được sản xuất. Ngày 19-7-1964, Trung Quốc phóng vào quỹ đạo trái đất một hỏa tiễn chở loài chuột từ căn cứ Quảng Di, tỉnh An Huy để nghiên cứu. Sau thành công này, năm 1968 ban lãnh đạo đảng cộng sản tiến hành nhiều cuộc phóng thử nghiệm hỏa tiễn viễn liên mang đầu đạn nguyên tử. Ngày 24-4-1970 Trung Quốc phóng một vệ tinh nhân tạo và ngày 26-11-1975 một vệ tinh có thể tái sử dụng sau khi đáp xuống trái đất. Từ 1970 đến 1999, 50 vệ tinh nội địa và ngoại quốc đã được vào không gian. Sau 1988, khi chiến tranh lạnh chấm dứt, Trung Quốc tập trung chế tạo các loại hỏa tiễn Trường Chinh để phóng vệ tinh, từ 1990 trở đi tập trung vào việc sản xuất các loại hỏa tiễn Thần Công để chuyên chở những vệ tinh hạng nặng và đưa người vào không gian. Sau nhiều thử nghiệm thành công, ngày 15-10-2003 phi hành gia đầu tiên đã bay vào không gian và trở lại trái đất an toàn.

Thấy gì qua sự kiện này ?

Tuy là quốc gia thứ ba đưa người vào không gian, Trung Quốc vẫn còn đi sau Hoa Kỳ, Liên Xô 40 năm và Liên Hiệp Châu Âu 20 năm trong lãnh vực này. Thật ra cố gắng đưa người vào không gian không giải quyết được gì trong việc biến Trung Quốc thành một cường quốc quân sự và kinh tế, nó chỉ nhằm vuốt ve tự ái của một dân tộc đông đảo trên một quốc gia khổng lồ có nhiều tiềm năng nhưng thiếu khả năng. Tất cả kỹ thuật sản xuất hỏa tiễn và phóng người lên không gian đều vay mượn từ Liên Xô.

Nhìn lại khả năng sản xuất quân cụ của Trung Quốc : không có gì đáng kể. Trung Quốc vẫn chưa đủ khả năng phát minh hay sáng chế bất cứ loại vũ khí, phương tiện di

chuyển và truyền tin hiện đại nào, do đó lúc nào cũng đi sau các cường quốc quân sự và kinh tế khác vài chục năm.

Để che giấu sự yếu kém của mình, Trung Quốc chọn đi tắt bằng cách dồn mọi cố gắng vào kỹ thuật chinh phục không gian, ít tốn kém và dễ thành công hơn. Với sự hợp tác của Brazil, Trung Quốc hy vọng sẽ chiếm một phần thị trường phóng vệ tinh thương mại lên không gian, cạnh tranh trực tiếp với Hoa Kỳ, Pháp và Liên Xô. Nhưng theo giới thạo tin, chọn lựa này không đứng vững : nó giống như loại hàng hóa Trung Quốc đang tràn ngập trên thị trường các quốc gia nghèo khó, tuy có rẻ thật nhưng không bền, do đó ít được ưa

ch chuộng. Cho đến nay Trung Quốc vẫn chưa thể sản xuất xe hơi, xe lửa, tàu biển, tàu ngầm, máy bay và kỹ thuật truyền tin tự chính mình, tất cả đều vay mượn hay mua bằng sáng chế từ các quốc gia khác, nhất là từ Liên Xô, các quốc gia Đông Âu cũ, Ý, Nhật, Đại Hàn, Ấn Độ. Đó là chưa nói đến kỹ thuật khống chế hạt nhân và chế biến điện năng nguyên tử.

Tham vọng trở thành cường quốc quân sự và kinh tế của Trung Quốc là có thật nhưng khả năng hiện nay chưa cho phép. Sức mạnh quân sự của Trung Quốc chỉ đủ hù dọa một vài quốc gia yếu kém trên Biển Đông, nếu Việt Nam và Philippines được trang bị một số vũ khí phòng chống máy bay, tàu chiến và tàu ngầm, chắc chắn ban lãnh đạo Trung Quốc sẽ có thái độ ôn hòa hơn.

ĐỨC VÀ NHẬT

Sự chuyển động của hai cường quốc

Dự luận quốc tế dồn mọi chú ý vào các vụ khủng bố và trả đũa tại Palestine, các hoạt động quấy phá tại Iraq và Afghanistan, ít ai để ý đến hai biến cố quan trọng gấp nhiều lần : hai cường quốc Đức và Nhật đã chuyển động.

Nhật lâm vào suy thoái kinh tế liên tục từ hơn một thập niên qua, ngay cả trong những năm mà mọi nước trên thế giới đều tăng trưởng mạnh. Các biện pháp thông thường như hạ lãi suất, tung ra những công trình công cộng lớn, v.v. đã không đem lại kết quả nào. Lãi suất cơ bản của Nhật hiện nay là zero (0%), trong vòng 10 năm qua Nhật đã chi tiêu trên 600 tỷ USD cho các công trình công cộng, gần gấp bốn lần nước Mỹ với dân số gấp đôi. Tuy vậy sinh hoạt kinh tế của Nhật vẫn không tăng lên bởi vì nguyên nhân suy thoái của Nhật là chính trị. Đảng Tự Do Dân Chủ cầm quyền từ sau Thế chiến II là một tập hợp nhiều phe nhóm, mỗi phe đều liên hệ với một số nhóm áp lực được hưởng đặc lợi (nông dân, ngành xây dựng, công chức) và chống lại mọi thay đổi có thể gây thiệt hại cho những đặc quyền đặc lợi này, phe nhóm này lại phải làm vừa lòng phe nhóm kia. Kết quả Nhật không thay đổi được một cơ cấu xã hội cần phải thay đổi. Nhưng đầu tháng qua, thủ tướng Junichiro Koizumi đã làm một cuộc cách mạng trong nội bộ đảng Tự Do Dân Chủ. Ông đã được tái đắc cử vào

chức chủ tịch đảng một cách áp đảo, được quyền chỉ định ban chấp hành theo ý muốn mà không phải chia sẻ các chức vụ với các phe nhóm. Từ đây đảng Tự Do Dân Chủ có một ban lãnh đạo thống nhất và có thể thực hiện những cải tổ quan trọng mà xã hội Nhật chờ đợi từ lâu nhưng không làm được vì đảng cầm quyền thiếu đồng thuận. Dư luận và giới kinh doanh đã chào mừng biến cố này một cách nhiệt tình. Một luồng gió lạc quan thổi vào nước Nhật và thị trường chứng khoán Nhật đã lên một cách ngoạn mục trong hơn bốn tháng qua. Sự trở dậy của Nhật có thể làm thay đổi sinh hoạt kinh tế thế giới bởi vì hiện nay, mặc dầu đã trải qua hơn một thập niên trì trệ, Nhật vẫn là nước giàu có thứ nhì trên thế giới. GDP (tổng sản lượng quốc gia) của Nhật lớn hơn tổng số GDP của tất cả các nước châu Á khác.

Cường quốc kinh tế thứ ba của thế giới là Đức cũng đã thức dậy. Hạ tuần tháng 10, thủ tướng Gerhard Schroeder đã đưa ra một loạt biện pháp cải tổ xa lạ với lập trường cố hữu của đảng Dân Chủ Xã Hội : giảm thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp từ 36 tháng xuống còn 12 tháng, buộc những người thất nghiệp phải chấp nhận công việc mới, giảm chi phí y tế công cộng, v.v. Một ủy ban liên đảng phái trong quốc hội đã được thành lập để sửa đổi hiến pháp theo chiều hướng gia tăng sự cạnh tranh của Đức. Nhiều nhà bình luận nói rằng những biện pháp cải tổ này sẽ biến nước Đức thành một nước khác và cá nhân thủ tướng Schroeder có thể bị đào thải sau đợt cải tổ này. Đối với đảng Dân Chủ Xã Hội, ông đã đi quá xa trong khi đối với phe hữu thì ông làm chưa đủ. Dầu sao mọi người đều đồng ý rằng những cải tổ này sẽ làm cho kinh tế Đức mạnh lên.

Khi hai cường quốc kinh tế lớn hạng nhì và hạng ba thế giới này vươn mình đứng dậy, có nhiều triển vọng thập niên sắp tới sẽ là thập niên của tăng trưởng.

CONCORDE

Đại bàng hạ cánh vĩnh viễn

Ngày 24-10-2003, hơn 200.000 người đã có mặt tại phi trường Heathrow, London (Anh Quốc), để nhìn chiếc máy bay phản lực siêu tốc Concorde hạ cánh lần cuối cùng. Số người đến xem có lẽ còn đông hơn nhiều nếu chính quyền Anh không kêu gọi dân chúng đừng đến.

Thế là chấm dứt một thiên anh hùng ca của ngành hàng không dân dụng.

Concorde là một kỳ quan, và chắc chắn sẽ mãi mãi là một kỳ quan kỹ thuật và nghệ thuật. Nó có hình dáng đẹp tuyệt vời, đẹp hơn mọi đại bàng mà người ta có thể tưởng tượng, nó bay nhanh gấp đôi vận tốc âm thanh và có thể đem hành khách từ Paris, hay London, tới New York, hay Washington DC, trong vòng ba giờ rưỡi. Một người có thể làm việc đầu buổi sáng tại Paris, đáp chuyến Concorde cất cánh lúc 12 giờ trưa và đến New York hồi 9 giờ 30 cùng ngày (do sai biệt giờ giấc).

Concorde cũng là một máy bay rất an toàn. Trong thời gian 26 năm hoạt động, với trên 50.000 chuyến bay, đã chỉ có một tai nạn do một trường hợp rất tình cờ : một miếng sắt rớt từ một máy bay khác trên quỹ đạo cất cánh bị bánh máy bay hất mạnh ra phía sau chọc thủng bình chứa xăng làm động cơ dưới cánh bốc cháy. Tai nạn này đã dẫn đến quyết định đình chỉ khai thác Concorde sớm hơn dự định, dù nó không phải là nguyên nhân đưa đến sự loại bỏ Concorde khỏi hàng không dân dụng.

Concorde là thành quả của hợp tác kỹ thuật Anh-Pháp và là máy bay hàng không dân dụng bay nhanh nhất từ xưa đến nay, và có lẽ mãi mãi sau này. Được cất cánh bay lần đầu năm 1968 và bắt đầu được khai thác từ 1976, Concorde đã bay trong không gian trong vòng 35 năm.

Có hai lý do đưa tới sự thất bại của Concorde. Lý do kỹ thuật là nó gây chấn động quá mạnh trên bầu trời do phản lực mạnh. Lý do này khiến nhiều thành phố từ chối đón nhận nó. Như vậy trong tương lai có lẽ sẽ không còn những máy bay như Concorde nữa. Lý do kinh tế là giá vé quá đắt, đắt gấp 10 lần một máy bay phản lực thông thường cho nên chỉ một số nhỏ rất giàu mới có thể trả tiền được. Concorde đã không ngừng lỗ vốn và cuối cùng bị hy sinh trên bàn thờ lợi nhuận.

HOA KỲ

Hai người Việt bị bắt vì tẩu tiền bản

Tại tòa án địa phương Seattle, bang Washington, Hoa Kỳ, ngày 22-10-2003, hai chị em Trương Nữ Đoàn Nghiêm và Trương Quốc Tùng đã nhìn nhận phạm tội tham gia vào một mạng lưới tẩu tiền bản qua công ty Mỹ Á chuyên về dịch vụ chuyển tiền của họ. Nguồn gốc của tiền bản là ở Việt Nam. Nguồn tin này được nhật báo *Seattle Time* loan tải.

Công ty Mỹ Á của hai chị em Đoàn Nghiêm và Tùng đặt trụ sở tại Seattle nhưng có đại diện tại nhiều nơi khác trên nước Mỹ và tại Sài Gòn. Hai chị em nhìn nhận đã tẩu 2,5 triệu USD tiền bản, họ cũng nhìn nhận nguồn gốc số tiền này là do hoạt động buôn ma túy của Đinh Công Chính và Andy Hoàng cùng với hai người khác. Đinh Công Chính và Andy Hoàng hiện vẫn lẫn trốn.

Tòa án Seattle cho biết Trương Nữ Đoàn Nghiêm sẽ bị xét xử ngày 23-1-2004, Trương Quốc Tùng ngày 27-1-2004. số tiền 2,5 triệu USD có thể chỉ là một phần nhỏ của tổng số tiền bản mà họ đã tẩu, được ước lượng là 20 triệu USD. Với tội trạng mà họ đã nhìn nhận, hai chị em có thể bị xử 20 năm tù và 500.000 USD tiền phạt. Hai người kia chưa nhìn nhận tội đồng lõa.

Ngoài ra còn có thêm 5 người khác đã bị bắt và còn đang được điều tra để giải tòa.

Vụ này vẫn còn đang được chính quyền Mỹ tiếp tục điều tra và có thể có những hậu quả lớn trong quan hệ Việt-Mỹ. Tên của những người cầm đầu đường dây này tại Việt Nam vẫn chưa được công bố. Tuy nhiên người ta có thể tin là có các quan chức cao cấp trong ngành công an bởi

vì các băng đảng buôn lậu ma túy và xã hội đen tại Việt Nam luôn luôn gắn bó chặt chẽ với công an, có khi ở những cấp bậc rất cao, như trong vụ án Năm Cam.

Mặt khác, dịch vụ tẩy tiền bẩn, nghĩa là biến tiền có được bằng những hoạt động bất chính như hối lộ, tống tiền, buôn ma túy, mở sòng bài, tổ chức mại dâm, buôn gái sang Trung Quốc, v.v. thành tiền hợp pháp hiện nay rất phát triển tại Việt Nam.

Tư sản đồ, các quan chức tham nhũng, các băng đảng xã hội đen và nhất là công an có quá nhiều tiền bẩn để tẩy. Dịch vụ tẩy tiền bẩn này nhằm hai mục đích : mục đích thứ nhất và hiển nhiên là biến tiền phi pháp thành tiền hợp pháp, mục đích thứ hai không kém quan trọng là đem tiền ra nước ngoài cất giấu an toàn trong các ngân hàng. Chủ các khoản tiền bẩn sẵn sàng chấp nhận khoản hoa hồng rất hấp dẫn cho những người trung gian. Đối với họ hai đổi một là một tỷ lệ rất tốt.

Các trung gian có thể mở các công ty dùng tiền bẩn làm vốn, dù làm ăn có lỗ cũng không sao, miễn là số tiền còn lại là tiền hợp pháp. Họ cũng có thể xoay sở để mua bất động sản với điều kiện là tìm được đại lý nhà đất dễ tính hoặc những người bán nhà muốn trốn thuế bằng cách nhận một phần tiền mặt. Một cách tiện lợi như chị em Đoàn Nghiêm và Tùng đã làm là mở các công ty chuyển tiền. Khác với các ngân hàng, các công ty này ít đòi hỏi giấy tờ hơn.

Chính sách ngăn chặn nguồn tài trợ của các tổ chức khủng bố vô tình làm cho dịch vụ tẩy tiền bẩn trở nên khó khăn. Hai chị em họ Trương đã sa lưới do sự tăng cường kiểm soát các dịch vụ chuyển tiền trong mục đích chống khủng bố.

QUỐC HỘI

Một khóa họp cực kỳ tẻ nhạt

Quốc hội Việt Nam đã bắt đầu họp lần thứ 4 cho khóa 11 từ ngày 21-10-2003 và sẽ diễn ra trong hai tuần lễ.

Kỳ họp này đã rất tẻ nhạt, ngay cả so với những lần họp trước vốn đã tẻ nhạt. Các vấn đề chính trị thật sự quan trọng đã không được bàn đến. Sau vụ đàn áp phong trào dân chủ và mới đây Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, các đại biểu có lẽ đã được chỉ thị không được đặt những câu hỏi có tính chính trị. Họ đã nghe phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng báo cáo về tình hình kinh tế, xã hội ; nghe bộ trưởng Uông Chu Lưu báo cáo về tình hình thi hành án, nghe chủ tịch Tòa Án Tối Cao Nguyễn Việt Hiền và chủ tịch Viện Kiểm Sát Nhân Dân Tối Cao Hà Mạnh Tri đọc diễn văn rồi chuyển sang bàn cãi những điểm hoàn toàn không quan trọng như tu chính luật nhà đất, luật bảo trợ xã hội và tiền lương, luật kinh doanh, v.v. Đã chỉ có những thắc mắc chứ không có phần đề nghị nào.

Phần thảo luận về luật pháp đã có thể là dịp để các đại biểu chất vấn chính phủ về những lỗ lảng và tùy tiện của các vụ án chính trị, các vụ bắt người giam giữ quá thời hạn luận tội, việc gán ghép lỗi bịch tội gián điệp, việc ngăn

chặn trái phép hòa thương Thích Huyền Quang vào Sài Gòn, hay tính vi hiến của nghị định 31/CP cho phép công an quản chế không lý do mọi công dân, v.v. Tuy nhiên các đại biểu đã hoàn toàn im lặng. Để cố làm ra vẻ có thảo luận, một số đại biểu đã được phép phát biểu hơi gây cản về quyền sở hữu đất đai, về sự lan tràn của tham nhũng, nhưng đó đều là những vấn đề đã cũ mà ai cũng biết.

Theo hiến pháp, quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất của nhà nước, nhưng trên thực tế nó lại là cơ quan ít quyền lực nhất. Quốc hội Việt Nam có nhiều tiềm năng vì có quyền hiến định cao nhất và về mặt nhân sự cũng là nơi tập trung nhiều người ít tai tiếng. Nhưng nó không đóng được vai trò này vì gồm toàn những người được chọn lựa rất kỹ theo tiêu chuẩn hiền lành dễ bảo, bị kiểm soát chặt chẽ bởi Đảng Cộng Sản Việt Nam. Hơn nữa, một số đồng hình như còn không hiểu vai trò của quốc hội cho nên chỉ phát biểu những điều không liên quan gì đến quốc hội như "cần phối hợp các khâu chọn giống", "thu hoạch và phân phối", v.v.

Quốc hội họp mỗi năm hai lần, mỗi lần hai tuần lễ. Đối với một quốc hội bình thường, thời gian như thế là quá ít. Tuy nhiên đối với quốc hội Việt Nam nó là quá dài. Để trám những lỗ hổng, có những thuyết trình giống một cuộc hội thảo để thông tin, như thuyết trình về vấn đề phòng cháy chữa cháy...

Báo chí Việt Nam nói rất ít về khóa họp này. Ngay cả trang nhà (website) của quốc hội cũng chỉ nói sơ qua và dành đại bộ phận cho những tin tức lặt vặt.

QUAN HỆ VIỆT - MỸ

Phạm Văn Trà thăm viếng Hoa Kỳ

Đại tướng Phạm Văn Trà, bộ trưởng quốc phòng Việt Nam, sẽ cầm đầu một phái đoàn quân sự sang thăm viếng nước Mỹ từ ngày 8 đến ngày 12-11-2003.

Đây là lần đầu tiên một bộ trưởng quốc phòng Việt Nam sang thăm viếng Hoa Kỳ vì thế chuyến thăm viếng này đã gợi ra nhiều suy luận, trong đó có ý kiến cho rằng Việt Nam đang tìm cách tiến sát lại với Mỹ để giải tỏa áp lực của Trung Quốc. Về mặt chiến lược, lý luận này hoàn toàn có cơ sở vì Việt Nam hầu như không có chọn lựa khôn ngoan nào khác. Tuy nhiên trở ngại chính là nếu muốn hợp tác chặt chẽ với Mỹ thì phải chuyển hóa về dân chủ, điều mà Đảng Cộng Sản Việt Nam không muốn. Vì thế không nên chờ đợi nhiều ở cuộc thăm viếng này, nó mới chỉ là bước đầu dò dẫm.

Trong một cuộc phỏng vấn dành cho hãng thông tấn Vietnam Net, ông Trà cho biết là ông sẽ chủ yếu thảo luận với phía Mỹ về vấn đề tìm kiếm hài cốt người Mỹ mất tích trong chiến tranh. Ông cũng cho rằng chuyến viếng thăm này sẽ mở đường cho nhiều trao đổi về quân sự giữa hai bên nhưng không cho biết chi tiết.

Theo đúng chương trình, ông Trà sẽ gặp và thảo luận với cố vấn an ninh Condolezza Rice, bộ trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld và bộ trưởng ngoại giao Collin Powel.

NGƯỜI VIỆT TẠI BA LAN biểu tình phản đối Trần Đức Lương và bênh vực những người dân chủ trong nước

Ngày 13-10-2003, khi đến thủ đô Warsaw bắt đầu cuộc thăm viếng chính thức, ông Trần Đức Lương đã gặp một bất ngờ : những người dân chủ Việt Nam tại Ba Lan biểu tình đòi trả tự do cho những người dân chủ đang bị giam giữ trong nước.

Cuộc biểu tình này do các chí hữu Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên tại Ba Lan tổ chức, với sự hợp tác của tổ chức Ân xá Quốc Tế. Có lẽ ông Trần Đức Lương không thể ngờ là lần đầu tiên ông trực tiếp chứng kiến một cuộc biểu tình chống chế độ độc tài mà ông đại diện xảy ra tại một nước cộng sản anh em cũ và những người tới phản đối chế độ lại là những người xuất phát từ chính chế độ.

Số người biểu tình không đông so với số 200 người mà sứ quán Việt Nam vận động để chào đón thủ tướng Trần Đức Lương, nhưng điều đáng nói là những người Việt đi đón ông Lương đã tỏ ra rất thân thiện với những người biểu tình chống chế độ. Có những cái bắt tay vui vẻ giữa những người đến chào đón và những người biểu tình như cùng chia sẻ một lập trường chung. Một nhân viên người Việt được sứ quán Việt Nam chọn để bảo vệ cuộc đón tiếp đã tháo găng tay đưa cho ông Trần Ngọc Thành, trưởng ban tổ chức cuộc biểu tình, mang cho đỡ lạnh. Cuộc biểu tình bênh vực những người dân chủ Việt Nam cũng đã thu hút được sự chú ý của các báo chí và đài phát thanh Ba Lan, qua đó dư luận quần chúng Ba Lan đã dành cho cuộc biểu tình một cảm tình nồng nhiệt.

Đoàn người biểu tình đã căng nhiều biểu ngữ và chân dung các chiến sĩ dân chủ đang bị cầm tù như Phạm Hồng Sơn, Lê Chí Quang, Trần Khuê, Phạm Quế Dương và linh mục Nguyễn Văn Lý.

Ông Trần Ngọc Thành, đại diện Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên tại Ba Lan, sau đó đã trả lời nhiều cuộc phỏng vấn của các đài phát thanh Ba Lan cũng như các chương trình Việt ngữ của các đài phát thanh về Việt Nam như BBC, RFA...

Ông Trần Ngọc Thành đã từng là đảng ủy Đảng Cộng Sản Việt Nam và giữ vai trò lãnh đạo trong công đoàn tỉnh Nghệ An khi còn ở Việt Nam.

Tìm đọc Thông luận và nhiều tiết
mục khác trên internet :
<http://www.thongluan.org>

Mục lục

1. Đàn áp Phật Giáo : còn tệ hơn cả một tội ác
Thông Luận
2. Tuyên ngôn của GHPGVNTN
3. Sự hung bạo miễn phí
Nguyễn Văn Huy
5. Tôn giáo và cuộc vận động dân chủ
Nguyễn Gia Kiểng
7. Cái nhìn từ Sài Gòn
Tôn Thất Thiện
9. Việt, Cường, Hoa bị kết tội lợi dụng quyền tự do dân chủ
Nguyễn Hữu Thống
11. Arnold Schwarzenegger và cuộc bầu cử bãi nhiệm lịch sử
Nguyễn Gia Xương
13. Trung Quốc và bước nhảy vọt lên không gian
Lý Nhân Bản dịch
14. Những dấu hỏi ?
Nghiêm Văn Thạch
15. Nghĩa hội Tình thương
16. Thế nào là "âm mưu của các thế lực thù địch" ?
Ya Biloh
18. Người Việt ở Berlin và bức tường hình trụ
Phạm Việt Vinh
22. Con đường trí thức của tôi
Isaiah Berlin
28. Tạo ra một cuộc đời hạnh phúc với 10 đô la mỗi tháng !
29. Thời sự quốc tế và Việt Nam
32. Người Việt tại Ba Lan biểu tình phản đối Trần Đức Lương...

Nguyệt san THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
(tháng 7 & 8 chỉ ra một số)

Đặt mua báo dài hạn hoặc góp ý, xin liên lạc :

Tại Pháp : Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy Saint Georges. Giá một năm báo là 35 Euros. Ngân phiếu xin đề : *Vietnam Fraternité*.

Tại Đức : Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main. Giá một năm báo là 35 Euros. Xin chuyển vào trương mục của ngân hàng Frankfurt Volksbank e G : *Thanh Luong Nguyen*, Konto nr : 0077708294 - Bankleitzahl : 50190000.

Tại Hòa Lan : Trần Bá Thành, Braamlanden 76, 7542 CJ Enschede. Giá một năm báo là 35 Euros. Xin chuyển vào trương mục : Giro nr. 6234112 của *Stichting mensenrechten voor VietNam* (Hội Bảo Trợ Nhân Quyền Việt Nam).

Tại Hoa Kỳ : Thong Luan, P.O. Box 51682, San Jose, CA 95151. Giá một năm báo là 45 USD. Ngân phiếu xin đề : *Quan My Lan*. E-mail : qml@thongluan.org.

Tại Úc : Sơn Dương, 36 Clarence Street, Condell Park, NSW 2200. Giá báo một năm là 65 AUD. Ngân phiếu xin đề : *Thu S. Duong* (Báo Thông Luận).